

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN XUÂN THÀNH

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY
LẬP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG 8**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Hà Nội, 6/2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN XUÂN THÀNH

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY
LẬP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG 8**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành: 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi

Hà Nội, 6/2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn “*Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8*” là công trình nghiên cứu của tôi, với sự hướng dẫn của cô giáo **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2017

Tác giả

Nguyễn Xuân Thành

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sỹ kế toán với đề tài “*Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8*”.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn tới tất cả các thầy cô giáo đã giảng dạy và giúp đỡ tác giả trong suốt khóa học và đặc biệt là thầy giáo **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**, đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thiện Luận văn này.

Trong quá trình thực hiện, mặc dù đã nỗ lực hết mình trong quá trình học tập và nghiên cứu nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, vì vậy tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2017

Tác giả

Nguyễn Xuân Thành

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	
LỜI CẢM ƠN	
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	IV
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
LỜI NÓI ĐẦU	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài	1
1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.....	2
1.3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.....	4
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
1.5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
1.6. Kết cấu của đề tài.....	5
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP	6
2.1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	6
2.1.1. Đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp.....	6
2.1.2. Đặc điểm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp	7
2.2. Nội dung chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.....	8
2.2.1 Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất xây lắp.....	8
2.2.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp	12
2.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	14
2.2.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	15
2.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính.....	16
2.3.1. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.....	16
2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp.....	20

II

2.3.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.....	21
2.3.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang trong các doanh nghiệp xây lắp.....	37
2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	38
2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị.....	40
2.4.1 Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.....	40
2.4.2 Định mức chi phí và lập dự toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp...	41
2.4.3 Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp.....	47
2.4.4 Phân tích chi phí trong quan hệ với kết quả kinh doanh và lợi nhuận, ra quyết định chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm	50
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	52
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HUNG 8.....	53
3.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8	53
3.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển	53
3.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý	54
3.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm	58
3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp	60
3.2 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 dưới góc độ kế toán tài chính	63
3.2.1 Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty	63
3.2.2 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty.....	64
3.2.3 Kế toán chi phí sản xuất.....	65
3.2.4 Kế toán giá thành sản phẩm tại Công ty	80
3.2.5 Trình tự hạch toán.....	81

III

3.3 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty dưới góc độ kế toán quản trị.....	82
3.3.1 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	82
3.3.2 Tổ chức lập dự toán chi phí.....	82
3.3.3 Tổ chức báo cáo chi phí	88
3.4 Đánh giá chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8	89
3.4.1. Những ưu điểm đạt được.....	89
3.4.2 Những hạn chế cần khắc phục.....	92
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG 8	97
4.1. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện	97
4.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8	98
4.2.1. Dưới góc độ kế toán tài chính.....	98
4.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị	104
4.3. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện.....	114
4.3.1. Về phía cơ quan nhà nước	114
4.3.2. Về phía doanh nghiệp.....	115
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	118
KẾT LUẬN	119
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	121

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CP SXC	CPSX chung
HĐQT	Hội đồng quản trị
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KLXL	Khối lượng xây lắp
NVL	Nguyên vật liệu
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
XDCB	Xây dựng cơ bản
HMCT	Hạng mục công trình
CP NVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CP NCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CP MTC	Chi phí sử dụng máy thi công

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

LỜI NÓI ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế nước ta trong những năm gần đây ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới, phát triển theo hướng mở làm xuất hiện nhiều thành phần kinh tế khiến cho tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tăng rõ rệt. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và vươn lên khẳng định vị trí của mình cần phải năng động trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt cần làm tốt kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nhằm giảm chi phí từ đó hạ giá thành sản phẩm song vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng. Ngành xây dựng cơ bản trong điều kiện phát triển như hiện nay ngày càng giữ vai trò quan trọng trong quá trình tạo ra cơ sở vật chất cho đất nước và là ngành có số vốn bỏ ra nhiều do đó hạch toán chi phí lại càng quan trọng nhằm chống thất thoát lãng phí và tham ô. Kế toán luôn được xác định là khâu trọng tâm trong đó kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là bộ phận quan trọng hàng đầu với mục đích hạ thấp chi phí thông qua việc sử dụng tiết kiệm đầu vào, tận dụng tốt nguồn lực sản xuất hiện có, kết hợp các yếu tố sản xuất một cách tối ưu ... giúp quản lý chi phí, giá thành theo từng công trình, từng giai đoạn, từ đó đối chiếu, so sánh với số liệu định mức, tình hình sử dụng lao động, vật tư, chi phí dự toán để tìm ra nguyên nhân chênh lệch, kịp thời ra các quyết định đúng, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu đã đề ra. Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp XDCCB không chỉ có ý nghĩa to lớn trong phạm vi ngành mà còn có ý nghĩa to lớn đối với các ngành khác và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Thực tế hiện nay kế toán ở các doanh nghiệp XDCCB nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng còn nhiều

thiếu sót dẫn đến tình trạng thất thoát, lãng phí vật tư, lao động, tiền vốn. Vì vậy, việc quản lý chặt chẽ cũng như hạch toán một cách đầy đủ, kịp thời các chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là rất cần thiết nhằm mục đích cân đối chi phí và lợi nhuận, giám sát đồng thời cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và dưới sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo PGS.TS Nghiêm Văn Lợi cùng các anh chị Phòng Kế toán và các phòng ban khác tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài: ***“Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8”*** làm Luận văn Thạc sỹ của mình.

1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Đề tài về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã được rất nhiều tác giả ở bậc thạc sỹ nghiên cứu và đề cập. Mỗi công trình đều có phạm vi hoặc đặc thù nghiên cứu khác nhau. Phạm vi nghiên cứu ở từng công ty cụ thể hoặc nhóm doanh nghiệp hoạt động trong từng lĩnh vực khác nhau như xây dựng sản xuất, thương mại.... Khía cạnh nghiên cứu từ kế toán tài chính đến kế toán quản trị, với mục đích chung là hoàn thiện và nâng cao hiệu quả kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm. Mỗi công trình nghiên cứu đều có những nét đặc thù riêng tùy thuộc vào thực trạng đối với đơn vị, nhóm đơn vị nghiên cứu và có đóng góp nhất định cho kế toán nói chung và kế toán CPSX, tính giá thành sản phẩm nói riêng. Một số công trình cụ thể như sau:

- Luận văn “ Hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 5” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hằng năm 2014. Luận văn đã trình bày những cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm trong

doanh nghiệp xây lắp như khái niệm phân loại , phương pháp kế toán CP NVLTT, CP NCTT, CP SXC....kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm trong công ty xây dựng.

- Luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn Hà Nội trong điều kiện vận dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam” của Thạc sĩ Hoàng Thị Nga – 2014 (Trường ĐH Thương Mại). Về mặt lý luận Luận văn đã tổng quát những vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp xây lắp, Về mặt thực tiễn Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp. Trên cơ sở phân tích mặt mạnh, mặt yếu từ đó đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp này.

- Luận văn “*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí xây lắp tại Công ty Sông Đà 11*” – Lưu Thị Phương Thúy năm 2014. Luận văn đã đánh giá được các điểm mạnh, điểm yếu trong kế toán CPSX và tính giá thành nói riêng và kế toán doanh nghiệp nói chung. Đồng thời, tác giả cũng đã đưa ra được các giải pháp nhằm hoàn thiện phương pháp hạch toán kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Như vậy đã có nhiều đề tài nghiên cứu của nhiều tác giả về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp nhưng chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 hoặc một đơn vị có đặc điểm sản xuất kinh doanh tương tự như Công ty. Chính vì vậy, tác giả đã tập trung nghiên cứu lý luận về CPSX, giá thành sản phẩm xây lắp ở cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, phân tích đặc điểm của tổ chức sản xuất và quy trình sản xuất tại Công ty cổ

phần xây dựng Phục Hưng 8 ảnh hưởng đến kế toán CPSX và giá thành sản phẩm. Luận văn cũng tập trung nghiên cứu thực trạng kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 dưới hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, từ đó nêu ý kiến đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán CPSX và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty này.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- **Mục tiêu tổng quát:** đánh giá thực trạng kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 nhằm tìm ra những ưu nhược điểm, từ đó có thể rút ra được những biện pháp góp phần hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp xây lắp.

+ Tìm hiểu thực trạng kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

+ Đánh giá thực trạng, rút ra những ưu điểm, hạn chế, đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu: Luận văn đi sâu nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

+ Phạm vi nghiên cứu: Các công trình, hạng mục công trình Công ty trúng thầu và đang thi công.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp cơ bản chủ yếu vận dụng để nghiên cứu luận văn là phương pháp duy vật biện chứng, xem xét các vấn đề trên quan điểm duy vật lịch sử và các quan điểm lý luận đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lý thuyết kinh tế và quản lý hiện đại.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm: Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, tìm hiểu thông tin trên internet, báo chí; phân tích; thống kê; tổng hợp; so sánh; mô hình hóa dựa trên những tài liệu sẵn có của đơn vị mà được vận dụng với điều kiện cụ thể, cơ chế chính sách hiện hành.

1.6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục các bảng biểu, hình vẽ, các chữ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo và kết luận, bố cục đề tài gồm 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý luận về kế toán CPSX và tính giá thành tại các doanh nghiệp xây lắp.

Chương 3: Thực trạng kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

Chương 4: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

2.1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.1.1. Đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp

So với các ngành sản xuất khác, các doanh nghiệp xây lắp có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành XDDB, tạo nên đặc trưng của các doanh nghiệp này, cụ thể như sau:

- Sản phẩm xây lắp là những công trình hoặc vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm được xây lắp theo thiết kế kỹ thuật và giá dự toán riêng. Do đó, đòi hỏi mỗi sản phẩm trước khi tiến hành sản xuất phải lập dự toán về thiết kế thi công và trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải tiến hành so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc giá thanh toán với đơn vị chủ thầu, giá này thường được xác định trước khi tiến hành sản xuất thông qua hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Mặt khác sản phẩm xây lắp không thuộc đối tượng lưu thông, nơi sản xuất đồng thời là nơi tiêu thụ sản phẩm vì vậy sản phẩm xây lắp là loại hàng hoá có tính chất đặc biệt.

- Thời gian sử dụng của sản phẩm xây lắp là lâu dài và giá trị của sản phẩm xây lắp rất lớn. Đặc điểm này đòi hỏi các doanh nghiệp xây lắp trong quá trình sản xuất phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng công trình để đảm bảo cho công trình và tuổi thọ của công trình theo thiết kế.

Những đặc điểm trên có ảnh hưởng lớn tới công tác tổ chức hạch toán kế toán, làm cho phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có những đặc điểm riêng. Để phát huy đầy đủ vai trò là công

cụ quản lý kinh tế, kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp phải được tổ chức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm trong xây dựng cơ bản và thực hiện nghiêm túc các chế độ của kế toán do Nhà nước ban hành.

2.1.2. Đặc điểm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

- Ngoài những khoản mục chi phí sản xuất thông thường, các doanh nghiệp xây lắp còn phát sinh thêm một số khoản mục chi phí như: Chi phí vận chuyển máy thi công đến công trường, chi phí huy động nhân công, chi phí lán trại cho công nhân... Vì vậy kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp rất phức tạp, trong đó có những khoản chi phí chung cần phân bổ đến từng công trình cụ thể, cần có cách thức phân bổ phù hợp để phục vụ công tác quản lý chi phí, giá thành theo công trình.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ, dễ hư hỏng tùy thuộc vào thời tiết, cần chú ý đến biện pháp bảo quản và kiểm soát chi phí. Chi phí nhân công trực tiếp thường chiếm một tỷ lệ nhất định trong tổng chi phí sản xuất tùy theo từng loại công trình xây dựng dân dụng, công trình giao thông..., điều kiện thi công công trình phải sử dụng nhiều lao động thủ công, yêu cầu về bậc thợ cao hay thấp. Chi phí sử dụng máy thi công chiếm tỷ trọng cao hay thấp cũng tùy thuộc vào từng công trình thi công bằng máy hay thủ công. Trong kế toán chi phí cũng cần dựa vào những đặc điểm này của chi phí để bước đầu có thể đánh giá được mối tương quan của từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm của từng công trình để phục vụ việc kiểm soát chi phí.

- Việc tập hợp chi phí thực phát sinh, đối chiếu với dự toán là một công việc thường xuyên và cần thiết của kế toán để kiểm tra chi phí phát sinh đó có phù hợp với dự toán hay không cũng như để kiểm tra tính hiệu quả trong việc quản trị chi phí.

- Thời gian thi công công trình thường kéo dài nên việc theo dõi chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở công ty xây dựng không chỉ dừng lại ở việc tập hợp và theo dõi chi phí phát sinh trong năm tài chính mà còn phải theo dõi chi phí phát sinh, giá thành, doanh thu lũy kế qua các năm kể từ khi công trình bắt đầu khởi công cho đến thời điểm công trình được quyết toán.

2.2. Nội dung chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

2.2.1 Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất xây lắp

2.2.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải biết kết hợp 3 yếu tố cơ bản, đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Hao phí của những yếu tố này biểu hiện dưới hình thức giá trị được gọi là chi phí sản xuất.

Như vậy, Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

2.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

* Phân loại theo nội dung kinh tế của chi phí:

Theo cách phân loại này, mỗi loại chi phí sản xuất mang một nội dung kinh tế riêng không phân biệt chi phí đó phát sinh ở lĩnh vực hoạt động sản xuất nào, ở đâu và mục đích hoặc tác dụng của chi phí như thế nào. Ta có thể phân loại như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: gồm toàn bộ giá trị về các loại nguyên vật liệu chính (như sắt, xi măng, cát...), nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ,

phụ tùng thay thế, thiết bị xây dựng cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ.

- Chi phí nhân công: gồm tổng số tiền lương, phụ cấp và các khoản trích (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) trên lương của người lao động theo chế độ quy định trong doanh nghiệp trong kỳ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là toàn bộ số tiền trích khấu hao về thiết bị vận tải, máy thi công xây dựng...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã chi trả cho các dịch vụ từ bên ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê máy thi công... phục vụ hoạt động xây lắp.

- Chi phí bằng tiền khác: Gồm toàn bộ số tiền phải trả khác cho hoạt động sản xuất thi công ngoài các yếu tố đã kể trên như chi phí tiếp khách, hội họp....

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế như trên cho biết kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí, là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất.

* Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng:

Căn cứ vào mục đích và công dụng của chi phí trong quá trình xây lắp và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành theo khoản mục chi phí. Mục đích của phân loại này nhằm tìm ra các nguyên nhân làm thay đổi giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm. Toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được phân loại như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là giá trị thực tế của các nguyên vật liệu chính (xi măng, cát, đá, sắt, thép...), nguyên vật liệu phụ (sơn, vôi), các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình sử dụng trực tiếp cho sản phẩm xây lắp.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm các khoản tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp xây lắp. Các khoản phụ cấp lương như tiền ăn ca, tiền công phải trả cho lao động thuê ngoài cũng được hạch toán vào khoản mục này.

- Chi phí sử dụng máy thi công: là toàn bộ các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công như chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí CCDC, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí sản xuất chung: bao gồm các khoản chi phí phục vụ cho công tác quản lý sản xuất chung ở tổ, đội sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp như chi phí vật liệu, chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí nhân viên quản lý đội xây lắp gồm lương chính, lương phụ và các khoản tính theo lương của nhân viên quản lý đội (bộ phận sản xuất); công nhân xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công.

+ Chi phí vật liệu: gồm giá trị vật liệu dùng để sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ, các công cụ dụng cụ ở đội xây lắp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở đội xây lắp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại sử dụng cho sản xuất và quản lý ở đội xây lắp.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và xác định định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

* Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí:

- Chi phí trực tiếp: Là chi phí liên quan đến từng đối tượng chịu chi phí, những chi phí này được kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để tập hợp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí gián tiếp: Là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí; những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng liên quan theo một tiêu chuẩn thích hợp.

Cách phân loại chi phí này có ý nghĩa đối với việc xác định chi phí cố định và phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách hợp lý.

* Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm sản xuất

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí cố định: là những chi phí mang tính tương đối ổn định không phụ thuộc vào mức hoạt động. Khi mức hoạt động tăng thì mức chi phí tính trên một đơn vị hoạt động có xu hướng giảm.

- Chi phí biến đổi: là những chi phí thay đổi phụ thuộc vào mức hoạt động như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công... Chi phí biến đổi cho một đơn vị hoạt động mang tính ổn định.

- Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố sản xuất của chi phí cố định và chi phí biến đổi (như chi phí điện thoại, fax, chi phí thuê phương tiện vận chuyển vừa tính giá thuê cố định, vừa tính giá thuê theo quãng đường vận chuyển thực tế...).

Cách phân loại này có vai trò quan trọng trong phân tích điểm hoà vốn phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của nhà quản lý.

Ngoài các cách phân loại chi phí sản xuất trên, tùy thuộc vào các yêu cầu quản lý chi phí sản xuất xây lắp, có thể phân loại theo các cách khác

nhau, mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với quy trình công nghệ, theo thẩm quyền và ra quyết định....

2.2.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

2.2.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm:

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các chi phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ hoàn thành.

Quá trình sản xuất là quá trình thống nhất bao gồm 2 mặt: chi phí sản xuất và kết quả sản xuất. Tất cả các khoản chi phí phát sinh (phát sinh trong kỳ, kỳ trước chuyển sang) và các chi phí trích trước có liên quan đến khối lượng sản phẩm lao vụ, dịch vụ hoàn thành trong kỳ sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Nói cách khác, giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kể kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

2.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

* Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành:

Để đáp ứng yêu cầu của quản lý và hạch toán, giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm nhiều loại khác nhau, tùy theo tiêu thức sử dụng, theo cách phân loại này, chỉ tiêu giá thành được chia làm 3 loại:

- Giá thành dự toán: Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình là giá thành công tác xây lắp được xác định trên khối lượng công tác xây lắp theo thiết kế được duyệt, các dự toán và đơn giá thành xây dựng cơ bản do cấp có thẩm quyền ban hành và dựa theo mặt bằng giá cả thị trường. Giá thành dự toán là hạn mức kinh phí cao nhất mà doanh nghiệp có thể chi ra để đảm bảo có lãi. Nó là tiêu chuẩn để đơn vị xây lắp phấn đấu hạ thấp định mức thực tế, là căn cứ để kế hoạch hóa giá thành công tác xây lắp và đề

ra các biện pháp tổ chức kinh tế kỹ thuật nhằm hoàn thiện nhiệm vụ hạ giá thành công tác xây lắp được giao.

- Giá thành kế hoạch: là loại giá thành dự toán căn cứ vào những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp xây dựng cơ bản, của công trường trong một thời kỳ kế hoạch nhất định. Giá thành kế hoạch xây lắp được lập dựa vào định mức chi phí nội bộ của tổ chức xây lắp, về mặt nguyên tắc định mức chi phí nội bộ này phải tiên tiến hơn định mức dự toán. Vì vậy giá thành kế hoạch công tác xây lắp phải bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán.

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá thành kế} & = & \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá} \\ \text{hoạch của CT,} & & \text{của CT, HMCT} & \text{thành kế} \\ \text{HMCT} & & & \text{hoạch} \end{array}$$

- Giá thành thực tế: phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện khối lượng công tác xây lắp. Giá thành thực tế bao gồm chi phí định mức, chi phí vượt định mức, chi phí không định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bội chi, lãng phí về vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình xây lắp và quản lý của doanh nghiệp được phép tính vào giá thành. Giá thành thực tế xác định theo số liệu kế toán.

* Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp theo phạm vi tính giá thành: theo cách phân loại này gồm:

- Giá thành sản xuất: gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc lao vụ đã hoàn thành.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm xây lắp tiêu thụ gồm chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm lao vụ được tiêu thụ. Ngoài ra giá thành công tác xây lắp còn được theo dõi trên hai chỉ tiêu: giá thành của khối lượng hoàn chỉnh và giá thành của khối lượng hoàn thành quy ước:

+ Giá thành khối lượng hoàn chỉnh: là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao, đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, đúng thiết kế và hợp đồng ký kết bàn giao được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ Giá thành khối lượng hoàn thành quy ước: là giá thành của các khối lượng đảm bảo thỏa mãn các điều kiện: phải nằm trong thiết kế, đạt điểm dừng kỹ thuật được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & & \text{Giá thành sản xuất} & & \text{Chi phí quản lý} & & \text{Chi phí} \\ \text{của sản phẩm} & = & \text{của sản phẩm} & + & \text{doanh nghiệp} & + & \text{bán hàng} \end{array}$$

- Giá thành sản xuất theo biến phí (giá thành sản xuất bộ phận): là loại giá thành mà trong đó chỉ bao gồm biến phí thuộc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành. Đây là chỉ tiêu có vai trò quan trọng trong việc phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn, mang tính chiến lược như quyết định thay đổi biến phí và doanh thu để tăng lợi nhuận.

- Giá thành toàn bộ theo biến phí: là giá thành sản phẩm gồm toàn bộ biến phí (biến phí sản xuất, biến phí bán hàng, biến phí quản lý doanh nghiệp) tính cho sản phẩm tiêu thụ. Đây là chỉ tiêu làm cơ sở cho kế toán quản trị xác định chỉ tiêu lãi gộp trước Chi phí cố định.

2.2.3. *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối liên hệ mật thiết với nhau, chúng giống nhau về chất nhưng khác nhau về lượng. Khi tiến hành hoạt động xây lắp, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí về vật tư, lao động, máy móc, thiết bị và các chi phí khác. Tất cả các yếu tố đó tập hợp lại được gọi là chi phí xây lắp. Sau một thời gian nhất định, các yếu tố đó tạo thành một sản phẩm xây lắp hoàn chỉnh. Kết quả của một quá trình sử dụng các yếu tố sản xuất thể hiện ở chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Do vậy cả chi phí và

giá thành sản phẩm là hai mặt thống nhất của một quá trình, quá trình hoàn thành sản phẩm. Chúng bao gồm các chi phí về lao động sống và lao động vật hóa kết tinh trong sản phẩm. Tuy nhiên, giữa chi phí và giá thành sản phẩm có sự khác nhau về quy mô giá trị, phạm vi tập hợp. Điều đó được thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & = & \text{Chi phí xây} & + & \text{Chi phí xây lắp} & - & \text{Chi phí xây} \\ \text{sản phẩm} & & \text{lắp dở dang} & & \text{phát sinh trong} & & \text{lắp dở dang} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Khi giá trị sản phẩm xây lắp dở dang (chi phí xây lắp dở dang) đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc khi không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

2.2.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Để tổ chức tốt kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đáp ứng đầy đủ trung thực và kịp thời yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành của doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm thích hợp. Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ).

- Tổ chức tập hợp, kết chuyển hoặc phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và bằng phương pháp thích hợp đã chọn, cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và yếu tố chi phí đã quy định, xác định đúng đắn trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính toán giá

thành và giá thành đơn vị của các đối tượng tính giá thành theo đúng khoản mục quy định và đúng kỳ tính giá thành sản phẩm đã xác định.

- Định kỳ cung cấp các báo cáo về CPSX và giá thành cho các cấp quản lý doanh nghiệp, tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức và dự toán chi phí phân tích tình hình thực hiện giá thành và kế hoạch hạ giá thành sản phẩm. Phát hiện các hạn chế và khả năng tiềm tàng, đề xuất các biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

2.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính

2.3.1. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam

2.3.1.1. Chuẩn mực số 01

Chuẩn mực số 01 (Chuẩn mực chung - ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Chuẩn mực quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của báo cáo tài chính của doanh nghiệp cụ thể chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của các doanh nghiệp và các chi phí khác. Theo chuẩn mực số 01, cơ sở kế toán dồn tích quy định chi phí sản xuất xây lắp được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền. Theo đó, mọi giao dịch kinh tế liên quan đến chi phí sản xuất xây lắp được ghi nhận tại thời điểm giao dịch. Vì vậy, việc ghi nhận doanh thu và chi phí có ảnh hưởng quyết định đến báo cáo lợi nhuận của doanh nghiệp trong một kỳ, cơ sở kế toán dồn tích được xem là một nguyên tắc chính yếu đối với việc xác định lợi nhuận của doanh nghiệp. Lợi nhuận theo cơ sở dồn tích là phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí. Bên

cạnh đó, chuẩn mực 01 quy định về nguyên tắc giá gốc, xuất phát từ giả thiết doanh nghiệp hoạt động liên tục dẫn tới hình thành nguyên tắc giá gốc, xuất phát từ giả thiết doanh nghiệp hoạt động liên tục tài sản là chi tiêu của doanh nghiệp, mua về dùng cho sản xuất kinh doanh do đó phải ghi theo giá phí mà không quan tâm đến giá thị trường. Kế toán ghi chép chi phí theo số tiền thực sự bỏ ra ở thời điểm tài sản được ghi nhận. Ngoài ra, chuẩn mực quy định chi phí sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh là một trong các yếu tố của báo cáo tài chính.

2.3.1.2. Chuẩn mực số 02

Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho, hướng dẫn xác định giá trị và kế toán hàng tồn kho vào chi phí. Việc chuẩn mực quy định hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp ghi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Và việc xác định giá trị gốc công trình, hạng mục công trình bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến phát sinh để có được công trình, hạng mục công trình ở trạng thái hiện tại. Bên cạnh đó chuẩn mực 02 quy định chi phí không tính vào giá gốc của công trình, hạng mục công trình. Việc quy định này để xác định cụ thể việc ghi nhận chi phí để tính giá thành. Những chi phí đó có khoản cần lưu ý đó là chi phí nguyên liệu, vật liệu, phân công và chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường không được tính vào giá gốc công trình, hạng mục công trình. Đặc biệt đối với chi phí xây lắp việc xác định chi phí ở mức bình thường để tính vào giá gốc của công trình, hạng mục công trình rất quan trọng. Nó ảnh hưởng đến việc tính giá thành sản phẩm.

2.3.1.3. Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng

Chuẩn mực kế toán số 15 (hợp đồng xây dựng) ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã chi phối kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong việc ghi nhận chi phí của hợp đồng xây dựng. Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải ghi nhận và tập hợp chi phí. Trong đó theo VAS quy định ghi nhận chi phí của hợp đồng có ảnh hưởng rất lớn đến cách để các doanh nghiệp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Theo chuẩn mực kế toán (VAS15) : chi phí hợp đồng xây dựng gồm 3 khoản:

- Chi phí liên quan đến trực tiếp từng hợp đồng như chi phí nhân công tại công trường, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng, chi phí thuê bao nhà xưởng, chi phí thiết kế, chi phí để sửa chữa và bảo hành công trình.

- Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng như chi phí bảo hiểm, chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật...

- Các chi phí khác có thể thu hồi từ khách hàng như chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí khác mà khách hàng phải trả lại cho nhà thầu...

Những chi phí không liên quan đến hợp đồng xây dựng thì không được hạch toán vào. Đối với chi phí hợp đồng bao gồm chi phí liên quan đến hợp đồng trong quá trình đàm phán, ký kết được coi là một phần chi phí nếu chúng có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Việc ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng cũng được VAS 15 quy định cụ thể Chi phí hợp đồng xây dựng được quy định trong 2 trường hợp cụ thể:

- + Nếu hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng ước tính một cách đáng tin cậy

thì chi phí được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu xác nhận.

+ Nếu hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì chi phí nhận được tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.

Chi phí được ghi nhận theo phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng, được gọi là phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành. Theo phương pháp tỷ lệ % việc hoàn thành chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong BCKQKD là chi phí của phần trăm công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo. Khi phần công việc đã hoàn thành bằng phương pháp tỷ lệ % giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng thì những chi phí liên quan đến phần công việc đã hoàn thành được tính vào chi phí cho tới thời điểm. Những chi phí không được tính vào phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng có thể là: Chi phí của hợp đồng xây dựng liên quan đến hoạt động trong tương lai của hợp đồng như chi phí nguyên vật liệu đã được chuyển đến địa điểm xây dựng hoặc dành ra cho việc sử dụng trong hợp đồng nhưng chưa được lắp đặt, sử dụng. Các khoản tạm ứng cho nhà thầu phụ thuộc trước khi công việc chưa hoàn thành.

* Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì chi phí của hợp đồng xây dựng chỉ được ghi là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Đối với xây lắp, việc khoán xây lắp sau khi nhận thầu rất phổ biến. Khoán trong xây lắp có khoán theo mục phí và khoán gọn. Khoán theo khoản mục phí tức là bên giao khoán phải chịu mọi khoản phí, còn khi khoán gọn thì nhận khoán tập hợp chi phí.

2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp

2.3.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh được tổ chức, tập hợp và phân bổ. Giới hạn tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc nơi chịu phí. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí cần căn cứ vào loại hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trong sản xuất xây lắp, với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản phẩm xây lắp có giá trị kinh tế lớn, thường được phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, cấu tạo vật chất khác nhau nên tùy thuộc vào công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng kế toán chi phí có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng.

2.3.2.2. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra và cần phải tính được giá thành và giá thành đơn vị.

Trong sản xuất XDCCB, sản phẩm có tính đơn chiếc, đối tượng tính giá thành là từng công trình, HMCT đã xây dựng hoàn thành. Ngoài ra đối tượng tính giá thành có thể là từng giai đoạn hoàn thành quy ước, tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

Kỳ tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp: Do sản phẩm XDCCB được sản xuất theo từng đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất dài, công trình, HMCT chỉ hoàn thành khi kết thúc một chu kỳ sản xuất sản phẩm cho nên kỳ tính giá thành thường được chọn là thời điểm mà công trình, HMCT hoàn

thành bản giao đưa vào sử dụng.

2.3.2.3. Mối liên hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Trong DNXL đối tượng tính giá thành thường trùng với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất chính là công trình, hạng mục công trình. Như vậy, về bản chất đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành đều là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất và cùng phục vụ công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên, xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác chi phí cố định phạm vi, giới hạn để tổ chức kế toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Còn xác định đối tượng tính giá thành là xác chi phí cố định phạm vi, giới hạn của chi phí liên quan đến kết quả sản xuất đã hoàn thành của quy trình sản xuất. Thực tế, có những trường hợp một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất chỉ liên quan đến một đối tượng tính giá thành, lại có nhiều trường hợp một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng tính giá thành và ngược lại.

2.3.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp

2.3.3.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp bao gồm giá thực tế toàn bộ vật liệu chính (gạch, gỗ, cát đá, xi măng...), vật liệu phụ (đinh, kẽm, dây buộc,...), các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình (bê tông đúc sẵn, vì kèo lắp sẵn...) sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp từng công trình, hạng mục công trình. Nó không bao gồm giá trị vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội công trình. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn bao gồm cả các chi phí cốt pha, dàn giáo, công cụ, dụng cụ được sử dụng nhiều lần.

Việc tập hợp chi phí sản xuất nguyên vật liệu trực tiếp vào đối tượng

có thể tiến hành theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp được áp dụng cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất (công trình, hạng mục công trình). Vật liệu sử dụng cho công trình nào thì phải tính trực tiếp cho công trình đó.

Phương pháp gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để phân bổ cho nhiều đối tượng cần phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý.

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

* Chứng từ kế toán: Phiếu xuất kho vật tư; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; Biên bản kiểm tra vật tư; Hoá đơn giá trị gia tăng.

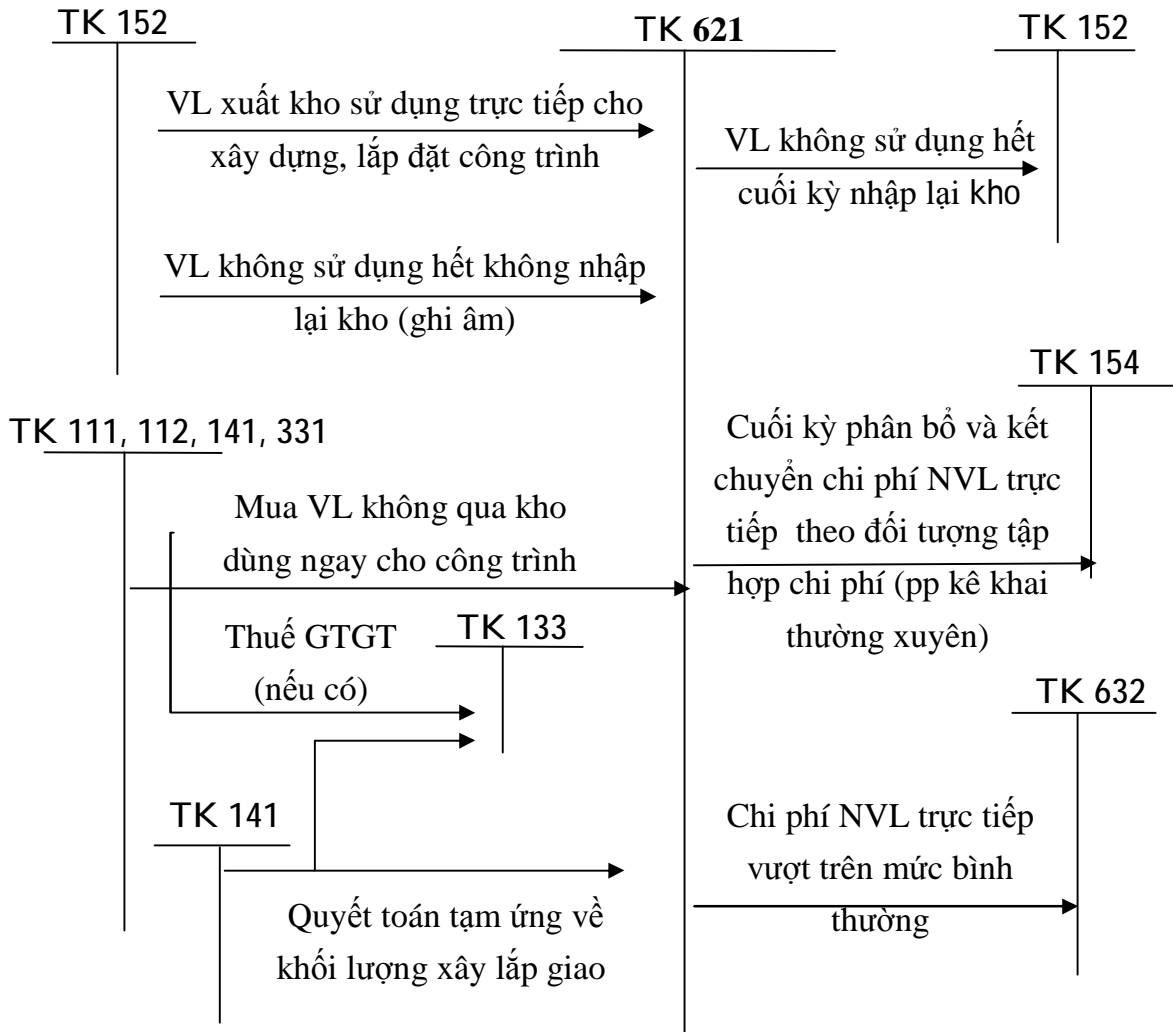
Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn.

* Tài khoản sử dụng:

TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621 được mở chi tiết cho từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất).

* Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được khái quát, thể hiện ở **Sơ đồ 2.1** như sau:



Sơ đồ 2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

2.3.3.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí NCTT là chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp. Chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp gồm các khoản phải trả người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Trong khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương của công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công

nhân vận chuyên ngoài cự ly thi công, không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, trên quỹ lương công nhân xây lắp.

* *Chứng từ kế toán sử dụng:*

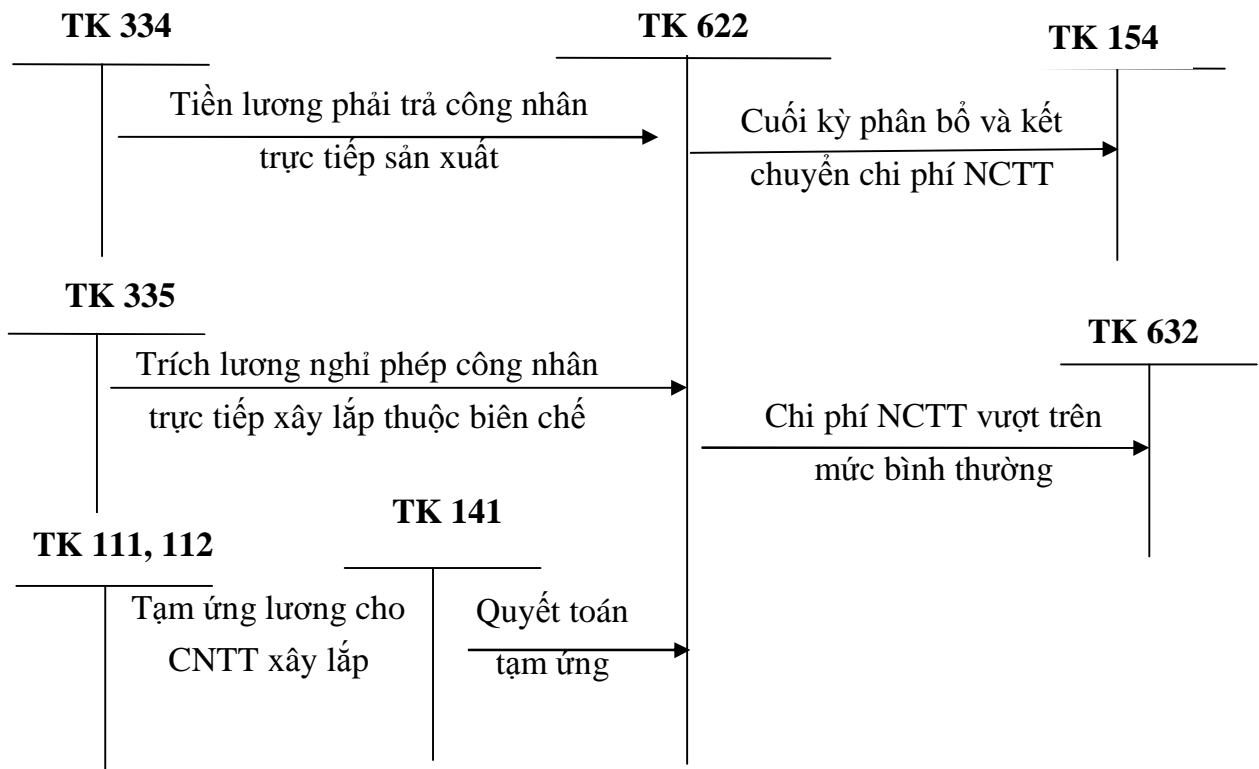
Bảng thanh toán tiền lương; Bảng thanh toán BHXH; Bảng thanh toán tiền thưởng; Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành; Hợp đồng làm khoán.

* *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng chủ yếu TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp.

* Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được khái quát theo sơ đồ 2.2 sau:



Sơ đồ 2.2 - Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp

2.3.3.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Máy móc thi công trong doanh nghiệp xây lắp là các loại máy phục vụ

trực tiếp cho sản xuất xây lắp như: máy trộn, cần trục, cần cẩu, xúc đất, san nền...Chi phí sử dụng MTC là toàn bộ chi phí về sử dụng máy để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, động lực, tiền lương thợ điều khiển máy và các chi phí khác đội MTC.

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, có thể tổ chức đội máy thi công chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho các đối tượng xây lắp hoặc thuê ngoài thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp nên việc phân bổ chi phí sử dụng máy cho các đối tượng xây lắp được thực hiện theo từng loại máy, nhóm máy căn cứ vào số ca máy hoạt động thực tế hoặc khối lượng công việc hoàn thành của máy.

** Tài khoản sử dụng*

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân sử dụng máy thi công.

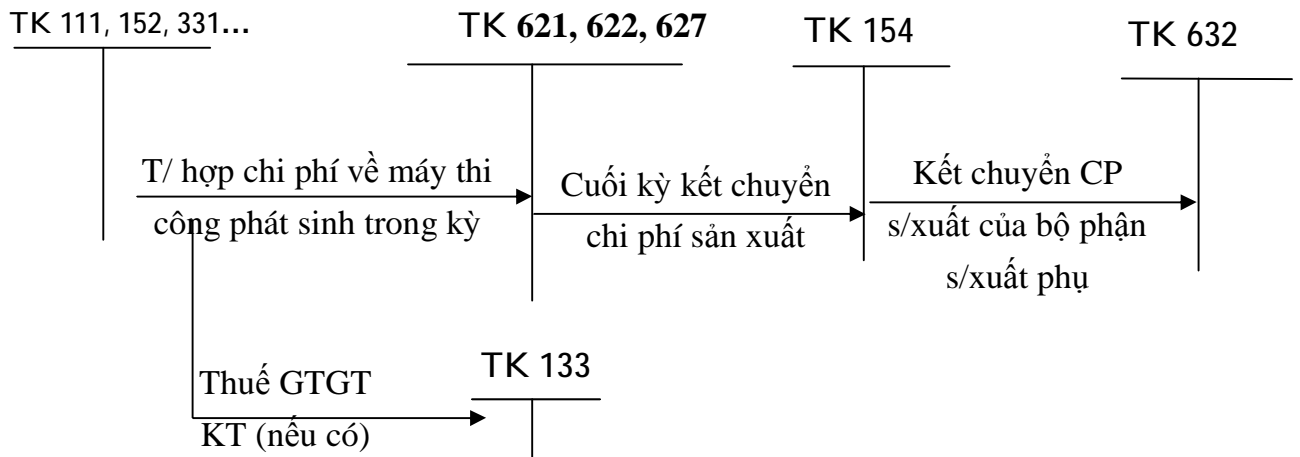
** Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:*

Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp được khái quát theo sơ đồ sau:

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội MTC riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục

chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí SXC chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho đội xây lắp.

Sơ đồ Trình tự kế toán được thể hiện ở **Sơ đồ 2.3** sau:

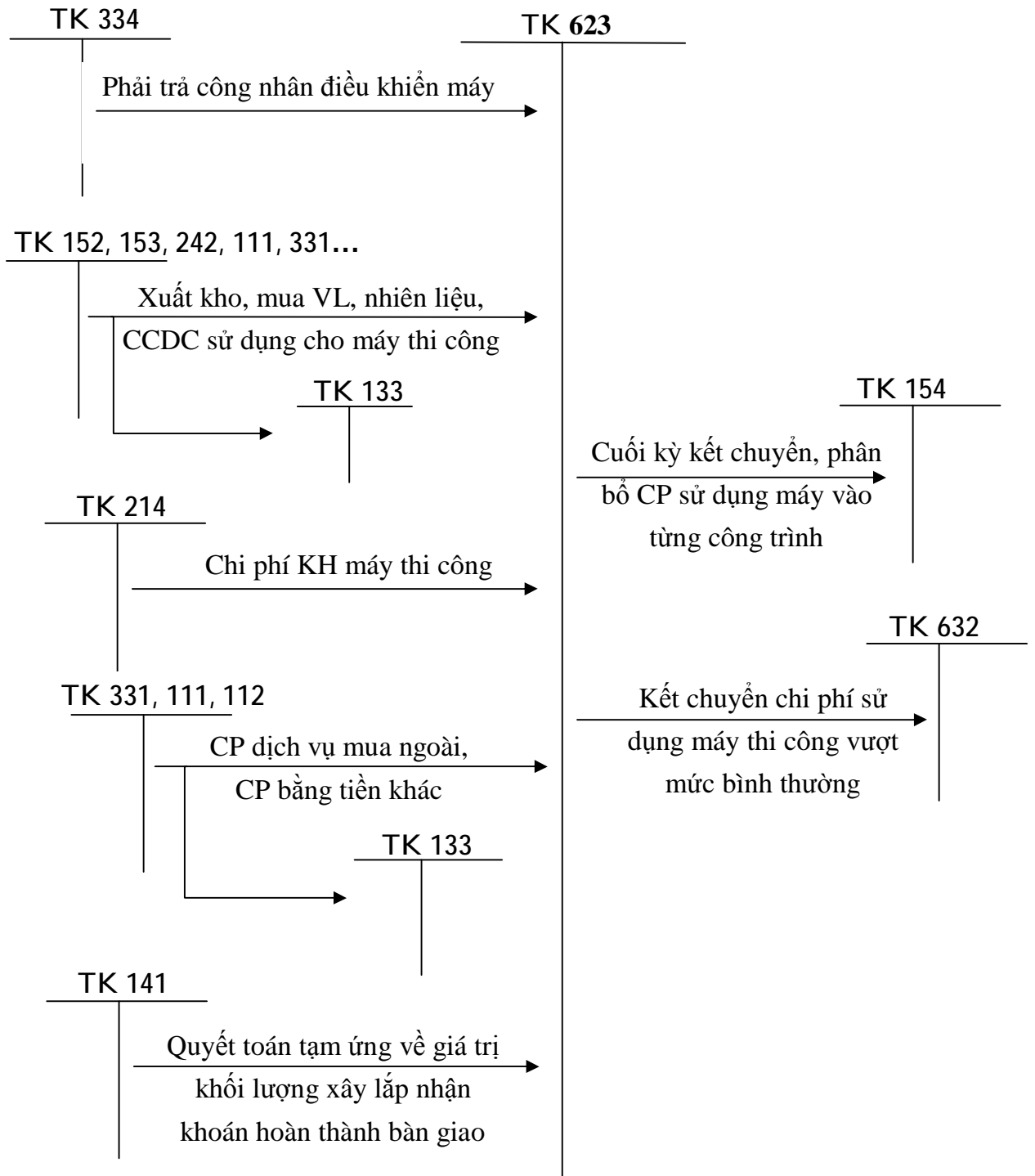


Sơ đồ 2.3. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công

(Trường hợp đội máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng)

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

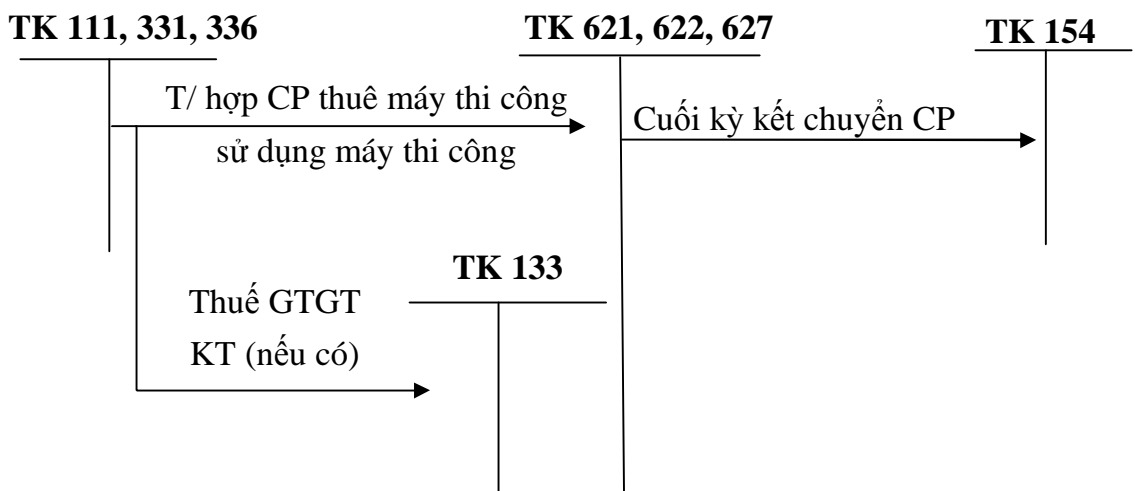
Sơ đồ Trình tự kế toán được thể hiện ở **Sơ đồ 2.4** sau:



Sơ đồ 2.4. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
 (Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng)

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công - thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

Sơ đồ Trình tự kế toán được thể hiện ở Sơ đồ 2.5 sau:



**Sơ đồ 2.5. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp thuê ngoài máy thi công)**

2.3.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí này bao gồm tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội (thuộc hợp đồng dài hạn của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của đội xây lắp. Khi phát sinh chi phí này, kế toán sẽ hạch toán vào tài khoản 627 - chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng theo phương pháp trực tiếp và gián tiếp.

- Phương pháp phân bổ chi phí trực tiếp

Phương pháp này được áp dụng đối với các chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đó xác định, tức là đối với các loại chi phí phát sinh liên quan đến đối tượng nào có thể xác định được trực tiếp cho đối tượng đó, chi phí liên quan đến từng đối tượng tập hợp chi phí cụ thể đó xác định sẽ được tập hợp và quy nạp trực tiếp cho đối tượng đó.

- Phương pháp phân bổ chi phí gián tiếp

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí, kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng đó. Theo phương pháp này, trước hết căn cứ vào chi phí phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chung các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng theo địa điểm phát sinh hoặc nội dung chi phí. Để xác định chi phí cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng liên quan. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự:

+ Xác định hệ số phân bổ

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó H: Hệ số phân bổ chi phí.

C: Tổng chi phí cần phân bổ cho các đối tượng.

T: Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng.

+ Xác định mức chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng, cụ thể: $C_i =$

$T_i \times H$

Trong đó C_i : Chi phí phân bổ cho từng đối tượng.

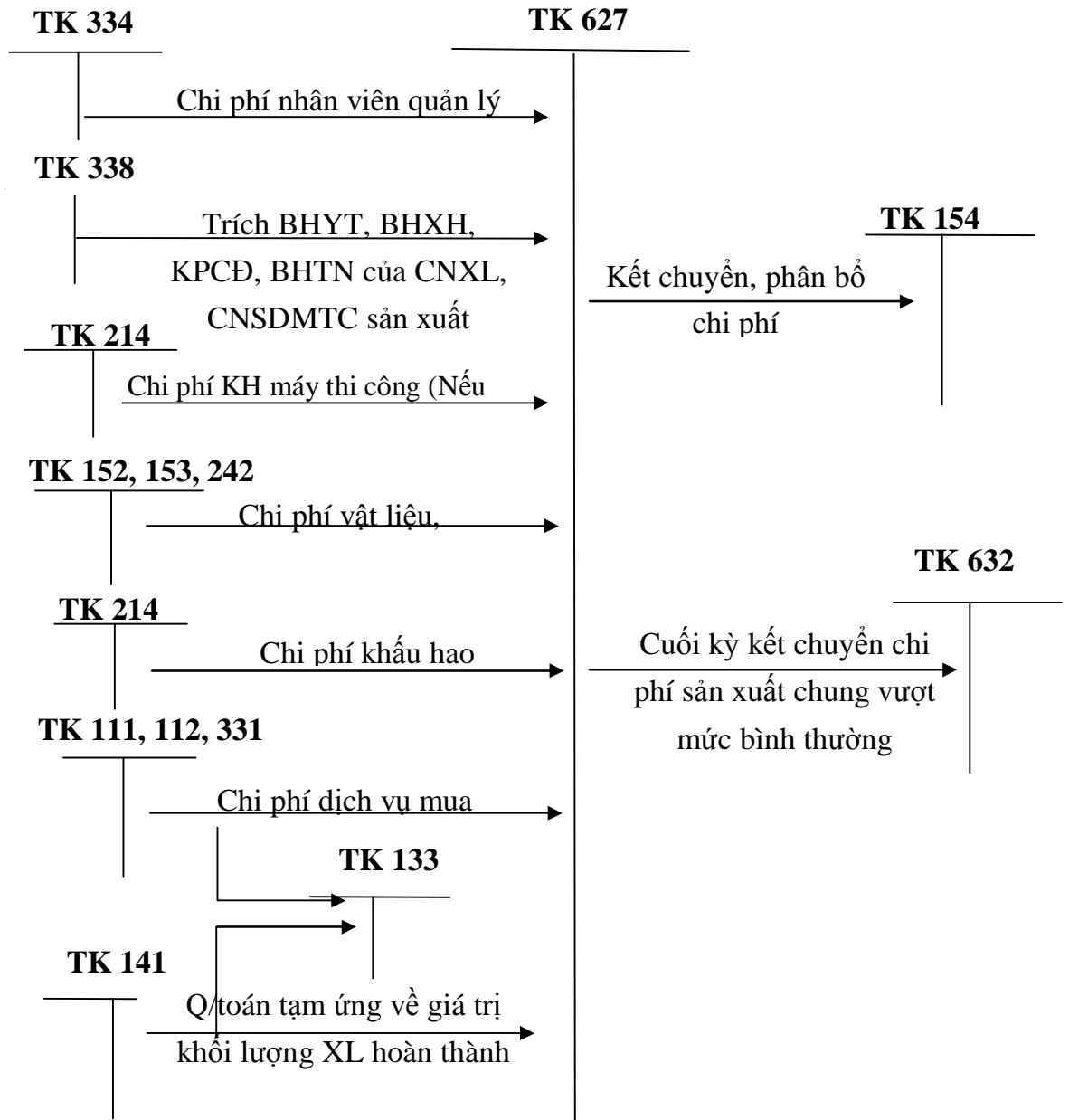
T_i : Đại lượng tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng.

H: Hệ số phân bổ chi phí.

* *Tài khoản sử dụng*: TK 627 - chi phí sản xuất chung.

* Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Trình tự kế toán tổng hợp CPSX chung được thể hiện ở sơ đồ 2.6 như sau:



Sơ đồ 2.6- Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung

2.3.3.5 Kế toán chi phí sản xuất trong điều kiện khoán

Khoán gọn là một hình thức quản lý mới trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta. Các đơn vị nhận khoán (xí nghiệp, đội, tổ...) có thể nhận khoán gọn khối lượng công việc hoặc hạng mục công trình. Giá nhận khoán

gọn bao gồm cả chi phí tiền lương, vật liệu, công cụ thi công, chi phí chung.

Phương thức khoán sản phẩm xây lắp cho các đơn vị cơ sở, các tổ, đội thi công là phương thức quản lý thích hợp với cơ chế thị trường. Nó gắn với lợi ích vật chất của người lao động với khối lượng, chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ thi công công trình, đồng thời mở rộng quyền tự chủ hạch toán kinh doanh, lựa chọn phương thức tổ chức lao động, tổ chức thi công, phát huy khả năng tiềm tàng của tổ, đội...

Trong các doanh nghiệp áp dụng phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp được tiến hành như sau:

** Kế toán tại đơn vị giao khoán:*

Trường hợp đơn vị nhận khoán nội bộ không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

- Khi tạm ứng vật tư, tiền vốn cho đơn vị nhận khoán:

Nợ TK 141 (Chi tiết đơn vị nhận khoán)

Có TK 152, 153, 111,...

- Khi thanh lý hợp đồng, căn cứ vào quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành bàn giao, kế toán phản ánh số chi phí thực tế:

Nợ TK 621, 622, 623, 627

Nợ TK 1331: Thuế giá trị gia tăng đầu vào nếu có

Có TK 141 : Giá trị xây lắp giao khoán nội bộ

- Trường hợp giá trị xây lắp giao khoán nội bộ phải trả lớn hơn số đã tạm ứng, ghi nhận hay thanh toán bổ sung số thiếu cho đơn vị nhận khoán:

Nợ TK 141 (Chi tiết đơn vị)

Có TK 111, 112, 3388,...

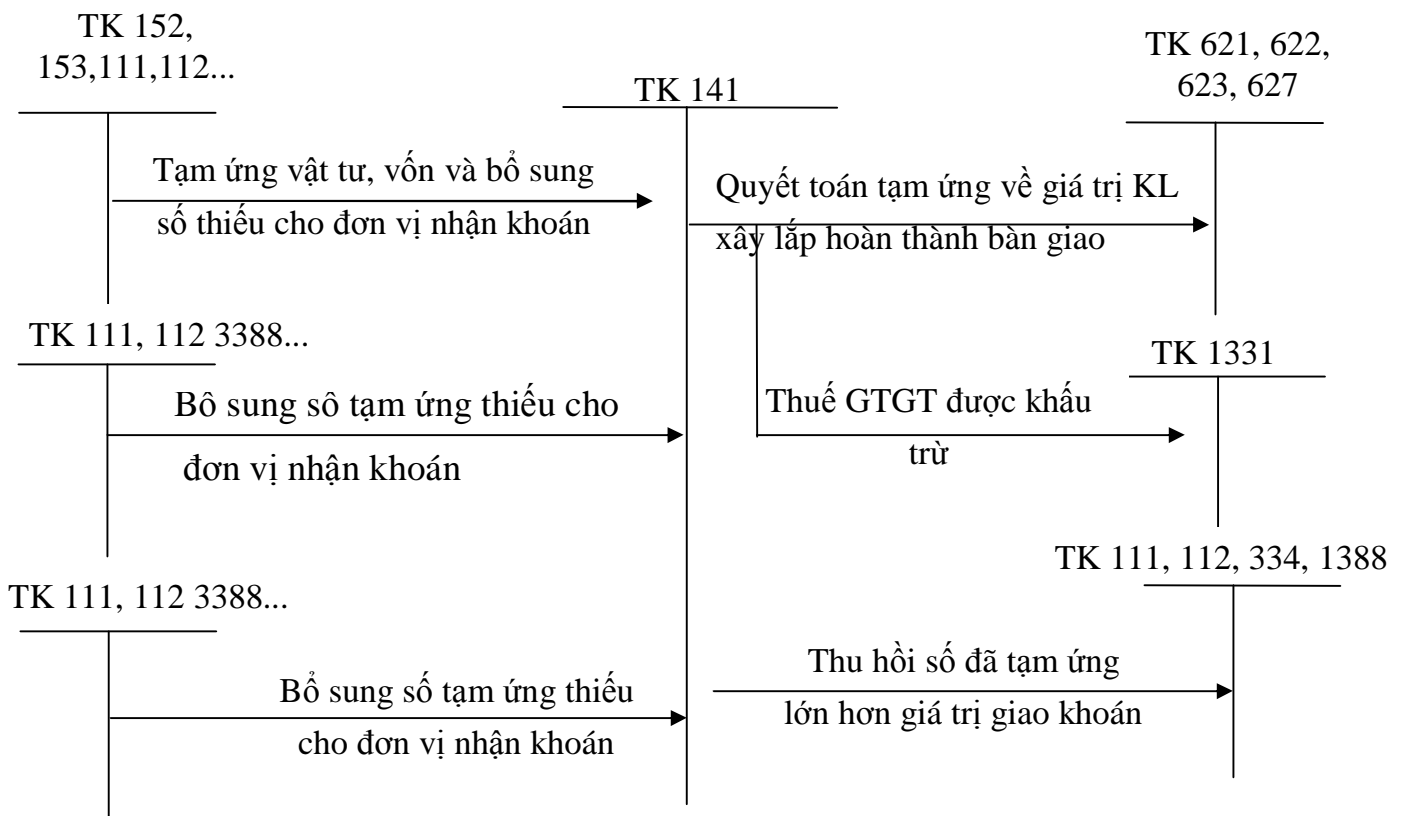
- Trường hợp số đã tạm ứng lớn hơn giá trị giao khoán nội bộ, số thừa phải thu hồi ghi:

Nợ TK 111, 112, 334, 1388,...

Có TK 141 (chi tiết đơn vị)

Đơn vị giao khoán sử dụng TK141- được mở chi tiết cho từng đơn vị nhận khoán để phản ánh quan hệ nội bộ với đơn vị nhận khoán, đồng thời phải mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp giao khoán gọn theo từng công trình, hạng mục công trình trong đó phản ánh theo cả giá thầu và giá giao khoán, chi tiết theo từng khoản mục chi phí.

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng) được thể hiện ở sơ đồ 2.7 sau:



Sơ đồ 2.7 - Sơ đồ hạch toán CPSX và tính GTSP tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng)

Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng và được

phân cấp quản lý tài chính thì kế toán tại đơn vị giao khoán sử dụng TK136 để phản ánh toàn bộ giá trị mà đơn vị ứng về vật tư, tiền, khấu hao tài sản cố định... cho các đơn vị nhận khoán nội bộ, chi tiết theo từng đơn vị. Đồng thời tài khoản này cũng sử dụng để phản ánh giá trị xây lắp hoàn thành nhận bàn giao từ các đơn vị nhận khoán nội bộ có phân cấp quản lý riêng. Tài khoản này chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.

- Khi tạm ứng cho đơn vị nhận khoán nội bộ ghi:

Nợ TK 136 (Chi tiết đơn vị nhận khoán)

Có TK 111, 112, 152, 153, 311, ...

- Khi nhận khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ do đơn vị nhận khoán bàn giao, căn cứ vào giá trị khối lượng xây lắp khoán nội bộ, kế toán đơn vị giao khoán ghi:

Nợ TK 154 (Chi tiết công trình): giá trị giao khoán nội bộ;

Nợ TK 1331: thuế giá trị gia tăng được khấu trừ nếu có

Có TK 136 (Chi tiết đơn vị nhận khoán): tổng giá trị xây lắp giao khoán nội bộ phải trả

- Thanh toán bổ sung số thiếu cho đơn vị nhận khoán:

Nợ TK 136 (Chi tiết đơn vị nhận khoán)

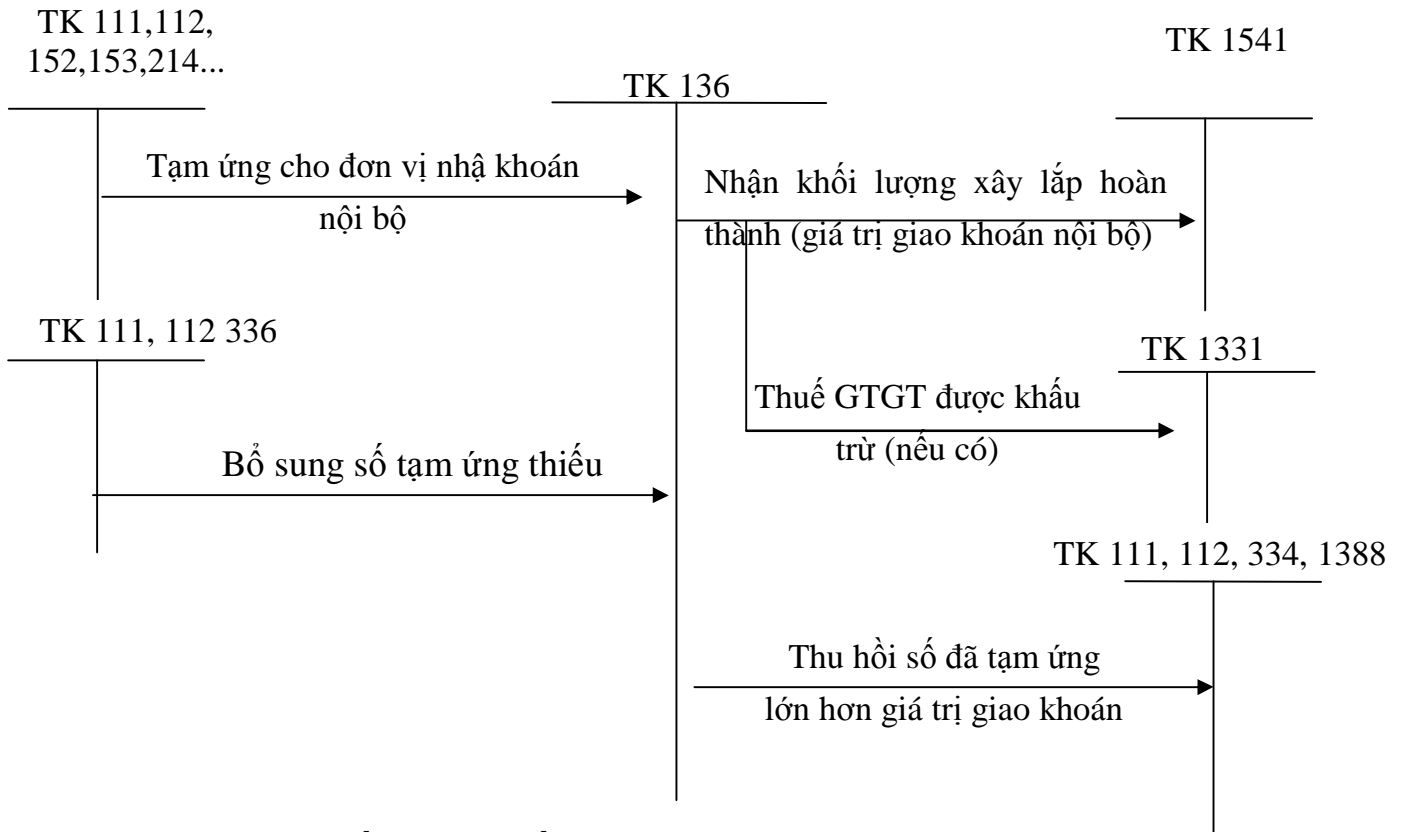
Có TK 111, 112, 336...

- Trường hợp số đã tạm ứng lớn hơn số phải trả, phần chênh lệch khi thu hồi ghi:

Nợ TK 111, 112, 334, 1388...

Có TK 136 (Chi tiết đơn vị nhận khoán)

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng) được thể hiện ở Sơ đồ 2.8 sau:



Sơ đồ 2.8 - Sơ đồ hạch toán CPSX và tính GTSP tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng)

* *Kế toán tại đơn vị nhận khoán:*

Đơn vị nhận khoán nội bộ nếu không tổ chức bộ máy kế toán riêng và không được phân cấp quản lý tài chính thì cần phải mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp nhận khoán cả về giá trị nhận khoán và chi phí thực tế theo từng khoản mục. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng và được phân cấp quản lý tài chính thì sử dụng TK336 để phản ánh tình hình nhận tạm ứng và quyết toán KLXL nhận khoán nội bộ với đơn vị giao khoán.

- Khi nhận tạm ứng, kế toán đơn vị nhận khoán ghi:

Nợ TK 152, 153,, 111, 112...

Có TK 336

- Đơn vị nhận khoán tiến hành tập hợp chi phí xây lắp qua các TK

621, 622, 623, 627, 154. Khi hoàn thành bàn giao kế toán đơn vị nhận khoán ghi:

+ Nếu đơn vị cấp dưới không hạch toán kết quả riêng:

Nợ TK 336: giá trị xây lắp nhận khoán nội bộ bàn giao

Có TK 154: Z công trình nhận khoán bàn giao cho đơn vị giao khoán

+ Nếu đơn vị cấp dưới hạch toán kết quả riêng:

BT1: phản ánh giá thành công trình nhận khoán bàn giao

Nợ TK 632

Có TK 154

BT2: ghi nhận giá thanh toán nội bộ

Nợ TK 336: Tổng số phải thu đơn vị cấp trên về khối lượng giao

khoán nội bộ bàn giao

Có TK 511: Doanh thu tiêu thụ nội bộ

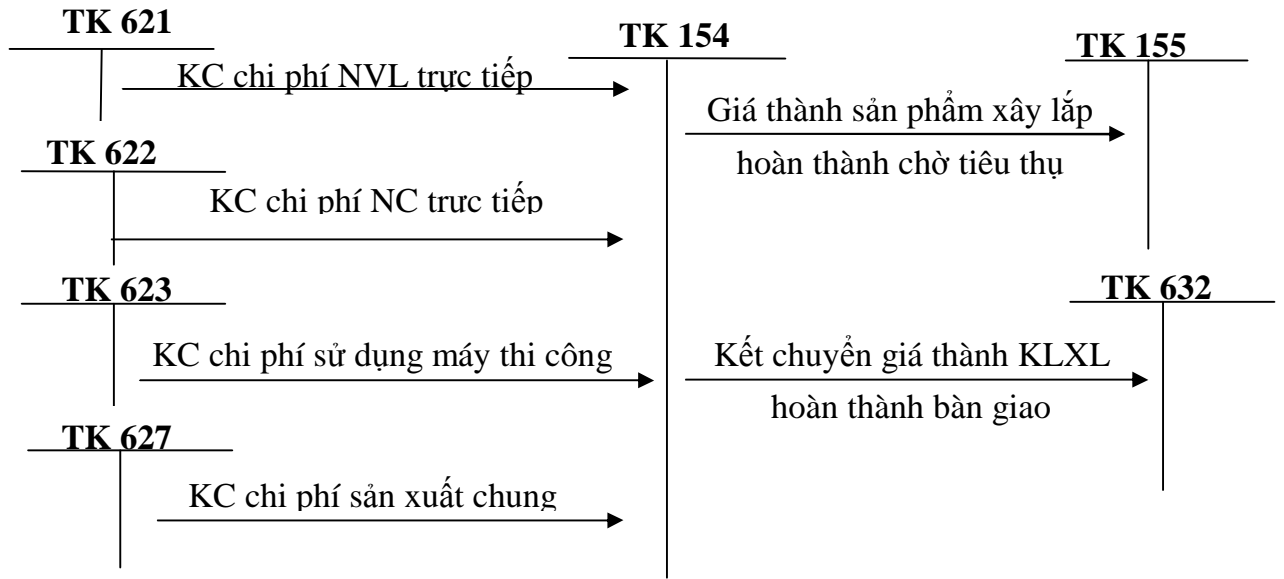
Có TK 3331: thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp nếu có

Khoản chênh lệch giữa số đã tạm ứng với giá trị công trình nhận khoán nội bộ bàn giao sẽ được thanh toán bổ sung hoặc nộp lại.

2.3.3.6 Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp

* Theo phương pháp KKTX

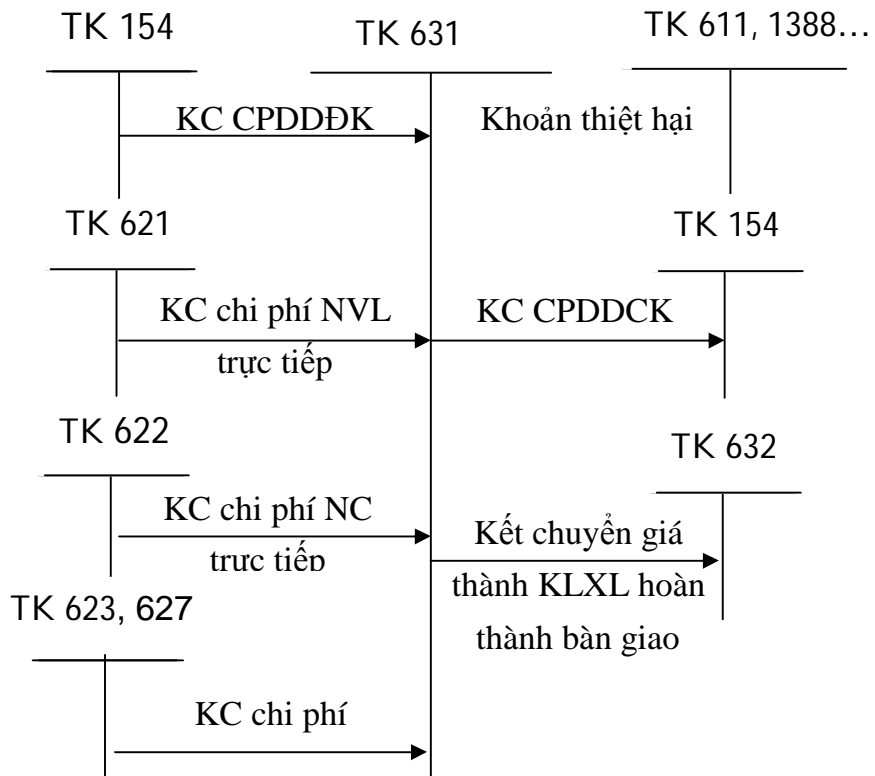
Cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Tài khoản sử dụng: TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Trên tài khoản này, các chi phí trực tiếp sẽ được hạch toán theo từng đối tượng tập hợp chi phí là công trình, hạng mục công trình. Trình tự hạch toán CP SX KDDD PP KKTX:



Sơ đồ 2.9 - Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên

* Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Kế toán sử dụng chủ yếu TK 631 để phản ánh. Trình tự hạch toán chi phí SX KDDD PP KKĐK theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.10 - Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

2.3.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang trong các doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm làm dở trong các doanh nghiệp xây dựng là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Muốn đánh giá sản phẩm làm dở một cách chính xác trước hết phải kiểm kê chính xác khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ, đồng thời phải xác định đúng mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định được khối lượng xây lắp dở dang, phát hiện những tổn thất trong quá trình thi công.

Chất lượng công tác kiểm kê, khối lượng xây lắp dở dang có ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của việc đánh giá SPDD và tính giá thành. Cụ thể:

+ Trong điều kiện được thanh toán khối lượng hoàn thành theo giai đoạn xây dựng có dự toán riêng: trong trường hợp này, đối tượng tính giá thành là khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý có giá trị dự toán riêng hoàn thành. Vì vậy sản phẩm xây lắp dở dang là khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành. Do vậy, chi phí sản xuất tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối kì được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí xây lắp thực tế đã phát sinh cho các khối lượng hay giai đoạn xây lắp đã hoàn thành và chưa hoàn thành trên cơ sở tiêu thức phân bổ là chi phí dự toán. Trong đó, các khối lượng hay giai đoạn xây lắp

dở dang có thể được tính theo mức độ hoàn thành và được xác định theo các công thức:

Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế cho khối lượng xây lắp DDCK} \\ \text{=} \\ \frac{\text{CP thực tế của KLXL DDCK}}{\text{CP theo dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ}} + \frac{\text{CP thực tế KLXL phát sinh trong kỳ}}{\text{CP theo dự toán KLXL DDCK tính theo mức độ thi công}} \times \text{CP theo dự toán KLXL DDCK tính theo mức độ thi công} \end{array}$$

Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế cho khối lượng xây lắp DDCK} \\ \text{=} \\ \frac{\text{CP thực tế của KLXL DDCK}}{\text{CP theo dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ}} + \frac{\text{CP thực tế KLXL phát sinh trong kỳ}}{\text{CP theo dự toán KLXL DDCK theo mức độ hoàn thành theo mức độ thi công}} \times \text{CP theo dự toán KLXL DDCK theo mức độ hoàn thành theo mức độ thi công} \end{array}$$

2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm xây lắp. Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng các phương pháp tính giá thành sau:

2.3.5.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp xây dựng. Vì sản phẩm xây lắp đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành, nếu sản phẩm dở dang không đáng kể thì chi phí sản xuất đã được tập hợp trong kỳ cho mỗi đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Theo phương pháp này, tất cả chi phí tập hợp trực tiếp được cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công cho tới khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó. Trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ nhưng có khối lượng công tác hoàn thành bàn giao trong kỳ thì:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành của KLXL} \\ \text{hoàn thành bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp theo từng công trình nhưng giá thành tính riêng cho từng hạng mục công trình hoặc theo từng giai đoạn hoàn thành thì kế toán sẽ căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được và hệ số kinh tế - kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoàn thành để tính ra giá thành thực tế:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{phân bổ} \end{array} = \frac{\text{Tổng CP của các HMCT}}{\text{Tổng CP dự toán của tất cả các HMCT}} \times 100\%$$

2.3.5.2. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng (thầu chỉ định). Mỗi đơn đặt hàng là một công trình, hạng mục công trình hoặc từng loại công việc (như lắp đặt, sửa chữa ...) khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là trùng nhau (từng đơn đặt hàng riêng rẽ), kỳ tính giá thành cũng không là kỳ báo cáo mà là khi đơn đặt hàng hoàn thành. Theo phương pháp này, các doanh nghiệp xây lắp mở riêng cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng, căn cứ vào chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng trong sổ kế toán chi tiết để ghi sang bảng tính giá thành. Khi hoàn thành đơn đặt hàng, kế toán tổng cộng chi phí đã tập hợp được trong bảng tính giá thành để tính ra giá thành cho từng đơn đặt hàng.

2.3.5.3. Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn thành được sản phẩm. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp CPSX là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng. Khi đó, giá thành thực tế của công trình hoàn thành sẽ được tính theo công thức:

<i>Giá</i>	<i>CPSX</i>	<i>CPS</i>		<i>CPSX</i>
<i>thành công</i>	<i>giai đoạn 1</i>	<i>X giai đoạn</i>	<i>..</i>	<i>giai đoạn n</i>
<i>trình hoàn</i>	<i>(đội 1)</i>	<i>2 (đội 2)</i>		<i>(đội n)</i>
<i>thành</i>				

2.3.5.4. Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp có quy trình công nghệ ổn định, có hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật và dự toán chi phí hợp lý. Theo phương pháp này, giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của sản phẩm XL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành định mức} \\ \text{của sản phẩm XL} \end{array} \pm \begin{array}{l} \text{Chênh lệch do} \\ \text{thay đổi định mức} \end{array} \pm \begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ \text{ngoài định mức} \end{array}$$

2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị

2.4.1 Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

Trung tâm trách nhiệm chi phí được hình thành tại xí nghiệp, tổ, đội xây lắp với trách nhiệm của đội trưởng đội xây lắp. Kế toán trách nhiệm chi phí có nhiệm vụ kiểm soát các khoản mục và yếu tố chi phí phát sinh theo các định mức và dự toán đã xây dựng. Lập báo cáo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị. Phân tích biến động của các định mức

chi phí vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung... Từ đó xác định những nguyên nhân ảnh hưởng và đưa ra các biện pháp nhằm giảm chi phí thấp nhất.

2.4.2 Định mức chi phí và lập dự toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

** Định mức chi phí*

Định mức chi phí là những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa liên quan đến việc sản xuất và kinh doanh một đơn vị sản phẩm, dịch vụ ở điều kiện nhất định.

Định mức chi phí là cơ sở để lập dự toán chi phí sản xuất. Việc lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh phải căn cứ vào định mức chi phí. Dự toán và định mức có sự khác nhau về phạm vi. Định mức thì tính cho một đơn vị còn dự toán được lập cho tổng sản lượng sản phẩm cần thiết dự kiến sản xuất trong kỳ. Do vậy, giữa dự toán và định mức chi phí có mối quan hệ và ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu định mức xây dựng không hợp lý, không sát thực thì dự toán lập trên cơ sở đó không có tính khả thi cao. Chính vì vậy khi xây dựng định mức chi phí sản xuất phải tuân thủ theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định.

Khi xây dựng định mức chi phí sản xuất phải tuân theo nguyên tắc cơ bản là căn cứ vào thực tế tiêu hao chi phí của kỳ trước, phân tích các nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến thực tế tiêu hao chi phí. Căn cứ theo điều kiện hiện tại như đặc điểm sản xuất, quy trình công nghệ, tay nghề của công nhân...và kết hợp với những điều kiện dự kiến cho tương lai để xây dựng định mức chi phí thích hợp có khả năng áp dụng vào môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.

Định mức chi phí sản xuất trong doanh nghiệp bao gồm:

- Định mức CP NVLTT

- Định mức CP NCTT
- Định mức CP MTC
- Định mức CP SXC

*** Dự toán chi phí sản xuất**

a. Khái niệm: Dự toán chi phí sản xuất là các chi phí cần thiết để hoàn thành khối lượng xây lắp của công trình, HMCT. Nó được tính toán từ bản vẽ thiết kế thi công hoặc thiết kế kỹ thuật- thi công.

b. Căn cứ để lập dự toán chi phí sản xuất:

- Đơn giá xây dựng cơ bản: Căn cứ để xây dựng đơn giá xây dựng cơ bản là các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành.

- Giá tính theo một đơn vị diện tích hay công suất sử dụng

c. Các bước xác định giá trị dự toán chi phí sản xuất:

- Dựa vào bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công để tính khối lượng các công tác xây lắp của công trình.

- Sử dụng các bảng đơn giá chi tiết của địa phương (hoặc đơn giá công trình)

để tính được các thành phần chi phí trong chi phí trực tiếp.

- Áp dụng các tỷ lệ định mức: chi phí chung, các hệ số điều chỉnh... để tính

giá trị dự toán xây lắp.

Ngoài ra trong hồ sơ dự toán còn cần xác định được nhu cầu về vật liệu, nhân công, máy thi công bằng cách dựa vào khối lượng công tác xây lắp và định mức dự toán chi tiết.

d. Phương pháp lập dự toán chi phí sản xuất:

Phương pháp tính theo khối lượng và giá xây dựng công trình:

- Xác định theo khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình
- + Khối lượng các công tác xây dựng được xác định từ hồ sơ thiết kế

kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, các chỉ dẫn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, nhiệm vụ công việc phải thực hiện của công trình, hạng mục công trình.

+ Đơn giá xây dựng chi tiết của công trình có thể là đơn giá không đầy đủ (bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công) hoặc đơn giá đầy đủ (gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước). Để đồng bộ với dự toán gói thầu thì đơn giá áp dụng có thể là đơn giá đầy đủ.

- Xác định theo khối lượng và giá xây dựng tổng hợp

+ Khối lượng công tác xây dựng được xác định từ hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, các chỉ dẫn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, nhiệm vụ công việc phải thực hiện của công trình, hạng mục công trình và được tổng hợp từ một nhóm, loại công tác xây dựng để tạo thành một đơn vị kết cấu hoặc bộ phận của công trình.

+ Giá xây dựng tổng hợp được lập tương ứng với danh mục và nội dung của khối lượng nhóm loại công tác xây dựng, đơn vị kết cấu, bộ phận của công trình.

Giá xây dựng tổng hợp có thể là giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ (bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công) hoặc giá xây dựng tổng hợp đầy đủ (bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính, trước) được lập trên cơ sở đơn giá xây dựng chi tiết của công trình. Để đồng bộ với dự toán gói thầu thì đơn giá áp dụng có thể là đơn giá đầy đủ.

Chi phí xây dựng tính theo khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình không đầy đủ và giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ được xác định và tổng hợp theo dưới đây.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG TÍNH THEO ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CHI TIẾT CỦA CÔNG TRÌNH KHÔNG ĐẦY ĐỦ VÀ GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP KHÔNG ĐẦY ĐỦ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{vl}$		VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^m Q_j \times D_j^{nc} \times Knc$		NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	$\sum_{j=1}^h Q_j \times D_j^m \times Km$		M
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M		T
II	CHI PHÍ CHUNG	T x tỷ lệ		C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C) x tỷ lệ		TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T+C+TL)		G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times T^{GTGT-XD}$		GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT		G _{XD}

Trong đó:

- Trường hợp chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công được xác định theo khối lượng và giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ:

+ Q_j là khối lượng một nhóm danh mục công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ j của công trình;

+ D_j^{vl} , D_j^{nc} , D_j^m là chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong giá xây dựng tổng hợp một nhóm danh mục công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ j của công trình;

- Trường hợp chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công được xác định theo cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình không đầy đủ:

+ Q_j là khối lượng công tác xây dựng thứ j;

+ D_j^{vl} , D_j^{nc} , D_j^m là chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đối với công tác xây dựng thứ j;

Chi phí vật liệu (D_j^{vl}), chi phí nhân công (D_j^{nc}), chi phí máy và thiết bị thi công (D_j^m) trong đơn giá xây dựng chi tiết của công trình không đầy đủ và giá xây dựng tổng hợp không đầy đủ được tính toán và tổng hợp theo Bảng 3.4 của Phụ lục này.

+ Định mức tỷ lệ chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước được quy định theo văn bản của nhà nước;

+ G: chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác trước thuế;

+ $T^{GTGT-XD}$: mức thuế suất thuế GTGT quy định cho công tác xây dựng;

+ Knc: hệ số nhân công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$Knc = 1 + \text{tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm} * 30\%$ (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm).

+ Km: hệ số máy thi công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$$Km = 1 - g + g * Knc$$

Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

Khối lượng công việc phải làm thêm được xác định theo yêu cầu tiến độ thi công xây dựng của công trình và được chủ đầu tư thống nhất.

Chi phí xây dựng tính theo khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đầy đủ và giá xây dựng tổng hợp đầy đủ được xác định và tổng hợp theo Bảng dưới đây.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG TÍNH THEO ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CHI TIẾT CỦA CÔNG TRÌNH ĐẦY ĐỦ VÀ GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐẦY ĐỦ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính:...

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng trước thuế	$\sum_{i=1}^n Q_i \times D_i$		G
2	Thuế giá trị gia tăng	$G \times T^{GTGT-XD}$		GTGT
3	Chi phí xây dựng sau thuế	$G + GTGT$		G_{XD}

Trong đó:

- Trường hợp chi phí xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng và giá xây dựng tổng hợp đầy đủ:

+ Q_i là khối lượng một nhóm công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ i của công trình ($i=1 \div n$);

+ D_i là giá xây dựng tổng hợp đầy đủ (bao gồm chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy thi công, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước) để thực hiện một nhóm công tác hoặc một đơn vị kết cấu, bộ phận thứ i của công trình.

- Trường hợp chi phí xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đầy đủ:

+ Q_i là khối lượng công tác xây dựng thứ i của công trình ($i=1÷n$);
 + D_i là đơn giá xây dựng công trình đầy đủ (bao gồm chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy thi công, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước) để thực hiện công tác xây dựng thứ i của công trình.

+ G : chi phí xây dựng công trình trước thuế;

+ $T^{GTGT-XD}$: mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định cho công tác xây dựng;

+ G^{XD} : chi phí xây dựng công trình sau thuế;

Trường hợp chi phí xây dựng lập cho bộ phận, phần việc, công tác thì chi phí xây dựng sau thuế trong dự toán công trình, hạng mục công trình được xác định theo công thức sau:

$$G_{XD} = \sum_{i=1}^n g_i \quad (3.1)$$

Trong đó:

- g_i : chi phí xây dựng sau thuế của bộ phận, phần việc, công tác thứ i của công trình, hạng mục công trình ($i=1÷n$).

*** Lập dự toán giá thành sản phẩm xây lắp:**

Giá thành sản phẩm xây lắp là một bộ phận của chi phí sản xuất, là bộ phận chi phí mà doanh nghiệp xây dựng sử dụng để thực hiện công tác xây dựng. Như vậy, giá thành sản phẩm xây dựng là tất cả các chi phí bằng tiền mà doanh nghiệp xây dựng sử dụng để thực hiện công tác xây lắp, nó bao gồm các chi phí trực tiếp và chi phí chung.

Giá thành xây dựng được dự toán căn cứ vào dự toán các khoản mục chi phí như: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sử dụng MTC, dự toán chi phí sản xuất chung.

2.4.3 Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp

*** Báo cáo chi phí sản xuất**

a. Khái niệm: Báo cáo chi phí sản xuất là kết quả đầu ra của kế toán

chi phí, bao gồm các báo cáo phản ánh về tình hình thực hiện các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ nhằm cung cấp các thông tin về chi phí theo yêu cầu của nhà quản lý.

b. Mục đích, cơ sở và phương pháp lập báo cáo chi phí:

- Mục đích: Cung cấp cho nhà quản trị những thông tin về chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí (hoạt động sản xuất, dự án, từng phân xưởng, tổ, đội, từng sản phẩm...) và theo từng khoản mục (hoặc yếu tố) chi phí.

- Cơ sở lập: Sổ chi tiết và sổ tổng hợp chi phí sản xuất trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

- Phương pháp lập: Căn cứ vào sổ chi tiết và sổ tổng hợp chi phí, tiến hành liệt kê các khoản mục (yếu tố) chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí, mỗi đối tượng được theo dõi trên cùng một dòng.

Báo cáo chi phí sản xuất có thể được lập theo mẫu sau:

Khoản mục chi phí	Số tiền	Ghi chú
A. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
1. Nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ		
2. Nguyên vật liệu mua vào trong kỳ		
3. Nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ		
4. Nguyên vật liệu sử dụng trong kỳ (1+2-3)		
B. Chi phí tiền lương trực tiếp		
C. Chi phí sản xuất chung		
D. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ (A4 + B + C)		
a. Sản phẩm dở dang đầu kỳ		

b. Sản phẩm dở dang cuối kỳ		
E. Chi phí sản xuất sử dụng trong kỳ (D + a – b)		
c. Thành phẩm tồn kho đầu kỳ		
d. Thành phẩm tồn kho cuối kỳ		
F. Chi phí hàng bán (E + c – d)		

*** Báo cáo giá thành sản phẩm**

Mục đích: Cung cấp thông tin về tổng giá thành sản xuất thực tế của từng sản phẩm trên cơ sở so với giá thành kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của từng đơn vị trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và đưa ra các quyết định liên quan đến việc định giá sản phẩm tương tự.

Cơ sở lập: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu giá thành kế hoạch, giá thành thực tế theo từng sản phẩm, tổng giá thành cho từng sản phẩm trong doanh nghiệp, mỗi đối tượng giá thành được theo dõi trên cùng một dòng.

*** Báo cáo thực hiện kế hoạch**

Mục đích: Cung cấp thông tin về thực hiện kế hoạch trong kỳ báo cáo thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo để giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện tốt hơn những chỉ tiêu kế hoạch sẽ đưa ra trong kỳ tiếp theo.

Cơ sở lập: Các báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp phản ánh thực tế tình hình doanh nghiệp trong kỳ và cùng kỳ năm trước, các dự toán ngân sách, các kế hoạch đã lập đầu kỳ.

Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu xây dựng trong kế hoạch đầu kỳ, mỗi chỉ tiêu một dòng, thể hiện sự so sánh đối với số liệu kế hoạch và số liệu

thực hiện cùng kỳ năm trước trên các cột tương ứng.

2.4.4 Phân tích chi phí trong quan hệ với kết quả kinh doanh và lợi nhuận, ra quyết định chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm

Về mặt phân tích để ra quyết định, kế toán quản trị đặc biệt quan tâm tới mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, phân tích hòa vốn, phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn như: quyết định tiếp tục hay chấm dứt sản xuất kinh doanh một bộ phận, quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất kinh doanh bị giới hạn, quyết định có chấp nhận một đơn đặt hàng hay không.

Nội dung phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận:

Mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận được thể hiện chủ yếu trong việc phân tích điểm hòa vốn. Thông qua việc phân tích điểm hòa vốn cho phép ta xác định được mức doanh thu với khối lượng sản phẩm và thời gian cần đạt được để bù đắp chi phí đã bỏ ra.

Phân tích điểm hòa vốn trong tiêu thụ:

Điểm hòa vốn là điểm mà tại đó doanh thu vừa đủ bù đắp hết chi phí hoạt động kinh doanh đã bỏ ra, trong điều kiện giá bán được chủ đầu tư chấp nhận:

Chi phí cố định

Sản lượng hòa vốn = _____

Lãi góp đơn vị

Chi phí cố định

Doanh thu hòa vốn = _____

Tỷ lệ lãi góp

Phân tích điểm hòa vốn sẽ giúp cho nhà quản lý xem xét quá trình kinh doanh một cách chủ động và tích cực, trong mối liên hệ nhiều yếu tố tác động tới lợi nhuận, cho phép xác định rõ ràng vào lúc nào trong kỳ kinh

doanh hay mức sản xuất và tiêu thụ bao nhiêu sẽ đạt điểm hòa vốn, từ đó ra quyết định để hoạt động sản xuất đạt hiệu quả cao:

Các chỉ tiêu lợi nhuận:

Điểm hòa vốn cho ta thấy ranh giới của mức doanh thu tạo ra lợi nhuận với mức doanh thu không tạo ra lợi nhuận hay bị lỗ. Căn cứ vào các chỉ tiêu xác định điểm hòa vốn, kết hợp với lợi nhuận mà doanh nghiệp mong muốn, ta có thể xác định được lượng sản phẩm hay doanh thu cần thiết để đạt được lợi nhuận mong muốn theo công thức:

$$\text{Sản lượng hoặc doanh thu} = \frac{\text{Chi phí cố định} + \text{Lợi nhuận mong muốn}}{\text{Lãi gộp đơn vị}}$$

Khi doanh nghiệp muốn dự kiến tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thì doanh thu cần thiết để đạt tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) sẽ là:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu (ROS)} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu}}$$

$$\text{Doanh thu để đạt ROS dự kiến} = \frac{\text{Chi phí cố định}}{\text{Tỷ lệ lãi gộp dự kiến}}$$

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn dành phần lớn nội dung đi sâu nghiên cứu bản chất của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cũng như những đặc thù của ngành sản xuất xây lắp như: các khái niệm, nội dung chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp được đưa ra dưới các góc độ khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả của kế toán, đồng thời cũng nâng cao nhận thức rõ hơn về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cũng như tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Luận văn cũng phân loại khái quát các loại chi phí và các phương pháp tính giá thành sản phẩm, đồng thời cũng trích dẫn về đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Đây là những tiền đề lý luận cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như định hướng cho các giải pháp hoàn thiện Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 ở các chương sau của luận văn.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ
THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
PHỤC HUNG 8

3.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8

3.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 được Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép hoạt động sản xuất kinh doanh lần đầu vào tháng 4/2010 đến nay công ty đã hoạt động được 8 năm, với đội ngũ nhân viên ban đầu chỉ 20 người, đến nay số lượng công nhân viên của công ty hơn 100 người với doanh thu năm 2016 đạt 118 tỷ đồng. Với sự quyết tâm của Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty và đề chủ động hơn trong việc huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 với đội ngũ lãnh đạo trẻ, đội ngũ cán bộ gồm các thạc sỹ, các kỹ sư nhiều kinh nghiệm cùng với các kỹ sư trẻ sẽ không ngừng đổi mới, phấn đấu đưa Công ty lên một tầm cao mới với mục tiêu là trở thành công ty xây lắp hàng đầu tại Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp, kỹ thuật; Xây dựng công trình giao thông; San lấp mặt bằng ; Cho thuê máy móc thiết bị; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Xây dựng công trình cầu đường, thuỷ lợi; Xây lắp điện nước.

- Giám đốc công ty: Đỗ Việt Anh

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, toà nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hoà - Phường Yên Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ tiền mặt.

3 1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

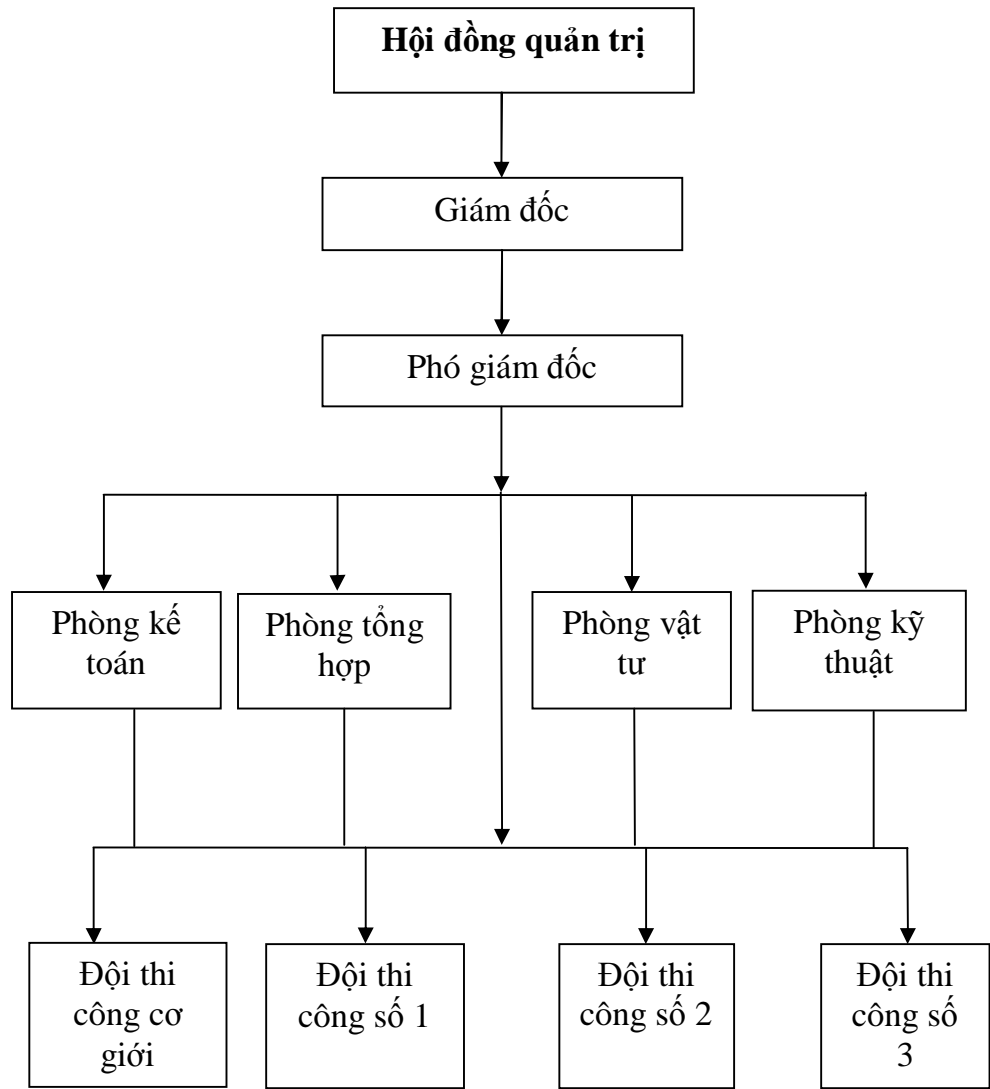
Để quá trình thi công, xây lắp được tiến hành đúng tiến độ đặt ra và đạt hiệu quả như mong muốn đòi hỏi bộ máy công ty phải được xây dựng sao cho khoa học và hoạt động có hiệu quả. Ban giám đốc gồm có: Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Trợ lý Giám Đốc và tư vấn kỹ thuật. Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm mọi mặt của công ty, đại diện cho công ty tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế.

Các bộ phận chức năng:

- Phòng kỹ thuật, tổ chức thí nghiệm giám sát thi công: có chức năng thiết kế và giám sát thi công công trình.

- Phòng kế hoạch tài chính: Có chức năng tham mưu tài chính cho Giám Đốc, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Tổ chức giám sát phân tích các hoạt động kinh tế từ đó có kế hoạch nắm bắt được tình hình tài chính của Công ty và xây dựng quy chế phân cấp về công tác tài chính của Công ty.

Ngoài ra Công ty còn chia lực lượng lao động ra làm các đội. Đứng đầu các đội là đội trưởng thi công chịu trách nhiệm trước Giám Đốc về hoạt động của đội mình.



**Sơ đồ 1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng
Phục Hưng 8**

* *Nhiệm vụ của các phòng ban:*

- Hội đồng quản trị:

+ Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

+ Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

* Quyết định chiến lược phát triển công ty

* Quyết định giá pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay.

* Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mức lương và các quyền lợi khác của giám đốc và các cán bộ quản lý khác gồm: Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận quản lý của hội đồng quản trị.

* Trình đại hội cổ đông: Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ và cách sử dụng các quỹ theo quy định đại hội cổ đông và các quy định của điều lệ này.

- **Giám đốc:** là người đứng đầu đại diện theo pháp luật của công ty, là người quản lý, điều hành mọi hoạt động SXKD của công ty. Giám đốc có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, bảo vệ quyền lợi cho cán bộ công nhân viên, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty, phụ trách chung về vấn đề tài chính, đối nội, đối ngoại.

Giám đốc thực hiện các chức năng sau: tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ; Lập kế hoạch tổng thể ngắn hạn, dài hạn trình hội đồng quản trị; Đầu tư xây dựng cơ bản; Giúp việc cho giám đốc là phó giám đốc, ngoài ra còn có một số chuyên viên kinh tế, kỹ thuật ở các phòng ban và một số trưởng phòng.

- **Phó giám đốc:** là người quản lý các công việc tại công ty, thay thế giám đốc điều hành mọi công việc khi giám đốc đi vắng. Tuy nhiên chịu trách nhiệm trước giám đốc về nhiệm vụ được giao.

Cụ thể đó là những việc như nghiên cứu và thực hiện các chủ trương và các biện pháp kỹ thuật ngắn hạn, dài hạn, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong thiết kế, chế tạo sản phẩm đưa công nghệ vào sản xuất, tổ chức và quản

lý, kiểm tra chất lượng các NVL, chi tiết máy móc.

Như vậy, người trực tiếp lãnh đạo điều hành doanh nghiệp là giám đốc, dưới giám đốc là phó giám đốc, dưới nữa là các phòng ban. Mỗi phòng ban có nhiệm vụ cụ thể.

- **Phòng kỹ thuật:** Có nhiệm vụ xây dựng và quản lý việc thực hiện các quy hình công nghệ, quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn về định mức kỹ thuật.

- **Phòng kế toán:** Chức năng giúp việc về lĩnh vực thống kê - kế toán tài chính. Đồng thời có trách nhiệm trước Nhà Nước theo dõi kiểm tra giám sát tình hình thực hiện thu chi tài chính và hướng dẫn thực hiện hạch toán kế toán, quản lý tài chính đúng nguyên tắc, hạch toán chính xác, báo cáo kịp thời cho lãnh đạo và cơ quan quản lý, bảo vệ định mức vốn lưu động, tiến hành thủ tục vay vốn, thực hiện kế hoạch và phân tích thực hiện phương án, biện pháp làm giảm chi phí, bảo quản hồ sơ và tài liệu kế toán, phát huy và ngăn ngừa kịp thời những hành vi tham ô, lãng phí, vi phạm chế độ chính sách kế toán - tài chính của Nhà Nước, các khoản chi phí, thuế.

- **Phòng Vật tư:**

+ Đảm nhiệm việc thu mua vật tư với chất lượng và giá cả đảm bảo.

+ Cung cấp vật tư cho các phân xưởng theo đúng chủng loại, chất lượng và thời gian quy định để không gây ảnh hưởng đến việc hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

- **Phòng tổng hợp:**

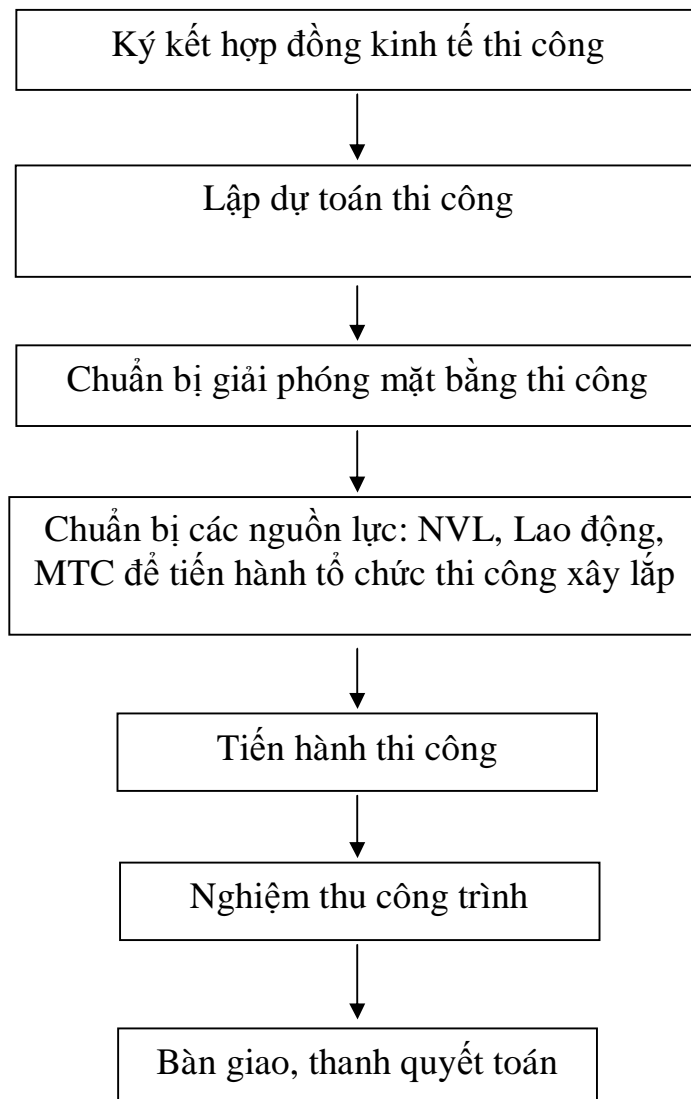
+ Lập kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực trong công ty. Phối hợp cùng các tổ đội để cung cấp đầy đủ nhân lực cho các công trình thi công, giảm thiểu tối đa việc phân bổ nhân lực không hợp lý là tăng chi phí công trình và gây gián đoạn sản xuất.

+ Xây dựng, củng cố các chính sách lương, thưởng và BHXH cho công nhân viên trong công ty.

3.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm

* Quy trình công nghệ sản xuất

Do sản phẩm của Công ty chủ yếu là các công trình xây dựng với giá trị công 1 trình tương đối lớn, thời gian thi công và sử dụng lâu dài cũng như chịu nhiều ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan, khách quan nên việc thực hiện công trình phải tuân theo một quy trình nghiêm ngặt, từ lúc nhận thầu, kí hợp đồng với chủ đầu tư cho tới lúc bàn giao, nghiệm thu công trình. Quy trình thi công như sau:



Sơ đồ 2 Quy trình thi công của Công ty

Sau khi kí kết hợp đồng với chủ đầu tư, Công ty sẽ dựa trên các bản vẽ thiết kế, dự toán xây lắp, giá trúng thầu,...do bên A cung cấp để làm căn cứ lập dự toán thi công công trình.

Khi hợp đồng ký kết được hoàn tất bên A sẽ chuyển cho bên B một khoản tiền tạm ứng thi công theo quy định của Luật đầu tư xây dựng (Giá trị khoản tạm ứng phụ thuộc vào giá trị hợp đồng đã kí).

Bước tiếp theo là Công ty tiến hành khảo sát mặt bằng thi công và chuẩn bị các yếu tố cần thiết về mặt bằng cũng như các nguồn lực khác như: NVL lao động máy thi công... để tiến hành thi công.

Trong quá trình thi công, Công ty tiến hành tập hợp mọi chi phí hợp lý phát sinh đối với từng CT (HMCT) để tính giá thành và so sánh với giá dự toán. Khi công trình hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho bên A để tiến hành nghiệm thu và quyết toán công trình. Thông thường trong điều khoản hợp đồng, khi quyết toán bên A sẽ giữ lại 5% giá trị hợp đồng được coi như chi phí bảo hành công trình, thời gian bảo hành được thỏa thuận theo từng công trình. Hết thời hạn bảo hành nếu không có gì xảy ra thì bên A sẽ chuyển nốt số tiền này cho Công ty.

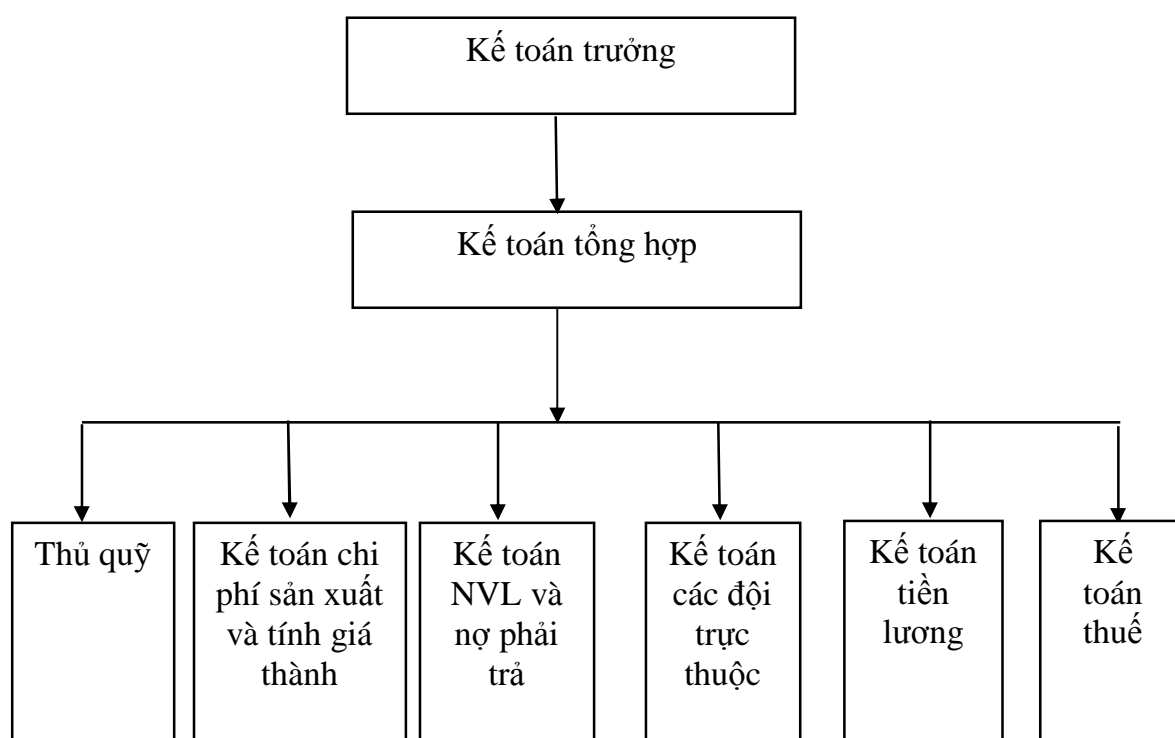
** Cơ cấu tổ chức thi công công trình*

Công ty tiến hành tổ chức thi công theo hình thức khoán gọn. Khi trúng thầu công trình, Ban giám đốc Công ty sẽ bàn giao lại cho các tổ đội tiếp quản. Các tổ đội dựa trên bản thiết kế và yêu cầu của bên A để tiến hành hiện khai, lập dự toán thi công để trình lên Ban giám đốc. Sau khi được duyệt, các tổ đội thực hiện thi công công trình. Trong quá trình thi công, đội trưởng các đội có quyền thuê lao động ngoài và mua NVL cung ứng cho công trình nhưng đều phải báo cáo và chịu sự giám sát của Ban giám đốc. Hàng tháng (quý), các cán bộ kỹ thuật của Công ty sẽ xuống kiểm tra tiến độ và chất lượng thực hiện công trình của các đội để có những chỉ đạo kịp thời

về việc tập hợp và kiểm soát chi phí. Khi công trình hoàn thành, các đội trưởng sẽ bàn giao về Công ty để tiến hành nghiệm thu và quyết toán đối với chủ đầu tư. Mặc dù thực hiện thi công theo hình thức khoán gọn nhưng ở các đội không hạch toán riêng mà tất cả chúng từ, tài liệu cuối tháng đều được tổng hợp và chuyển về Phòng Kế toán để xử lý và tiện cho việc quản lý. Với hình thức này, không những tạo điều kiện cho các đội có quyền tự chủ trong thi công làm tăng năng suất và hiệu quả hoạt động mà Công ty vẫn đảm bảo được tốt chất lượng công trình thông qua việc kiểm tra giám sát thường xuyên.

3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp

3.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Sơ đồ 3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng

Phục Hưng 8

Chức năng của các bộ phận:

- **Kế toán trưởng:** Là người chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, đơn đốc và hướng dẫn các bộ phận kế toán hạch toán theo đúng quy định của BTC. Kế toán trưởng là người tổng hợp, phân tích thông tin kịp thời, chính xác nhằm giúp cho

lãnh đạo đưa ra các quyết định đúng đắn trong SXKD. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tính chính xác của số liệu kế toán và quy định vận hành của bộ máy kế toán.

- **Kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu kế toán, quản lý TSCĐ tính khấu hao chung cả toàn công ty, tổng hợp số liệu lên báo cáo chuyên cho kế toán trưởng trước khi trình Giám đốc hàng tháng, hàng quý, chẵn chẵn, đơn đốc công việc của các vị trí kế toán.

- **Kế toán giá thành:** Tập hợp tất cả chi phí có liên quan đến từng công trình từ đó tính đúng, tính đủ cho từng công trình, hạng mục công trình.

- **Thủ quỹ:** Lưu trữ tiền mặt và chỉ thu chi khi có đầy đủ chứng từ gốc, kiểm kê tiền mặt thường xuyên.

- **Kế toán nguyên vật liệu và công nợ phải trả:** Làm kế toán kho, theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn, theo công nợ của từng khách hàng (nhà cung cấp), định kỳ đối chiếu với người bán về nguyên vật nhập.

- **Kế toán thuế:** Theo dõi các khoản phải thu, phải trả Ngân sách nhà nước.

- **Kế toán tiền lương:** Chịu trách nhiệm thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương, thưởng cho toàn bộ công nhân viên trong công ty.

- **Kế toán đội:** Kế toán đội dưới sự điều hành của kế toán trưởng, làm nhiệm vụ tập hợp chứng từ và vào các sổ chi tiết.

3.4.1.2. Đặc điểm vận dụng chế độ kế toán, chính sách kế toán áp dụng

Kế toán Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngoài ra, Công ty cũng tuân thủ quy định của các CMKT và thông tư hướng dẫn CMKT do Nhà nước ban hành. BCTC được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng CMKT. Kỳ kế toán áp dụng theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán: đồng Việt Nam (VND).

Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Nguyên tắc ghi nhận giá trị HTK: ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện; kế toán HTK theo phương pháp KCTX.

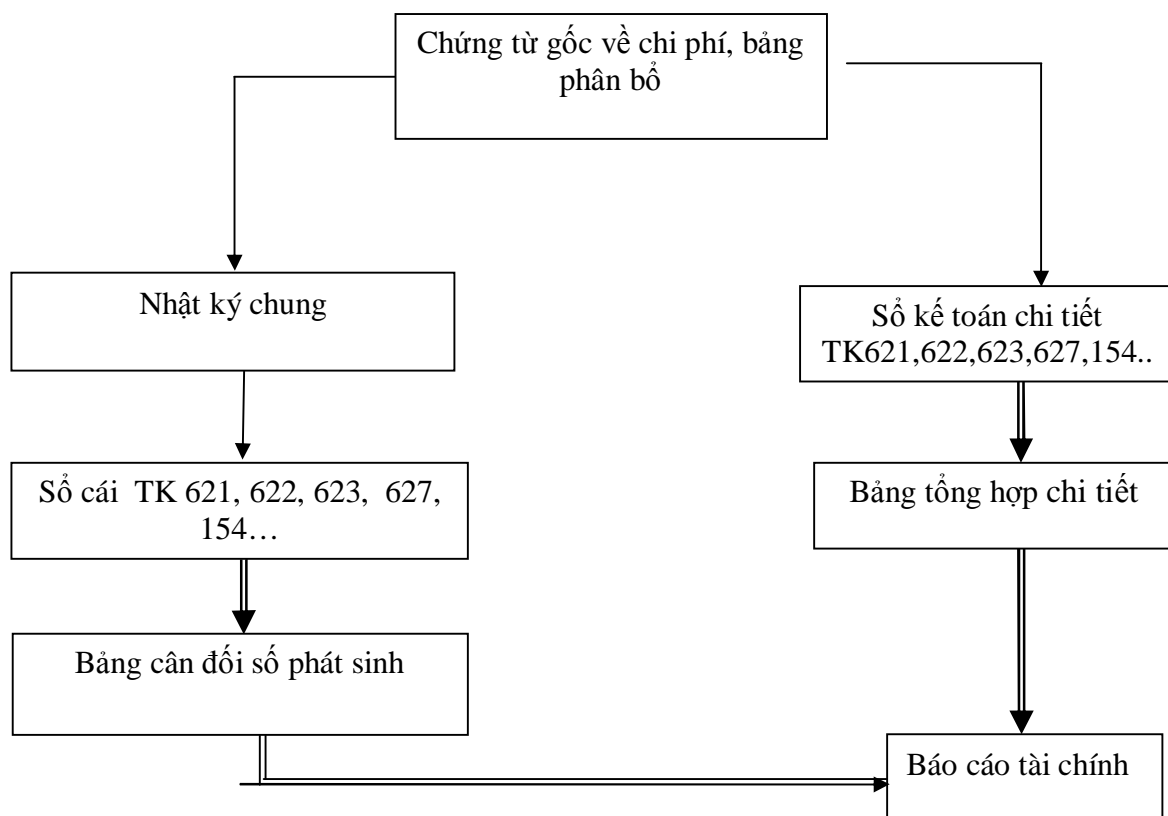
Phương pháp lập dự phòng giảm giá HTK: được lập vào cuối kỳ kế toán (cuối năm), khi giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao TSCĐ: TSCĐ được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo NG, giá trị HMLK và GTCL.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Sử dụng phần mềm kế toán và áp dụng hình thức Nhật ký chung. Công ty áp dụng phần mềm kế toán có tên là Asia Accounting. Là một phần mềm kế toán có nhiều tính năng ưu việt. Được xây dựng và thiết kế chuẩn theo các quyết định, thông tư của Bộ Tài chính, đồng thời được xây dựng để đáp ứng các yêu cầu quản trị hiện đại và khả năng thay đổi phát triển trong tương lai của doanh nghiệp. Độ bảo mật cao, phân quyền chi tiết đến từng người dùng, từng phân hệ, chi tiết cho từng nghiệp

vụ xem, thêm, sửa, xóa. Công việc ghi sổ được thực hiện bằng kế toán máy kết hợp với kế toán thủ công theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8

3.2 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 dưới góc độ kế toán tài chính

3.2.1 Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất của ngành xây lắp và đặc điểm quy trình sản xuất của công ty là liên tục từ khi khởi công xây dựng cho tới khi hoàn thành bàn giao, sản phẩm của Công ty thường là công trình hoặc Hạng mục công trình (HMCT), vì vậy đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất

của Công ty là từng công trình hoặc HMCT và đối tượng tính giá thành tại Công ty đó là công trình, HMCT bàn giao cho chủ đầu tư.

3.2.2 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty

- Phân loại chi phí sản xuất:

Để giúp cho việc tính giá thành sản phẩm và phân tích cơ cấu chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm, Công ty sử dụng cách phân loại theo khoản mục chi phí để phân loại chi phí sản xuất. Theo cách này chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành bốn khoản mục chính: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Là tất cả những chi phí nguyên vật liệu để cấu thành nên thực thể công trình như vật liệu chính (xi măng, thép, gạch, cát, đá, sỏi...), vật liệu phụ (son, phụ gia, ốc vít...), vật kết cấu giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc (quạt thông gió, thiết bị vệ sinh...)

Chi phí nhân công trực tiếp:

Là toàn bộ tiền lương chính, phụ cấp và các khoản có tính chất lương của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình, bao gồm: tiền lương trả theo thời gian, trả theo sản phẩm, làm thêm giờ, tiền thưởng...

Khoản mục này không bao gồm khoản trích theo lương BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất, lương và các khoản trích theo lương của công nhân gián tiếp.

Chi phí sử dụng máy thi công:

Là các chi phí trực tiếp liên quan tới việc sử dụng máy để hoàn thành sản phẩm xây lắp, gồm chi phí khấu hao máy móc thiết bị, tiền thuê máy,

tiền lương công nhân điều khiển máy thi công, chi phí về nhiên liệu dùng cho máy thi công.

Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương như BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp và nhân viên quản lý đội.

- Chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho việc quản lý sản xuất chung của đội

- Chi phí công cụ sản xuất phục vụ thi công và quản lý đội

- Chi phí khấu hao TSCĐ như nhà xưởng, thiết bị dùng cho quản lý đội

- Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại...

- Chi phí khác bằng tiền liên quan đến hoạt động của đội.

Các loại giá thành sử dụng trong Công ty:

- Giá thành dự toán: Trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật và bảng giá do Nhà nước ban hành, trước khi tiến hành đấu thầu phòng Kế hoạch- Kỹ thuật của Công ty xây dựng giá thành dự toán trên cơ sở đó xây dựng giá trị dự toán các công trình.

- Giá thành kế hoạch: Căn cứ vào tiến độ kế hoạch thi công các công trình, vào thời gian cụ thể phòng Kế hoạch – kỹ thuật xây dựng giá thành kế hoạch.

- Giá thành thực tế: Khi công trình, HMCT hoàn thành, trên cơ sở sổ kế toán liên quan, kế toán Công ty tính giá thành thực tế của Công trình phục vụ cho việc xác định giá vốn và kết quả kinh doanh của công trình.

3.2.3 Kế toán chi phí sản xuất

Do đặc điểm của ngành xây dựng là tập hợp chi phí theo từng công trình, HMCT. Tôi xin được lấy số liệu của Công trình Nhà máy sản xuất bao

bì Polypropylene để có thể làm phân tích chi tiết quá trình tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

3.2.3.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

** Nội dung*

Chi phí NVLTT bao gồm giá trị thực tế nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu kết cấu ... được dùng trực tiếp cho việc chế tạo ra sản phẩm. Giá trị vật liệu bao gồm cả chi phí mua, chi phí vận chuyển bốc dỡ tới tận công trình, hao hụt định mức. Trong giá thành sản phẩm xây lắp, khoản mục chi phí NVLTT thường chiếm một tỷ trọng lớn.

** Tài khoản sử dụng*

Để hạch toán chi phí NVLTT kế toán sử dụng tài khoản 621-CPNVLTT, tài khoản này được mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đó là các công trình, HMCT.

** Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp*

Chủng loại vật tư trong công ty rất đa dạng, do vậy để quản lý tốt việc xuất nhập vật tư, cũng như vật tư xuất dùng trực tiếp công ty đã xây dựng hệ thống danh mục vật tư dựa trên phần mềm kế toán của công ty. Tại các công trình do công ty quản lý tập trung, nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho thi công do công ty xuất kho hoặc mua chuyên thẳng tới công trình xuất dùng trực tiếp không qua kho. Kho của công ty được đặt trực tiếp tại công trường đang tiến hành thi công để tạo thuận lợi cho việc xuất dùng nguyên vật liệu một cách nhanh chóng phù hợp với tiến độ thi công.

+ **Đối với vật tư qua kho:** Khi tiến hành thi công công trình phòng kế hoạch cùng phó giám đốc phụ trách vật tư căn cứ tiến độ thi công và định mức sử dụng để lập dự toán lượng cung ứng vật tư cần thiết phục vụ công trường trong từng giai đoạn cụ thể. Khi có nhu cầu về vật liệu, tổ trưởng hoặc đội trưởng lập **Giấy yêu cầu cung cấp vật tư** có xác nhận ban chỉ huy

công trường.

Căn cứ vào đó, bộ phận vật tư sẽ viết phiếu xuất kho gồm 2 liên, người lĩnh vật tư mang 2 liên phiếu xuất đến thủ kho lĩnh vật tư. Thủ kho xuất kho theo đúng số lượng ghi trên phiếu xuất vào cột thực xuất. Người nhận và thủ kho ký cả vào 2 liên, thủ kho đánh số hiệu phiếu. Thủ kho giữ lại 1 liên để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật liệu để hạch toán. 1 liên người nhận đưa về nộp cho đội trưởng hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách công trường để kiểm tra số lượng và chất lượng vật liệu.

Cuối tháng, kế toán công trình tập hợp các chứng từ trên về phòng kế toán của công ty. Tại đây, kế toán vật tư kiểm tra tính hợp pháp, đúng đắn của chứng từ chuyển về rồi lập chứng từ hạch toán chuyển cho kế toán tổng hợp nhập liệu vào máy.

Cụ thể như: Ngày 27/3/2016 xuất kho xi măng phục vụ Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene.

Sau khi bộ phận kế toán của công ty nhận được chứng từ là phiếu xuất kho do thủ kho ở tổ đội chuyển về. Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán trên máy tính theo định khoản:

Nợ TK 621 : 15.000.000

Có TK 152 - xi măng Hoàng Thạch: 15.000.000

Sau khi nhập xong chứng từ, máy tự động chuyển dữ liệu vào các sổ của hình thức Nhật ký chung như sau:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ chi tiết tài khoản 1541- Công trình Nhà máy sản xuất bao bì

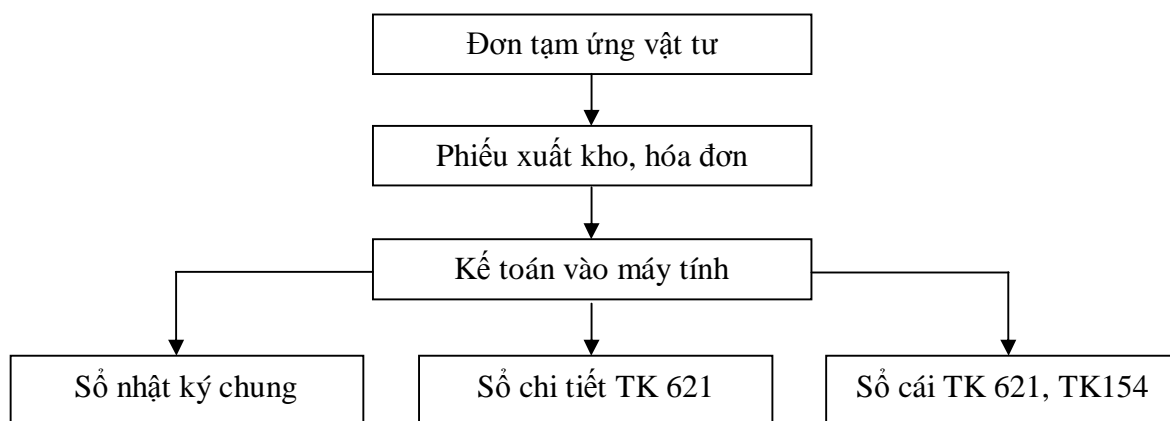
Polypropylene

+ Sổ chi tiết tài khoản 621 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+ Sổ cái tài khoản 154

+ Sổ cái tài khoản 152

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho từng loại vật tư ở từng kho trên thẻ kho. Thẻ kho do phòng kế toán lập và giao cho thủ kho để ghi chép hàng ngày.



Sơ đồ 3. 1: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+ **Đối với vật tư không qua kho:** Căn cứ vào giấy yêu cầu cung cấp vật tư, cán bộ vật tư tiến hành mua và chuyển thẳng tới nơi thi công không qua kho của công ty.

Các chứng từ có liên quan là các hoá đơn GTGT, chứng từ phản ánh chi phí thu mua, chi phí vận chuyển và biên bản giao nhận vật tư đối với bộ phận sử dụng.

Chi phí mua vật tư sẽ được trừ vào tiền tạm ứng của công trình hoặc ghi Có phải trả người bán. Định kỳ 3 đến 5 ngày kế toán ở tổ đội sẽ chuyển chứng từ liên quan đến nghiệp vụ mua cho phòng kế toán ở công ty.

Căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn mua hàng (Biểu 3), kế toán nhập dữ liệu, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy. Sau khi nhập xong chứng từ, máy tự động chuyển dữ liệu vào các sổ của hình thức Nhật ký Chung như sau:

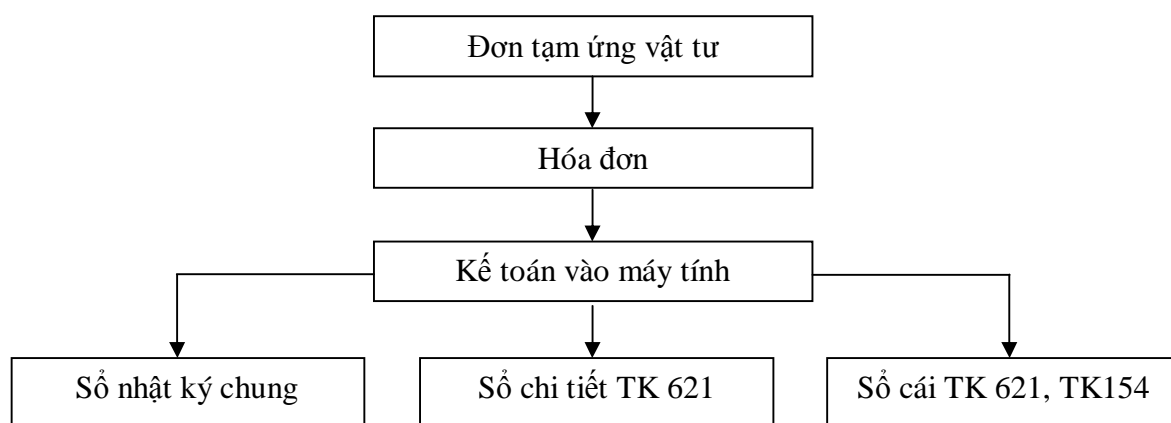
- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái tài khoản 621

+Sổ chi tiết Tài khoản 154.1- Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene

+ Sổ chi tiết tài khoản 621.1 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+ Sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 154

Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ Kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu và sử dụng làm tài liệu lưu trữ.



Sơ đồ 3. 2: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

3.2.3.1. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

• Nội dung

Chi phí nhân NCTT là những khoản tiền lương phải trả cho công trực tiếp sản xuất thi công công trình, bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trong và ngoài hợp đồng dài hạn, lao động thuê ngoài. Và nó không bao gồm các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất, cũng như lương và khoản trích theo lương của nhân viên quản lý. Ngoài ra, công ty còn cho công nhân có thể hưởng một số phụ cấp như phụ cấp làm thêm giờ. Việc hạch toán chi phí nhân công trực tiếp chính xác, hợp lý tiền lương, tiền thưởng rõ ràng sẽ khuyến khích người lao động đạt năng suất cao, chất lượng hiệu quả. Hiện nay, lực lượng lao động tại công ty gồm 2 loại: công nhân viên trong danh sách (hợp đồng dài hạn) và công nhân ngoài danh sách (công nhân thuê ngoài). Bộ phận công

nhân trong danh sách bao gồm công nhân trực tiếp sản xuất và lao động gián tiếp (nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý kinh tế, nhân viên quản lý hành chính). Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm. Đối với lao động gián tiếp sản xuất, công ty trả lương khoán theo công việc của từng người (có quy chế trả lương theo cấp bậc, năng lực và công việc thực hiện hoàn thành của từng người).

Tài khoản sử dụng

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622- chi phí nhân công trực tiếp. Khi hạch toán, tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình, HMCT.

• *Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp*

Khi có một công trình hay hạng mục công trình Công ty sẽ tiến hành giao khoán cho các tổ trong đội trên hợp đồng giao khoán. Căn cứ vào hợp đồng đó các tổ trong đội tự tổ chức thi công dưới sự giám sát của cán bộ giám sát thi công. Trong quá trình thi công, tổ trưởng tự chấm công cho các thành viên trong tổ vào mẫu bảng chấm công theo quy định. Bảng chấm công là căn cứ để kế toán lương tính lương cho các thành viên trong tổ

Sau khi ký hợp đồng giao khoán (Biểu 4), định kỳ hàng tháng hoặc kết thúc

công việc, công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật cùng đại diện tổ, đội trưởng đội xây dựng

làm “Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng”. Dựa vào “Biên bản nghiệm

thu và thanh lý hợp đồng”, “Bảng chấm công”, kế toán đội lập “Bảng thanh toán

lương” cho các tổ. Việc tính lương của từng thành viên dựa trên “Bảng chấm công” - Biểu 5.

Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu, bàn giao về khối lượng, chất lượng với sự tham gia của các thành viên giám sát kỹ thuật bên A, giám sát kỹ thuật bên B, chủ nhiệm công trình cùng các thành viên khác thì tiến hành lập biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng - Biểu 6

Từ các bảng thanh toán lương cho các tổ thi công- Biểu 7, kế toán thanh toán tổng hợp số lượng của công nhân trực tiếp thi công (gồm công nhân thuê ngoài và công nhân trong danh sách). Căn cứ vào số liệu tổng hợp trên bảng này để kế toán tổng hợp lập chứng từ hạch toán nhập liệu vào máy. Sau đó máy sẽ tự động chuyển dữ liệu vào các sổ của Hình thức Nhật ký chung:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái tài khoản 154

+ Sổ chi tiết tài khoản 154.1- công trình Nhà máy sản xuất bao bì

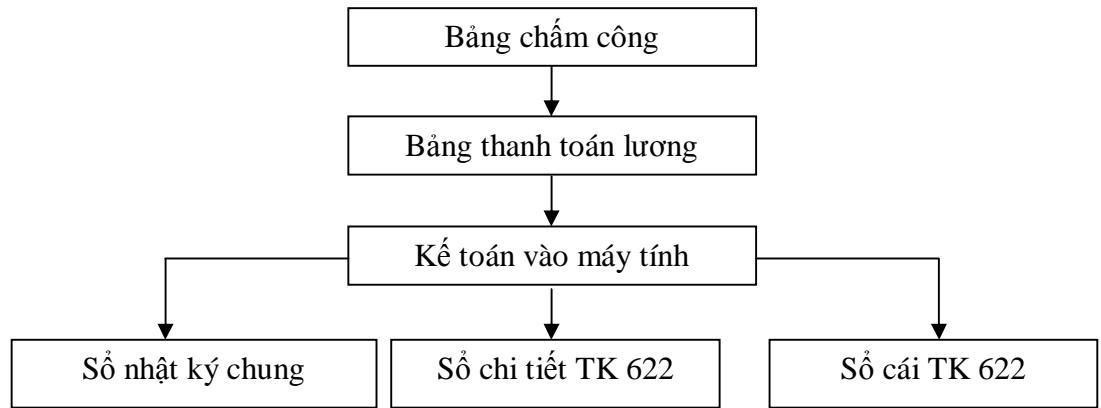
Polypropylene

Dung Quất.

+ Sổ chi tiết tài khoản 622.1 - Chi phí nhân công trực tiếp

+ Các sổ cái và sổ chi tiết liên quan khác.

Khi cần thiết, kế toán sẽ in các sổ kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu, quản lý và làm tài liệu lưu trữ.



Sơ đồ 3. 3: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

3.2.3.2. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:

* Nội dung

Chi phí sử dụng máy thi công ở công ty gồm: Chi phí nguyên liệu, động lực chạy

máy, chi phí nhân công điều khiển máy thi công, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí chung ở bộ phận máy thi công và các chi phí khác phục vụ máy thi công.

Máy thi công của công ty gồm: máy trộn vữa, máy trộn bê tông, máy xúc, máy kéo, ô tô tải... Khi tiến hành thi công công trình, công ty sẽ có lệnh điều động máy thi công phục vụ sản xuất. Sau khi hoàn thành phần công việc thi công, máy sẽ được điều động đi công trình khác hoặc nghỉ bảo dưỡng chờ phục vụ công trình mới.

Công ty có thể thuê ngoài máy thi công, có thể thuê theo phương thức khoán gọn gồm cả nhân công điều khiển máy và nguyên vật liệu chạy máy hoặc chỉ thuê máy thi công. Đối với máy thi thuê ngoài công ty không tiến hành tính khấu hao máy.

* Tài khoản sử dụng

Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công, kế toán công ty sử dụng tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công mở chi tiết cho từng công trình, HMCT.

** Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp*

Khi có công trình, HMCT cần tiến hành thi công bằng máy thi công, chỉ huy trưởng công trường sẽ làm Giấy yêu cầu điều động máy thi công lên phòng tổ chức hành chính của công ty. Sau khi được duyệt, máy thi công sẽ được điều động xuống phục vụ cho công trường thi công do đội cơ giới thiết bị quản lý.

Các loại chi phí sử dụng máy thi công bao gồm:

+ *Chi phí công nhân sử dụng máy thi công:* gồm tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho công nhân ở các tổ máy thi công của công ty và các tổ máy thi công thuê ngoài theo hợp đồng. Công nhân điều khiển máy thi công của công ty hay thuê ngoài đều được trả lương theo hình thức khoán.

Việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công cũng tương tự như hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy thi công.

+ *Chi phí vật liệu phục vụ máy thi công:* gồm chi phí nhiên liệu phục vụ máy thi công như: Dầu, mỡ, xăng...

Căn cứ vào nhiệm vụ thi công, đội cơ giới thiết bị sẽ làm giấy yêu cầu cung cấp nguyên vật liệu phục vụ máy thi công lên chỉ huy trưởng công trình đề nghị cho mua vật tư. Được sự đồng ý của chỉ huy trưởng công trình cán bộ vật tư sẽ mua nguyên vật liệu hoặc thủ kho xuất kho nguyên vật liệu giao cho đại diện của tổ cơ giới. Nguyên vật liệu sẽ được bàn giao cho các tổ máy thi công.

Kế toán công trình sẽ tập hợp các chứng từ liên quan: Giấy yêu cầu cung cấp vật tư, biên bản bàn giao vật tư, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho... định kỳ gửi lên phòng kế toán công ty. Việc nhập dữ liệu vào máy tính tương tự như việc nhập phát sinh chi phí NVLTT.

+ *Chi phí dụng cụ sản xuất:* dụng cụ phục vụ máy thi công gồm: cáp,

kìm cáp... và các CCDC lao động liên quan tới hoạt động của máy thi công.

Chi phí CCDC dùng cho máy thi công được phân bổ tùy theo thời gian sử dụng. Dụng cụ sản xuất dùng cho máy thi công có thể được mua dùng trực tiếp hoặc từ kho của công ty.

Đối với CCDC giá trị lớn thời gian sử dụng dài, kế toán tính toán phân bổ dần hàng kỳ giá trị thực tế CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh của công trình sử dụng. Giá trị phân bổ hàng kỳ tính như sau:

$$\text{Giá trị CCDC phân bổ hàng kỳ} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ sử dụng(dự kiến)}}$$

Chi phí CCDC dùng cho máy thi công được phân bổ tùy theo thời gian sử dụng.

Theo HĐ GTGT số 0079234 ngày 1/5/2016 mua Kìm hàn, cáp, dây hàn phục vụ thi công, giá trị mua 34.500.000 đồng, thời gian sử dụng dự kiến 12 tháng:

$$\text{Giá trị CCDC phân bổ tháng 12} = \frac{34.500.000}{12} = 2.875.000$$

Việc hạch toán tương tự như hạch toán chi phí vật liệu phục vụ máy thi công.

+ *Chi phí khấu hao máy thi công:*

Phản ánh chi phí khấu hao máy thi công. Công ty chỉ tính khấu hao đối với các máy thi công của công ty và hiện nay công ty đang áp dụng trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Số tiền trích khấu hao hàng năm của công ty căn cứ vào tuổi thọ kinh tế và thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích KH trung bình} \\ \text{hàng năm của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng dự kiến}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích KH trung bình} \\ \text{hàng tháng của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Mức trích khấu hao năm}}{12}$$

12

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Gồm tiền mua bảo hiểm máy, chi phí điện nước, chi phí trả cho nhà thầu phụ, chi phí thuê ngoài máy thi công...

Khi thuê máy thi công, chỉ huy trưởng công trình giao cho đội cơ giới thiết bị quản lý sử dụng. Khi hết thời gian thuê máy theo hợp đồng, kế toán công trình xuất quỹ tiền mặt trả cho bên cho thuê. Các chứng từ liên quan là: hợp đồng thuê máy thi công, hoá đơn GTGT...

Đối với các chi phí trả cho nhà thầu phụ như thuê vận chuyên đất, xúc đất móng hố... chứng từ liên quan là: biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành, hợp đồng giao khoán.

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán nhập dữ liệu vào máy.

+ *Chi phí bằng tiền khác*: Gồm chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động máy thi công như chi phí sửa chữa máy thi công, mua phụ tùng cho máy..

Khi máy thi công bị hỏng công nhân điều khiển máy báo cho đội trưởng, sau đó tiến hành lập biên bản kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị và đề nghị đem sửa. Khi công việc hoàn thành lập biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. Kế toán công ty căn cứ vào Biên bản kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, hoá đơn GTGT, giấy báo giá sửa chữa thiết bị máy, và biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng... sẽ lập chứng từ hạch toán và nhập dữ liệu vào máy, và phần mềm kế toán sẽ tự động lưu dữ liệu vào

các sổ Kế toán liên quan như:

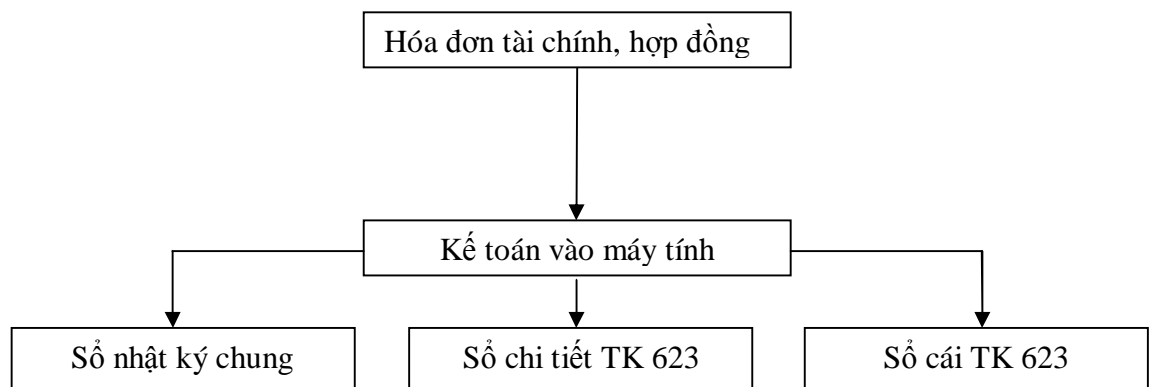
- + Sổ Nhật ký Chung
- + Sổ Cái tài khoản 623
- + Sổ chi tiết tài khoản 623.1- công trình Nhà máy sản xuất bao bì

Polypropylene

Dung Quất

- + Sổ chi tiết tài khoản 623.1 Chi phí sử dụng máy thi công
- + Sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 154
- + Các sổ cái và sổ chi tiết khác có liên quan.

Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu, quản lý và làm tài liệu lưu trữ.



Sơ đồ 3.4: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công

3.2.3.4 Kế toán chi phí sản xuất chung

* Nội dung:

Chi phí sản xuất chung bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho quản lý đội và các chi phí khác bằng tiền khác phục vụ cho công tác giao nhận mặt bằng, đo đạc, nghiệm thu, bàn giao công trình giữa các bên liên quan.

* Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán Công ty sử dụng TK

627- Chi phí sản xuất chung theo từng công trình, HMCT cụ thể.

Đối với chi phí sản xuất chung, khoản nào phát sinh trực tiếp sẽ được tập hợp

trực tiếp cho từng công trình, HMCT. Còn đối với những khoản chi phí sản xuất

chung phục vụ cho toàn đội, xí nghiệp thì tiến hành phân bổ theo tiền lương công

nhân trực tiếp.

** Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp*

+ Chi phí nhân viên sản xuất:

Chi phí nhân viên gồm khoản lương chính, lương phụ và các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên quản lý công trình, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất và công nhân sử dụng máy thi công trong danh sách lao động của công ty.

Căn cứ vào các bảng thanh toán lương- Biểu 8, kế toán tiền lương tính tổng lương cơ bản, lương thực tế của nhân viên quản lý công trường và tính các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân viên theo quy định.

Cuối kỳ, kế toán thanh toán lập hai chứng từ hạch toán nhân viên quản lý và danh sách thu BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: một chứng từ hạch toán tiền lương của nhân viên quản lý, một chứng từ hạch toán các khoản trích theo lương của công nhân viên ở công trường. Căn cứ vào tổng của 2 chứng từ kế toán tổng hợp tiến hành nhập liệu nhập dữ liệu vào máy tính.

+ Chi phí dụng cụ sản xuất

Công cụ dụng cụ dùng cho hoạt động quản lý công trình thường có giá trị nhỏ nên được phân bổ một lần vào chi phí chung dụng cụ sản xuất. Khi mua những công cụ này kế toán công trường vẫn phải tập hợp đầy đủ các

chứng từ: Hoá đơn GTGT, phiếu xuất... dưới công trường, về cho phòng kế toán công ty để kế toán hạch toán vào tài khoản 627.

Thông thường CCDC công ty không quản lý trong kho mà để công trình tự mua bằng tiền tạm ứng để phục vụ thi công khi có nhu cầu, do đó công ty quản lý chi phí CCDC thông qua các hoá đơn GTGT và bảng kê CCDC- Biểu 9 do bộ phận vật tư lập.

Quy trình nhập liệu tương tự như quy trình nhập liệu phân khoản mục chi phí NVLTT, sau khi nhập liệu xong máy sẽ tự động chuyển dữ liệu vào các sổ 627.1, 154.1- liên quan đến Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định

Hiện nay, máy móc thiết bị thi công ở ban chủ nhiệm công trình gồm 2 loại:

máy móc của công ty và máy móc đi thuê. Đối với TSCĐ thuộc sở hữu của công ty, hàng tháng ban chủ nhiệm của công trình phải tiến hành trích khấu hao cho từng TSCĐ. Việc trích khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, dựa trên danh sách TSCĐ đã được cục quản lý vốn duyệt, kế toán tiến hành trích khấu hao và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ- Biểu 10:

Căn cứ vào các chứng từ này, kế toán nhập dữ liệu vào máy.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Khoản chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty gồm: chi phí điện thoại, nước, chi phí thuê TSCĐ phục vụ việc quản lý công trình, chi phí thí nghiệm vật tư.... Khi phát sinh các chi phí dịch vụ mua ngoài, kế toán công trình sẽ tập hợp các hoá đơn chứng từ liên quan như: hợp đồng thuê nhà, Biên lai thanh toán tiền điện nước, phiếu thu của các đơn vị khác... cuối tháng chuyển về phòng kế toán để hạch toán:

Quy trình nhập liệu cũng tương tự như quy trình nhập liệu khoản mục CPNVLT.

+ *Chi phí khác bằng tiền*

Bao gồm chi phí tiếp khách, giao dịch, bảo dưỡng máy móc, in ấn tài liệu... Căn cứ vào các chứng từ gốc có liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, giấy thanh toán tạm ứng, kế toán lên bảng kê chứng từ và tổng hợp vào sổ nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất- Biểu 11 Dựa vào các Chứng từ và sổ sách liên quan kế toán nhập dữ liệu vào máy và máy tính sẽ tự động lưu số liệu vào các sổ sách liên quan như:

+ Sổ Nhật Ký Chung

+ Sổ cái tài khoản 627

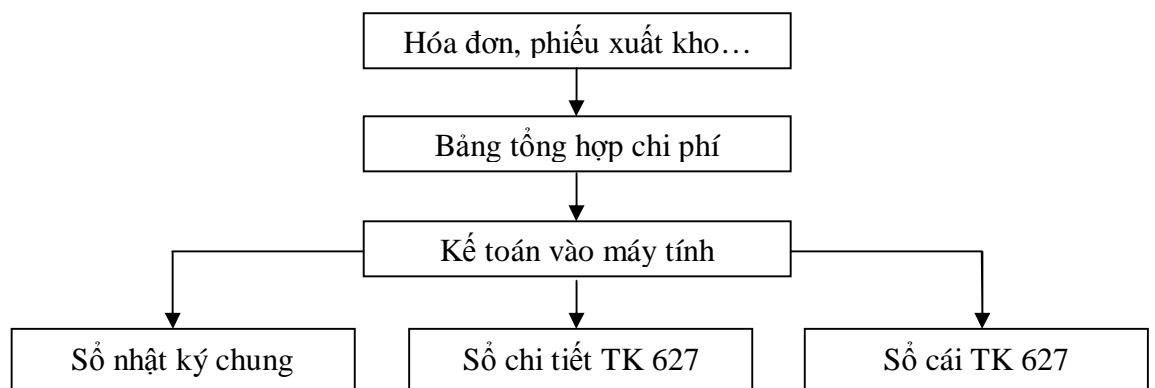
+ Sổ chi tiết tài khoản 627.1 - Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

+ Sổ chi tiết tài khoản 627.1 Chi phí nhân sản xuất chung.

+ Sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 154

+ Và các sổ cái và chi tiết khác có liên quan.

Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu, quản lý và làm tài liệu lưu trữ.



Sơ đồ 3.5: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung

3.2.3.5 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Ở Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là tập hợp theo từng khoản mục chi phí của từng công trình và hạng mục công trình như sau: .

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí sử dụng máy thi công.
- Chi phí sản xuất chung.

Sau khi công tác tập hợp chi phí theo từng khoản mục đã hoàn thành, căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết của các khoản mục chi phí phát sinh theo từng công trình hạng mục công trình kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ sang sổ **chi tiết TK154 theo từng công trình, hạng mục công trình** tương ứng.

3.2.4 Kế toán giá thành sản phẩm tại Công ty

Tại Công ty, việc thanh toán sản phẩm xây lắp hoàn thành là theo điểm dừng kỹ thuật, kỳ tính giá thành là theo tháng. Đây là phương pháp đơn giản để tính giá thành phù hợp với đặc thù sản xuất xây lắp của Công ty.

Công thức tính giá thành:

$$Z = Ddk + Cps - Dck$$

Theo phương pháp tính giá thành này, cuối tháng các cán bộ kỹ thuật chủ nhiệm công trình sẽ đi kiểm kê xác chi phí cố địnhhần việc hoàn thành và dở dang. Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ là khối lượng xây lắp chưa đạt được điểm dừng kỹ thuật hợp lý theo quy định, chưa được chủ đầu tư nghiệm thu và xác định là khối lượng xây lắp dở dang. Sau khi đã xác định được phần việc đã và chưa hoàn thành, kết quả kiểm kê sẽ được chuyển về phòng kế toán. Căn cứ vào bảng kiểm kê khối lượng xây lắp và bảng phân bổ chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán tính ra chi phí dở dang cuối kỳ. Từ đó lập thẻ tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Đối với mỗi công trình và hạng mục công trình, căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản **154**, kế toán tiến hành lập **Thẻ tính giá thành** - Biểu 16 cho từng công trình và hạng mục công trình tương ứng.

Căn cứ vào các chứng từ cần thiết, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Sau đó máy sẽ tự động lưu dữ liệu vào các sổ kế toán của Hình thức Nhật ký chung.

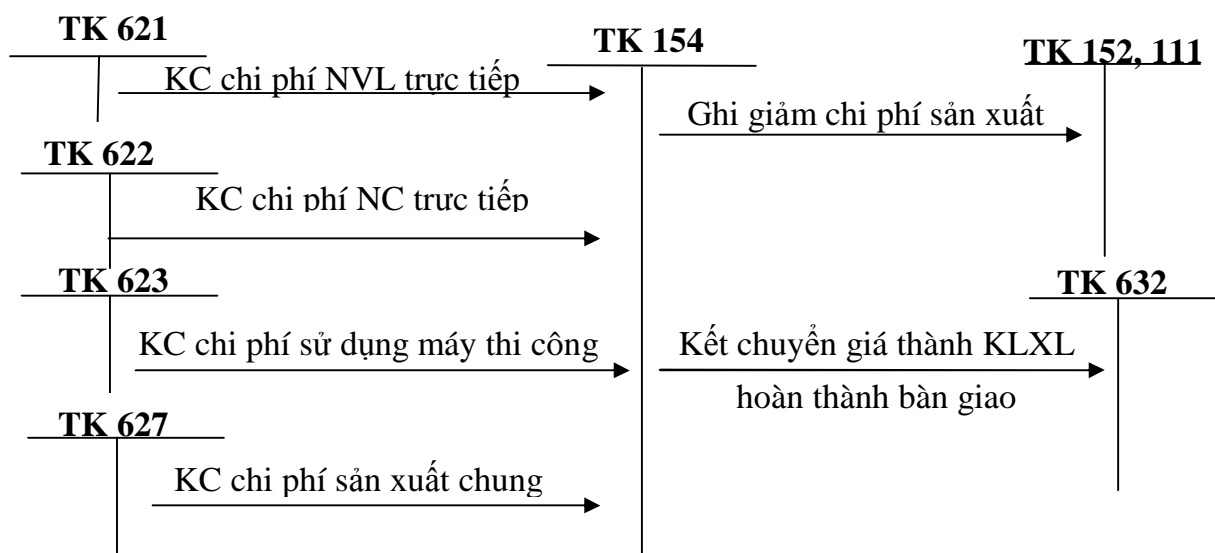
Để xem hoặc in các sổ tổng hợp ra bằng cách:

- + Từ màn hình nền vào “ Kế toán tổng hợp”
- + Chọn “ Sổ nhật ký chung” nếu muốn xem Sổ nhật ký chung, hoặc chọn “Sổ cái tài khoản” nếu muốn xem sổ cái tài khoản.
- + Để in các Sổ ra, chỉ cần ấn nút “in”

Bảng tổng hợp giá thành toàn bộ các công trình đang thực hiện trong tháng 5/2016 được trình bày ở phần phụ lục của luận văn.

3.2.5 Trình tự hạch toán

Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ - Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp tại công ty

3.3 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty dưới góc độ kế toán quản trị

3.3.1 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Công tác phân loại chi phí ở Công ty mới chỉ thực hiện phân loại chi phí theo khoản mục chi phí, theo nội dung kinh tế của chi phí và theo khả năng quy nạp chi phí. Các cách phân loại này về cơ bản mới chỉ phục vụ cho kế toán tài chính, chưa có phân loại theo cách ứng xử chi phí, thẩm quyền ra quyết định, các loại chi phí trong lựa chọn các phương án đầu tư.

Do vậy, Công ty không có số liệu và cơ sở để phân loại giá thành theo góc độ kế toán quản trị như giá thành sản xuất theo biên phí, giá thành sản xuất có phân bổ hợp lý Chi phí cố định sản xuất....

3.3.2 Tổ chức lập dự toán chi phí

Cũng giống như các doanh nghiệp xây lắp khác, Công ty CP xây dựng Phục Hưng 8 cũng sử dụng phương pháp lập dự toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây lắp cụ thể cho từng HMCT sẽ thi công để quản lý chi phí một cách hiệu quả theo Thông tư 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây Dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Phương pháp lập dự toán chi phí sản xuất:

Mỗi công trình xây dựng cơ bản đều được căn cứ trên khối lượng công việc hoàn thành để tiến hành lập dự toán sản xuất theo từng năm/quý. Vào đầu năm, trên cơ sở dự toán chi phí sản xuất đã được lập từng năm, phòng kế toán cùng phòng kỹ thuật của công ty tiến hành lập kế hoạch chi phí. Kế hoạch chi phí sản xuất được lập cho từng công trình (đơn đặt hàng) theo từng quý/ tháng trong năm, trên cơ sở khối lượng công việc dự kiến hoàn thành trong quý/ tháng. Cụ thể, đối với Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất thì việc lập kế hoạch như sau:

Lập bảng dự toán chi tiết:

Đặc trưng của một công trình XDCCB là cần phải thi công theo kế hoạch, theo từng giai đoạn. Khối lượng công việc cần thực hiện trong một kỳ sẽ được xác định trước trên cơ sở tiến độ công việc cần hoàn thành. Căn cứ vào khối lượng công việc thi công trong quý/ tháng, căn cứ vào các định mức xây dựng cơ bản do Nhà nước ban hành để tiến hành tính toán và lập ra Bảng phân tích đơn giá cho khối lượng công việc cần thi công. Bảng phân tích đơn giá là một bảng kê chi tiết về định mức, đơn giá, thành tiền vật liệu, nhân công, máy thi công cần sử dụng cho một công trình, HMCT. Đây là căn cứ để lập ra Bảng dự toán chi tiết.

Bảng phân tích đơn giá được lập như sau:

Biểu 12: BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ
Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

STT	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	AB.11441	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra, rộng >1 m, sâu >1 m, đất cấp I	m ³	1			
		b.) Nhân công					141.377,3
	N.0007	Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm I	Công	0,71	199.123,	1,	141.377,3
2	AF.11111	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông lót móng, đá 4x6, chiều rộng <=250 cm, mác 100	m ³	1			
		a.) Vật liệu					485.249,
	A.3172	Xi măng PCB30	Kg	200,85	1.045,		209.888,3
	A.0516	Cát vàng	m ³	0,53148	189.000,		100.449,7
	A.1357	Đá dăm 4x6	m ³	0,93627	186.000,		174.146,2

	A.2062	Nước (lít)	Lít	169,95	4,5		764,8
		Cộng					485.249,
		b.) Nhân công					282.754,7
	N.0007	Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm I	Công	1,42	199.123,	1,	282.754,7
		c.) Máy thi công					45.790,2
	M.0249	Máy trộn bê tông 250l	Ca	0,095	270.051,	1,	25.654,8
	M.0108	Máy đầm bàn 1kW	Ca	0,089	226.240,	1,	20.135,4
		Cộng					45.790,2
3	AF.81111	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, ván khuôn móng dài, bộ máy	100m2	1			
		a.) Vật liệu					2.932.030,
	A.1760	Gỗ ván	m3	0,792	2.000.000,		1.584.000,
	A.1736	Gỗ đà nẹp	m3	0,0865	2.000.000,		173.000,
	A.1739	Gỗ chống	m3	0,459	2.000.000,		918.000,
		Cộng					2.932.030,
		b.) Nhân công					2.946.878,
	N.0010	Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm I	Công	13,61	216.523,	1,	2.946.878,

Từ bảng phân tích đơn giá, ta lập Bảng dự toán chi tiết như sau:

Biểu 13: BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT
Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

Mã số	Tên công tác / Diễn giải khối lượng	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
				Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
HM	HẠNG MỤC 1								
AB.1144 1	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra, rộng >1 m, sâu >1 m, đất cấp I	m3	158,		141.377		0,	22.337.56 6	0
AF.1111 1	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông lót móng, đá 4x6, chiều rộng <=250 cm, mác 100	m3	230,2	485.249	282.755	45.79 0	111.704.319	65.090.20 1	10.540.85 8
AF.8111 1	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, ván khuôn móng dài, bệ máy	100m2	120,5	2.932.030	2.946.8 78		353.309.615	355.098.7 99	0
.....									
THM	TỔNG CỘNG : HẠNG MỤC 1						1.575.246.3 07	568.472.3 44	281.846.2 70

Biểu 14: BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ
Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Hiện trường	Chênh lệch	Tổng chênh
I.)		I.) VẬT LIỆU						
3	A33.0056	Automat 1 pha 50A	cái	20,	109.520,	48.000,	-61.520,	-1.230.400,
16	A24.0176	Cát mịn ML=1,5-2,0	m3	154,106	40.000,	273.000,	233.000,	35.906.698,
19	A24.0180	Cát vàng	m3	326,5826	62.000,	291.000,	229.000,	74.787.415,4
21	A33.0515	Cọc chống sét	cái	25,	110.000,	150.000,	40.000,	1.000.000,
							
		TỔNG VẬT LIỆU						536.915.266,
II.)		II.) NHÂN CÔNG						
1	N24.0005	Nhân công 3,0/7	công	1.428,5044	50.566,2	174.462,	123.895,8	176.985.695,4
4	N24.0008	Nhân công 3,5/7	công	3.114,6783	54.818,7	190.212,	135.393,3	421.706.573,5
5	N33.0001	Nhân công 3,5/7	công	243,3112	58.198,9	53.854,6	-4.344,3	-1.057.016,8
		TỔNG NHÂN CÔNG						1.156.972.999,
III.)		III.) MÁY THI CÔNG						
5	M24.0019	Đầm cóc	ca	10,8139	124.234,	281.019,	156.785,	1.695.457,3
6	M24.0020	Đầm dui 1,5 KW	ca	79,6964	71.716,	205.843,	134.127,	10.689.439,1
7	M33.0013	Khoan cầm tay 0,5 kW	ca	13,27	64.670,	192.624,	127.954,	1.697.949,6
							
		TỔNG MÁY THI CÔNG						90.370.032

Trên cơ sở bảng dự toán chi tiết và tổng hợp vật tư và chênh lệch giá, đây là cơ sở dữ liệu để lập nên Dự toán tổng hợp chi phí sản xuất.

Bảng Dự toán chi tiết được lập trên cơ sở đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội và định mức xây dựng số 1776/2007 của Bộ xây dựng.

Bảng tổng hợp vật tư và chênh lệch giá được lập trên cơ sở giá hiện trường của NVL, NC, MTC tại thời điểm thi công công trình và đơn giá NVL, NC, MTC trong đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội (giá gốc).

Biểu 15: DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí Vật liệu</i>	VL	A	2.112.161.573,
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	1.575.246.307,
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	536.915.266,
	Cộng	A	A1 + CL	2.112.161.573,
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	NC	B	1.725.445.343,
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	568.472.344,
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	1.156.972.999,
	Cộng	B	B1 + CLNC	1.725.445.343,
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	M	C	372.216.302,
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	281.846.270,
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	90.370.032,
	Cộng	C	C1 + CLMay	372.216.302,
	<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	T	VL + NC + M	4.209.823.218,
II	CHI PHÍ CHUNG	C	T x 6,5%	273.638.509,2
	Giá trị dự toán xây lắp	Z	T+C	4.483.461.727
	LÀM TRÒN			4.483.462.000

- Chi phí vật liệu: (VL): $VL = A1 + CL$; Trong đó:

A1 là chi phí nguyên vật liệu theo đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội (giá gốc);

CL: là chênh lệch giá nguyên vật liệu tại hiện trường trên cơ sở Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại thời điểm thi công và giá NVL trong đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội (giá gốc).

- Chi phí nhân công (NC): $NC = B1 + CLNC$; Trong đó:

B1: là chi NC theo đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội, được

xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng 450.000đ/ tháng;

CLNC: là phần điều chỉnh đơn giá nhân công từ mức lương tối thiểu vùng từ 450.000đ theo đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội lên mức 2.000.000đ năm 2016.

- Chi phí sử dụng máy thi công (M): $M = C1 + CLM$; Trong đó:

C1: là đơn giá máy thi công trong đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội; CLM: là chênh lệch đơn giá máy thi công do điều chỉnh đơn giá nhân công, nhiên liệu tại thời điểm thi công và đơn giá máy thi công trong đơn giá 5481/2011 của thành phố Hà Nội;

3.3.3 Tổ chức báo cáo chi phí

Báo cáo chi phí có thể xem như là một bảng tổng hợp về tình hình chi phí phát sinh trong kỳ. Các báo cáo chi phí được lập nhằm mục đích cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty về tình hình chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó phục vụ đắc lực cho lãnh đạo công ty trong việc kiểm soát, đánh giá và ra các quyết định chi phí cố định hợp kịp thời, đảm bảo duy trì và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để lập báo cáo chi phí, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó tiến hành liệt kê từng khoản mục (yếu tố chi phí) theo số tiền thực tế phát sinh.

Ta tiến hành tổ chức báo cáo chi phí cho Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất như sau:

Biểu 15: BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

Yếu tố chi phí	Số tiền
I - Chi phí trực tiếp	4.113.132.000
1. Chi phí nguyên vật liệu	2.312.161.000
- Vật liệu chính	1.950.531.000
- Vật liệu phụ	361.630.000
2. Chi phí nhân công	1.450.650.000
3. Chi phí máy thi công	350.321.000
II- Chi phí chung	267.353.000
Tổng cộng	4.380.485.000

Có thể thấy Công ty vẫn chưa lập các báo cáo phục vụ cho kế toán quản trị chi phí và giá thành. Do vậy, không có số liệu so sánh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tiết kiệm chi phí trong Công ty.

3.4 Đánh giá chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8

3.4.1. Những ưu điểm đạt được

Kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của công ty đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý chi phí và tính giá thành trong nền tế

thị trường. Công ty đã áp dụng kế toán trên máy vi tính nên việc tính toán, quản lý NVL, nhân công..., khối lượng công việc cho kế toán giảm

nhiều, đáp ứng đầy đủ các thông tin đối với yêu cầu quản lý của đơn vị và các đối tượng liên quan khác. Qua quá trình tìm hiểu về công ty, tôi thấy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty có những ưu điểm sau:

- Công ty tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí kết hợp với theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm là phù hợp với đặc điểm của ngành nghề xây lắp, giúp cho việc quản lý chi phí theo định mức, theo dự toán chi phí được thuận lợi, hợp lý, tăng cường công tác kiểm tra và tiết kiệm chi phí.

- Chi phí NVL trực tiếp:

Chi phí NVL trực tiếp chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng giá thành công trình, nhận thức được điều đó nên Công ty luôn đưa ra các chính sách, quy định nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm NVL. Do các công trình nằm rải rác và thường cách xa Công ty nên để bảo quản tốt NVL, Công ty thường bố trí các kho lưu động ngay tại chân công trình để chứa NVL. Bên cạnh đó để tiện cho việc thi công diễn ra trôi chảy và không bị gián đoạn, đối với một số loại NVL thì đội trưởng các đội được quyền tự mua xuất dùng cho công trình dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban quản lý công trình và Cán bộ vật tư của Công ty.

- Chi phí nhân công trực tiếp:

Công ty đã và đang áp dụng các chính sách sử dụng lao động và chế độ lương thưởng rất linh hoạt, vừa giúp doanh nghiệp quản lý tốt chi phí về nhân công vừa tạo động lực làm việc cho người lao động.

Do cơ cấu lao động trực tiếp của Công ty được chia là hai loại: Lao động thuộc hợp đồng dài hạn và lao động thuê ngoài nên Công ty cũng áp dụng hai hình thức trả lương khác nhau phù hợp với từng loại hình. Với lao động thuê ngoài, Công ty trả lương theo hình thức khoán sản phẩm, như vậy sẽ giúp cho doanh nghiệp vừa đảm bảo được chất lượng công trình mà không

xảy ra tình trạng kéo dài thời gian thi công. Với lao động thuộc hợp đồng dài hạn thì Công ty áp dụng hình thức trả lương theo cấp bậc và thời gian thời gian thực tế làm việc trong tháng, điều này sẽ đảm bảo công bằng và khuyến khích CBCNV có tinh thần trách nhiệm với công việc.

Các sổ chi tiết TK 622 được mở riêng cho từng CT (HMCT) giúp tập hợp chi phí dễ dàng và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin chính xác, kịp thời.

- Chi phí sử dụng MTC

Tuy khoản mục chi phí sử dụng MTC chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng giá thành các công trình nhưng Công ty vẫn luôn có những chính sách quản lý tốt khoản mục chi phí này.

Đa phần các MTC sử dụng trong thi công đều được Công ty thuê ngoài do địa điểm thi công thường cách xa Công ty nên việc vận chuyển máy móc tới công trình rất phức tạp và dễ gây hư hỏng. Từ thực tế đó, để tiết kiệm chi phí, Công ty luôn giám sát chặt chẽ nhu cầu sử dụng MTC đối với từng CT, trong quá trình sử dụng máy luôn chịu sự quản lý và theo dõi của Ban quản lý công trình để đảm bảo máy được vận hành tối đa công suất mang lại hiệu quả cao nhất.

- Chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí còn lại, không trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Tuy nhiên để xác định được chính xác tổng chi phí sản xuất cũng như góp phần hạ giá thành sản phẩm thì khoản mục chi phí này cũng luôn được Công ty quan tâm tới. Các khoản chi phí phát sinh trực tiếp cho CT (HMCT) nào sẽ được tập hợp vào CT (HMCT) đó, còn những khoản chi phí liên quan tới nhiều công trình thì cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ theo các tiêu thức thích hợp (thường là theo giá trị công trình). Với cách tập hợp chi phí như vậy giúp cho nhà quản lý hiểu rõ các nguồn

hình thành chi phí SXC để có những điều chỉnh thích hợp nhằm tiết kiệm chi phí.

Bên cạnh đó, phương pháp giá thành dự toán của công ty lựa chọn giản đơn rất phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản xuất và phương thức bàn giao thanh toán mà công ty đã áp dụng. Giá thành xây lắp được tổng hợp chi tiết theo từng khoản mục giúp công ty có thể so sánh tình hình thực hiện dự toán với kế hoạch đề ra để từ đó công ty thấy được những ưu điểm cũng như những hạn chế trong quá trình thực hiện công tác xây lắp và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 cũng rất quan tâm đến các thông tin về tình hình biến động chi phí trong kỳ. Hiện nay, bộ phận phòng kế toán của công ty đã tiến hành lập kế hoạch chi phí sản xuất cho từng công trình, HMCT trên cơ sở Dự toán chi phí sản xuất đã được lập nhằm giúp Ban lãnh đạo có được cái nhìn tổng quát về lượng chi phí sản xuất dự kiến sẽ phát sinh trong kỳ kế toán.

3.4.2 Những hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác quản lý và hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 vẫn còn một số mặt hạn chế cần phải khắc phục như:

3.4.2.1. Dưới góc độ kế toán tài chính

**** Về luân chuyển chứng từ:***

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Vì vậy có nhiều hạn chế trong việc thu thập số liệu, chứng từ đôi khi còn chậm so với yêu cầu. Điều này là nguyên nhân gây ra sự thiếu chính xác, kịp thời trong quá trình hạch toán chi phí phát sinh trong kỳ và ảnh hưởng tới việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề tài chính cũng như vấn đề phân tích hiệu quả kinh tế vào cuối năm.

** Về chứng từ sử dụng:*

Bên cạnh những ưu điểm về chứng từ ta thấy vẫn còn một số tồn tại sau về chứng từ sử dụng tại công ty: Toàn bộ việc chấm công cho công nhân ở các đội và các phòng do các tổ trưởng thực hiện. Tuy điều này giúp công việc kế toán chi phí giảm bớt nhưng kế toán chỉ có thể nắm bắt được tổng số mà không thể kiểm tra chính xác trong việc tính lương của từng công nhân sản xuất. Do đó có thể có những sai sót mà kế toán không thể nắm bắt và phát hiện kịp thời.

Mặt khác, bên cạnh những chứng từ công ty sử dụng theo quy định của Nhà nước nhưng có một số chứng từ Công ty vẫn chưa sử dụng như : bảng chấm công làm thêm giờ...Đối với bất cứ một Công ty nào đặc biệt là trong ngành xây dựng thì vấn đề làm thêm giờ là thường xuyên xảy ra vì có khi công trình cần thi công gấp. Vì vậy cần cần sử dụng thêm một loại bảng chấm công làm thêm giờ.

** Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:*

Mặc dù trước khi thi công, công ty đã xác định chi phí cho công trình đó trong đó có chi phí NVLTT, nhưng do thời gian thi công kéo dài, trong khi đó giá NVL đầu vào thay đổi từng ngày, nếu nó thay đổi theo chiều hướng tăng sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành công trình. Trong trường hợp này, nếu công ty ký hợp đồng chọn gói thì khi giá NVL tăng công ty phải tự bù đắp bằng cách trích lợi nhuận định mức để bù phần thiếu hụt. Nhưng lợi nhuận định mức thường từ 5,5- 6% tùy thuộc vào loại công trình, nhiều khi không đủ để bù đắp trượt giá nên đây vẫn là vấn đề cần giải quyết.

Mặt khác, tại một số công trường thi công, do ý thức người lao động không tốt nên thường xảy ra tình trạng mất cắp một số vật tư có giá trị cao như sắt, thép... Điều này chủ yếu do công tác quản lý NVL chưa chặt chẽ nên dễ gây thất thoát.

Bên cạnh đó ở Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, các đội thi công công trình là các đơn vị nhỏ trực thuộc chịu sự quản lý của công ty, không có tư cách pháp nhân. Vì vậy việc tự lo mua sắm vật tư cho hoạt động sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Khi có nhu cầu về vật tư, Công ty đã giao cho nhân viên của đội sản xuất trực tiếp mua NVL theo dự toán đã được cung cấp. Tuy nhiên khoản mục chi phí thu mua cũng là đáng kể nếu như các công trình ở xa nhau và khoản này dễ bị làm giá nhằm thu tư lợi cá nhân, làm tăng chi phí sản xuất và tăng giá thành sản phẩm.

** Về chi phí nhân công trực tiếp:*

Công ty không tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm đối với lao động hợp đồng dài hạn, việc thanh toán lương nghỉ phép của toàn công ty được thực hiện vào cuối năm khi có yêu cầu thanh toán lương nghỉ phép gửi lên và được ban giám đốc phê duyệt, khi đó chi phí về tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất và cả chi phí về tiền lương nghỉ phép của nhân viên quản lý phân xưởng trong một năm sẽ được hạch toán hết vào chi phí NCTT và chi phí SXC của tháng 12 và được phân bổ để tính giá thành cho những đơn đặt hàng, công trình thực hiện kết chuyển chi phí tính giá thành tại thời điểm cuối năm. Qua đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phân bổ vào các công trình kết chuyển chi phí vào cuối năm sẽ phải chịu cả chi phí đáng nhẽ phải được phân bổ cả cho các công trình đơn hàng đã tính giá thành trong năm, từ đó không phản ánh được đúng giá thành thực tế của những đơn hàng, công trình này, làm các chỉ tiêu lãi gộp, lợi nhuận trên giá vốn của các sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến việc ra quyết định sản xuất của ban lãnh đạo.

** Về chi phí sản xuất chung:*

Công ty thực hiện hạch toán kế toán chi phí chưa phù hợp: một số CCDC luân chuyển dùng cho nhiều kỳ nhưng không thực hiện phân bổ mà tính một lần vào chi phí. Đối với CCDC có giá trị nhỏ kế toán có thể sử dụng phương pháp phân bổ một lần còn đối với những CCDC có giá trị tương đối lớn, kế toán phải tiến hành phân bổ nhiều lần. Hiện nay, công ty không sử dụng TK 142, 242 để tập hợp chi phí phân bổ nhiều lần cho CCDC có giá trị lớn. Cách làm này đơn giản nhưng sẽ gây biến động chi phí giữa các kỳ, ảnh hưởng đến chỉ tiêu về chi phí giá thành. Như vậy đã ảnh hưởng đến tính hợp lý của các khoản chi phí, có thể dẫn đến sự biến động bất thường về chi phí SXC giữa các kỳ kế toán với nhau.

Bên cạnh đó, tương tự chi phí tiền lương nghỉ phép, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cũng không được trích trước. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh vào tháng nào thì sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất chung của tháng đó. Là một công ty xây dựng nên TSCĐ ở công ty có giá trị lớn, được sử dụng liên tục cho sản xuất, vì vậy việc hỏng hóc có thể xảy ra bất cứ lúc nào, và chi phí để sửa chữa không cố định ở các tháng mà có sự biến động tăng giảm khác nhau, gây ra sự mất ổn định về chi phí sản xuất giữa các tháng, không chủ động về nguồn kinh phí cho sửa chữa lớn TSCĐ.

Hiện tại, Công ty vẫn chưa tiến hành trích trước chi phí bảo hành đối với các công trình xây lắp. Như vậy sẽ không chủ động nếu có vấn đề gì xảy ra đối với các công trình làm biến động lớn tới giá thành công trình.

** Về công tác hạch toán thiệt hại trong hoạt động xây lắp*

Trong quá trình thi công xây lắp thì những thiệt hại do bị hỏng hóc hay phá đi xây lại là không thể tránh khỏi, nhưng hiện tại Công ty vẫn chưa hạch toán riêng khoản mục này mà vẫn tính vào giá thành công trình. Điều

này làm tăng giá thành công trình một cách không hợp lý và không đúng với quy định.

3.4.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay, công ty vẫn chỉ chú trọng đến kế toán tài chính, chưa đi sâu vào lĩnh vực kế toán quản trị để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý. Bộ máy kế toán hiện tại của Công ty mới chỉ đảm nhận chức năng của kế toán tài chính, công ty không có bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng của kế toán quản trị.

Kế toán chi tiết tại Công ty mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin để lập các Báo cáo tài chính. Hệ thống thu thập thông tin của công ty cũng chỉ đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin cho kế toán tài chính, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thông tin cho kế toán quản trị.

Về cách phân loại chi phí phục vụ kế toán quản trị chi phí: Công ty chưa phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí. Đồng thời, công tác phân loại chi phí chưa đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị chi phí. Chính vì công tác tổ chức kế toán quản trị chưa được quan tâm một cách đúng mức nên những ứng dụng của kế toán quản trị vào kế toán chi phí chưa thực sự có ý nghĩa cũng như chưa cung cấp một cách đầy đủ những thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra các quyết định quản trị của ban lãnh đạo Công ty.

Về việc lập dự toán mới chỉ dừng lại ở cấp độ dự toán tổng hợp, chưa tiến hành lập các dự toán chi tiết để cung cấp thông tin cho quản lý.

Về ứng dụng mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận trong khâu xác định giá bán sản phẩm xây lắp và đấu thầu. Hiện nay, việc xác định giá bán của sản phẩm xây lắp trong Công ty qua đấu thầu vẫn do phòng kỹ thuật xác định trên cơ sở hồ sơ thiết kế và đơn giá do Nhà nước quy định mà chưa căn cứ vào điều kiện và khả năng sản xuất hiện tại của công ty.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG 8

4.1. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện

Để thực hiện các giải pháp hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đi đúng hướng và đạt hiệu quả cao thì việc hoàn thiện phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất: Nắm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán kế toán nói chung cũng như tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng. Song song với việc phản ánh là sự giám đốc quá trình kinh doanh một cách có hiệu quả. Do vậy cần hoàn thiện toàn bộ kế toán từ chứng từ, tiền lương, sổ sách đến tổ chức bộ máy kế toán nhằm tăng cường mức độ chính xác và kịp thời thông tin về biến động tài sản, công nợ, đưa ra các giải pháp tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động, kinh doanh của Công ty. Muốn vậy, các phòng ban giúp việc cho Giám đốc phải kết hợp chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện tốt chức năng của mình.

Thứ hai: Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải dựa trên đặc trưng của ngành kinh doanh xây dựng cơ bản.

Thứ ba: Kết hợp giữa tính thống nhất và đa dạng về nội dung và phương pháp hạch toán. Nội dung phương pháp cần dựa trên Luật kế toán cũng như các chế độ về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, báo cáo tài chính. Song cũng cần phải dựa trên những đặc điểm riêng của đơn vị mình mà có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Thứ tư: Kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với

tiềm năng tri thức của con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

Thứ năm: Bảo đảm nguyên tắc phục vụ theo yêu cầu của kinh doanh trên cơ sở thực hiện đúng các qui định về pháp luật. Nguyên tắc này đòi hỏi khi hoàn thiện kế toán, không những nhạy bén, trung thực, phù hợp với các quy luật của thị trường về kinh doanh mà còn phải tuân thủ đúng các chế độ và chính sách của Nhà nước. Khi có những vấn đề bất cập nảy sinh thì cần thiết phải có đề xuất kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có các biện pháp điều chỉnh cho phù hợp.

4.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8

Để thực hiện tốt công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng thì phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ của hạch toán kế toán. Hơn nữa, cần phải xuất phát từ đặc trưng của các đơn vị sản xuất kinh doanh để có hướng hoàn thiện thích hợp. Đó là một quá trình từ chỗ nhận thức đi đến thay đổi thực tế rồi lại từ thực tế phát huy, bổ sung thêm cho nhận thức lý luận và song song với điều kiện phải đảm bảo nguyên tắc phục vụ yêu cầu quản lý.

Qua thời gian tìm hiểu đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng kế toán tại Công ty, tôi xin có một số ý kiến đề xuất như sau:

4.2.1. Dưới góc độ kế toán tài chính

*** Về công tác luân chuyển chứng từ:**

Chứng từ ban đầu là những chứng từ lập ngay khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, làm căn cứ vào sổ sách kế toán và kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của nghiệp vụ. Vì vậy, tập hợp chứng từ đầy đủ, kịp thời sẽ quyết định tới tính chính xác tin cậy của số liệu, của phương pháp kế toán.

Do số lượng chứng từ phát sinh ở các tổ đội rất lớn, việc hạch toán lại hoàn toàn tập trung tại phòng kế toán của công ty nên khối lượng công việc thường tồn đọng lớn. Hơn nữa, thường thì cuối tháng các tổ đội mới chuyển chứng từ về công ty, mà chủ yếu là chứng từ NVL để phục vụ kế toán thuế, còn các chứng từ như tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất thường thì khi công trình hoàn thành mới chuyển về, khiến cho việc hạch toán chi phí xây lắp cho các công trình thường không được kịp thời.

Bên cạnh đó, đối với một số chi phí NVLTT ở các Đội thi công đã mua và xuất kho vào công trình, nhưng do khó khăn về tài chính công ty chưa thanh toán tiền kịp thời dẫn đến đơn vị cung cấp NVL chưa trả hóa đơn GTGT. Theo quy định của Tổng cục thuế nếu thời điểm lập hóa đơn khác năm so với thời điểm mua hàng (đã qua thời điểm doanh nghiệp phải quyết toán thuế), số thuế GTGT trên hóa đơn không được khấu trừ mà phải hạch toán vào chi phí. Thực tế cho thấy ở công ty vẫn thường xảy ra tình trạng này, điều này sẽ làm cho chi phí xây lắp tăng và tổng lợi nhuận giảm.

Để khắc phục được những điều đó, công ty nên đưa ra những quy định thống nhất trong công tác luân chuyển chứng từ cho các tổ đội, có phương án tài chính cụ thể đối với từng dự án để chủ động nguồn vốn thanh toán nợ cho nhà cung cấp. Đối với các công trình ở xa công ty nên cho phép các đội tự tổ chức hạch toán kế toán, sau đó định kỳ nộp lên phòng kế toán của công ty để kiểm tra. Còn đối với công trình ở gần, việc lập bảng kê và thanh toán có thể thực hiện thường xuyên hơn, không chỉ một tháng một lần. Trên cơ sở đó, các nhà quản lý có thể đưa ra các điều chỉnh kịp thời, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất đồng thời có thể kiểm soát chặt chẽ chi phí trong Doanh Nghiệp.

*** Về chứng từ sử dụng (Sử dụng bảng chấm công làm thêm giờ):**

Để quản lý việc làm thêm giờ Công ty nên sử dụng “Bảng chấm công

làm thêm giờ” theo mẫu số OIb-LĐTL ban hành theo Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/1/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để nâng cao cơ sở pháp lý của công tác hạch toán.

*** Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Thứ nhất, công ty cần có biện pháp đánh giá mức tiêu hao NVL kế hoạch, so sánh với mức tiêu hao NVL thực hiện, từ đó xác định tỷ lệ bù đắp chi phí phát sinh thêm do tăng giá NVL, đồng thời theo dõi tình hình biến động và tình hình sử dụng tiết kiệm hay lãng phí NVL, từ đó tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục.

Thứ hai, do vật tư chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá thành, mặt khác vật tư ngành xây dựng lắp lại rất cồng kềnh, số lượng lớn, lại tập trung ở nơi thi công nên nếu không có thủ tục nhập kho, xuất kho chặt chẽ thì rất dễ gây thất thoát, hao hụt, mất mát. Không những vậy, tại mỗi công trình thi công đều có một kho tạm chứa NVL tương ứng. Trong khi đó, công ty lại tổ chức thi công trên nhiều công trường, có nhiều công trình, hạng mục công trình cùng được thi công tại nhiều địa điểm khác nhau và nhu cầu sử dụng NVL diễn ra liên tục, thường xuyên. Vì vậy, để quản lý tốt việc nhập kho, xuất và sử dụng vật tư thì bên cạnh việc theo dõi vật tư qua phiếu nhập kho, xuất kho, phiếu đề nghị lĩnh vật tư của các đội sản xuất, biên bản đối chiếu khối lượng của chủ đầu tư, kể cả trường hợp khi giao cho đội xây lắp chủ động mua nguyên vật liệu ngoài quy định chuyên bộ chứng từ gồm: hợp đồng kinh tế với nhà cung cấp thông báo mức giá của nhà của nguyên vật liệu cung cấp, hóa đơn mua hàng, chứng chỉ về chất lượng của nguyên vật liệu còn cần bố trí nhân viên Công ty kiểm tra thực tế, đối chiếu chéo. Đồng thời, nguyên vật liệu khi mua về dù được đưa thẳng đến chân công trình, nguyên vật liệu mua về phải hạch toán vào TK 152, TK 153 và thực hiện thủ tục nhập kho, xuất kho để tăng cường công tác quản lý vật tư. Công ty nên

sử dụng thêm Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Biểu số 18). Việc này sẽ giúp bộ phận kế toán theo dõi số lượng vật tư thực tế sử dụng trong kỳ làm căn cứ tính giá thành sản phẩm xây lắp, đồng thời có thể xác định trách nhiệm về tính pháp lý của phiếu báo thông qua chữ ký của bộ phận sử dụng.

Mẫu phiếu như sau:

Biểu 18: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.

PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày 31/12/2016

Đơn vị: Đồng

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Lý do sử dụng
1	Xi măng Hoàng Thạch		Tấn	7	8.400.000	Phục vụ thi công Công trình Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene Dung Quất

*** Về chi phí nhân công:**

Hiện nay công ty chưa tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân viên hợp đồng dài hạn. Khi khoản chi phí này thực tế phát sinh thì kế toán mới hạch toán, trong khi việc nghỉ phép của người lao động lại không diễn ra đều đặn hàng năm. Vì vậy công ty nên tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép và tính vào CPSX sản phẩm xây lắp. Khi trích trước tiền lương nghỉ phép kế toán định khoản sau:

Trích trước vào chi phí về tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, ghi:

Nợ TK 622, 627, 642 - Chi phí nhân công trực tiếp, ...

Có TK 335 - Chi phí phải trả.

Khi tính tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả cho người lao động, kế toán ghi:

Nợ TK 335 - Chi phí phải trả (số đã trích trước);

Có TK 334 - Chi phí tiền lương thực tế phải trả cho người lao động;

Có TK 622, 627, 642 – Ghi giảm chi phí, nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phải trả;

*** Về Phân bổ CCDC:**

Đối với CCDC có giá trị lớn, được sử dụng trong thời gian dài thì kế toán cần tiến hành phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng tương ứng của CCDC. Ban đầu, khi mua CCDC về, kế toán ghi tăng giá trị CCDC vào TK 242.

Nợ TK 242: Giá trị CCDC chờ phân bổ

Có TK 331, 112, 111:...

Hàng tháng, kế toán tiến hành phân bổ giá trị CCDC vào chi phí tương ứng với thời gian sử dụng của từng loại:

Nợ TK 627

Có TK 242

*** Về Chi phí bảo hành công trình**

Ngoài ra, kế toán cần lưu ý tới khoản mục chi phí bảo hành công trình để tiến hành trích trước khoản này nhằm chủ động trong các tình huống bất ngờ có thể xảy ra để không gây biến động lớn tới giá thành công trình.

- Hạch toán chi phí bảo hành công trình: Khi sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao, kế toán căn cứ vào giá trị công trình hoàn thành, dự kiến mức trích lập dự phòng bảo hành công trình nhưng tối đa không quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp (*theo quy định tại thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014*).

+ Khi trích trước chi phí bảo hành công trình, ghi:

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Có TK 352 - Dự phòng phải trả

+ Khi phát sinh chi phí sửa chữa và bảo hành công trình, ghi:

Nợ TK 621 - Chi phí NVL trực tiếp

Nợ TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng MTC

Nợ TK 627 - Chi phí SXC

Có TK 111, 112, 331, 152, 153...

+ Cuối kỳ tổng hợp chi phí thực tế phát sinh liên quan đến sửa chữa và bảo hành công trình, ghi

Nợ TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

Có TK 621, 622, 623, 627

+ Khi công việc sửa chữa và bảo hành công trình hoàn thành bàn giao cho khách hành, ghi

Nợ TK 352 - Dự phòng phải trả

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

+ Hết thời hạn bảo hành công trình, nếu không phải bảo hành hoặc số trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì tiến hành hoàn nhập số trích trước, ghi:

Nợ TK 352 - Dự phòng phải trả

Có TK 711 - Thu nhập khác

*** Về công tác hạch toán thiệt hại trong hoạt động xây lắp:**

Khi phát sinh thiệt hại trong hoạt động xây lắp, Công ty không nên tính vào giá thành công trình như hiện tại mà nên hạch toán như sau:

- Khi phát sinh thiệt hại trong quá trình xây lắp

Nợ TK 1381: Tập hợp chi phí thiệt hại

Có TK 111, 152, 331, 334: Chi phí khắc phục thiệt hại

- Xử lý thiệt hại: Phế liệu thu hồi, CN bồi thường

Nợ TK 111, 152: phế liệu thu hồi

Nợ TK 1388, 334: giá trị cá nhân bồi thường

Có TK 1381: xử lý giá trị thiệt hại

4.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

4.2.2.1 Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán quản trị:

+ Qua quá trình nghiên cứu về bộ máy kế toán của Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, tôi nhận thấy với điều kiện hiện tại của Công ty, việc tổ chức kế toán quản trị thành một hệ thống riêng biệt so với kế toán tài chính là biện pháp không khả thi mà nên xây dựng bộ máy kế toán quản trị trong mối quan hệ với kế toán tài chính. Theo đó, bộ máy kế toán quản trị vừa đảm bảo tính thống nhất, vừa đảm bảo tính độc lập tương đối với kế toán tài chính.

+ Con người làm KTQT: người làm KTQT không những có kiến thức về kế toán mà còn cần có những kiến thức về xây lắp. Có như vậy mới đảm bảo việc hiểu các dự toán, bóc tách các chi phí của sản phẩm để tính toán được đơn giá, số lượng.

4.2.2.2 Giải pháp về hoàn thiện về phân loại chi phí sản xuất tại Công ty:

+ Phân loại chi phí phải hướng tới nhu cầu thông tin của nhà quản trị.

+ Công ty cần hướng tới phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí, phục vụ cho việc xác định giá phí sản phẩm theo phương pháp trực tiếp nhằm đánh giá đúng đắn hơn thực chất kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như lập dự toán chi phí theo phương pháp trực tiếp làm căn cứ xác định giá dự thầu.

Chi phí của Công ty có thể được phân loại như Biểu số 19 sau:

Biểu 19: Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí tại

Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8

TT	Khoản mục chi phí	Tài khoản	Theo cách ứng xử chi phí		
			Biên phí	Chi phí cố định	Chi phí hỗn hợp
I	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	X		
II	Chi phí nhân công trực tiếp	622	X		
III	Chi phí sử dụng máy thi công	623			
1	Nhiên liệu, điện năng	62302			
	+ Dầu, xăng	623021	X		
	+ Điện năng	623022	X		
2	Chi phí sửa chữa máy thi công	62303	X		
3	Khấu hao máy thi công	62304		X	
4	Tiền lương công nhân vận hành máy thi công	62306	X		
IV	Chi phí sản xuất chung	627			
A	<i>Chi phí phục vụ thi công:</i>				
1	Lán trại, kho, bến bãi, đường công vụ	62701	X		
2	Chi phí CCDC	62702			
	+ Công cụ thuê công ty	627021	X		
	+ Công cụ đội mua dùng nhiều lần	627022		X	
	+ Công cụ đội mua dùng một lần	627023	X		
3	Chi phục vụ khác	62708	X		
B.	<i>Chi phí phục vụ công nhân:</i>				
1	Bảo hộ lao động (thang, quần áo)	62710		X	
2	Chi tai nạn, bảo hiểm, thuốc chữa bệnh	62711		X	
C	<i>Chi phí quản lý công trường</i>				
1.	Chi phí Ban chỉ huy	62715		X	

2.	Điện, nước, điện thoại, fax,...	62716			X
3.	Nhà làm việc Ban chỉ huy	62718		X	
4.	Quản lý phí: VPP, dụng cụ quản lý	62719		X	
5.	Chi khác	62720		X	
V.	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
1.	Chi phí nhân viên quản lý	64201		X	
2.	Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, điện chiếu sáng	64202		X	
3.	Chi phí đồ dùng văn phòng	64203		X	
4.	Khấu hao TCSĐ	64204		X	
5.	Thuế, phí	64205			X
6.	Chi phí dịch vụ mua ngoài	64206			X
7.	Chi phí bằng tiền khác	64207		X	

Đặc điểm sản phẩm DNXL là đơn chiếc và có các Bảng dự toán được xác định trên cơ sở khối lượng của từng công việc xây lắp hoặc từng HMCT và đơn giá xây dựng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định, vì vậy khi phân loại chi phí thành Biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp DNXL chỉ cần quan tâm tới định mức của từng HMCT cấu thành nên sản phẩm xây lắp

4.2.2.3 Giải pháp hoàn thiện về việc xây dựng hệ thống báo cáo KTQT

Báo cáo dự toán trung tâm chi phí: dựa vào định mức giao khoán các công trình, đội trưởng đội thi công chịu trách nhiệm lập báo cáo dự toán trung tâm chi phí trên cơ sở tổng hợp các công trình mà đội thi công đảm nhận. Dựa vào Báo cáo dự toán trung tâm chi phí sẽ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện trong việc phát sinh các chi phí và trách nhiệm của từng cá nhân, trách nhiệm của đội trưởng đội thi công, Biểu số 20

Biểu số 20: Báo cáo dự toán trung tâm chi phí

Công trình.....

BÁO CÁO DỰ TOÁN TRUNG TÂM CHI PHÍ

TT	Tên chi phí	ĐVT	Công trình...	...	Cộng
1	Vật liệu				
2	Nhân công				
3	MTC				
4	CP NCTT				
5	CP SXC				
6	Tổng LNKT trước thuế				
7	CPXL trực tiếp				
8	Thuế GTGT				
9	Đơn giá sau thuế				

Báo cáo kiểm soát chi phí:

Hàng tháng, kế toán công trình hoặc kỹ sư công trình đánh giá khối lượng xây lắp đã thực hiện và đối chiếu với kế hoạch thi công, định mức thiết kế nhằm theo dõi sâu sát, thường xuyên để giúp việc quản lý chi phí một cách chặt chẽ, không bị thất thoát chi phí, cũng như kịp thời phát hiện những sai sót chi phí phát sinh ngoài dự toán, phòng ngừa được việc thi công không đúng. Khi HMCT hoàn thành, căn cứ vào các Bảng báo cáo biến động chi phí này để tổng hợp toàn bộ chi phí thực tế phát sinh và lập báo cáo biến động chi phí theo các Biểu số 21, Biểu số 22, Biểu số 23.

Biểu số 21: Báo cáo biến động chi phí NVL TT

Công trình.....

BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Công việc	Tên vật tư	ĐVT	Định mức		Thực tế		Biến động		Nguyên nhân	
			KL	ĐG	KL	ĐG	KL	ĐG		
Kế toán			Người lập biểu				Đội trưởng			
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>			<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>				<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>			

Biểu số 22: Báo cáo biến động chi phí NCTT

Công trình.....

BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ NCTT

Họ và tên	Công việc	Khối lượng	ĐVT	Định mức		Thực tế		Biến động		Nguyên nhân
				Thời gian	ĐG	Thời gian	ĐG	Hiệu suất LĐ	ĐG	
Kế toán			Người lập biểu				Đội trưởng			
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>			<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>				<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>			

Biểu số 23: Báo cáo biến động chi phí SXC

Công trình:.....

BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

TT	Tên CT	GT hợp đồng	KL SP hoàn thành	Dự toán CP SXC	(%) dự toán CP SXC	Thực tế		Biến động CP SXC	Nguyên nhân
						CP SXC ở CT	CP SXC được phân bổ		

Kế toán**Người lập biểu****Đội trưởng***(ký, ghi rõ họ tên)**(ký, ghi rõ họ tên)**(ký, ghi rõ họ tên)*

Báo cáo thực hiện trung tâm chi phí: báo cáo này được các tổ thi công lập để đánh giá hiệu quả của TTCP là chênh lệch giữa các khoản mục chi phí thực tế so với dự toán đã được lập theo định mức thiết kế. Định kỳ hàng tháng, tổ trưởng tổ thi công đánh giá sơ bộ khối lượng đã thực hiện và đối chiếu với tiến độ kế hoạch thi công, định mức thiết kế. Việc theo dõi sâu sát, thường xuyên sẽ quản lý được các chi phí phát sinh để còn phát hiện, hạn chế những sai sót ngoài dự toán, ngăn chặn được hiện tượng thi công không đúng thiết kế. Khi HMCT hoàn thành, căn cứ vào Báo cáo này để TTCP đội thi công sẽ tổng hợp lại để lập Báo cáo tình hình thực hiện chi phí (biểu số 24)

Biểu số 24: Báo cáo thực hiện của TTCP

Đội thi công.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỦA TRUNG TÂM CHI PHÍ

T	Tên CP	ĐVT	Khối lượng			Đơn giá			Thành tiền		
			TT	Dự toán	C/L	TT	Dự toán	C/L	TT	Dự toán	C/L
1	Vật tư										
2	NC										
3	MTC										
4	CP SXC										
5	Tổng LNKT TT										
6	CP XL TT										
7	Thuế GTGT										
8	Đơn giá sau thuế										

Kế toán**Người lập biểu****Đội trưởng***(ký, ghi rõ họ tên)**(ký, ghi rõ họ tên)**(ký, ghi rõ họ tên)*

Quy trình lập Báo cáo tình hình thực hiện của TTCP theo các bước sau:

Bước 1: Tập hợp các CP phát sinh

Bước 2: Tổng hợp CP và tính giá thành đơn vị của HMCT

Bước 3: Lập báo cáo tình hình thực hiện của TTCP

Tổng hợp các báo cáo tình hình thực hiện chi phí của các HMCT, đội thi công lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chi phí cho toàn công trình. Qua phân tích biến động của từng HMCT, người quản lý sẽ đánh giá được trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện.

Báo cáo dự toán Trung tâm lợi nhuận: báo cáo dự toán TTLN được thiết kế theo từng công trình, HMCT. Căn cứ vào quyết định trúng thầu, khối lượng dự kiến các công trình, HMCT mà các đội thi công tại Công ty TNHH Đầu tư Quảng Long Thanh Hóa đảm nhiệm, Công ty sẽ lập Báo cáo dự toán lợi nhuận (Biểu số 25) để làm cơ sở đánh giá tình hình thực hiện, kết quả kinh doanh qua việc tổng hợp đầy đủ doanh thu, chi phí.

Biểu số 25: Báo cáo dự toán của TTLN

Công ty.....

BÁO CÁO DỰ TOÁN CỦA TTNL

TT	Chỉ tiêu	CT/HMCT				Cộng
		A	B	C	...	
1	Doanh thu thuần					
2	Biên phí SX					
3	Lãi góp					
4	Biên phí QL					
5	Lãi trên BPQL					
6	ĐP bộ phận					
7	LN Bộ phận					
8	ĐP phân bổ					
9	Tổng LNKT trước thuế					

Kế toán

(ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Đội trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Báo cáo tình hình thực hiện của TTLN: Công ty lập Báo cáo tình hình thực hiện của TTLN dựa trên cơ sở các công trình đang thực hiện (Biểu số 26)

Biểu số 26: Báo cáo tình hình thực hiện của TTLN

Công trình.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỦA TTLN

TT	Chỉ tiêu	CT/HMCT				Toàn DN		
		A				
		Dự toán	TT	C/L				
1	DTT							
2	BP SX							
3	Lãi góp							
4	BPQL							
5	Lãi trên BPQL							
6	ĐP BP							
7	LN BP							
8	ĐP phân bổ							
9	Tổng LNKT trước thuế							

Kế toán*(ký, ghi rõ họ tên)***Người lập biểu***(ký, ghi rõ họ tên)***Đội trưởng***(ký, ghi rõ họ tên)***4.2.2.4. Giải pháp hoàn thiện phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

Xác định chính xác giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ phụ thuộc vào mức độ chính xác của việc tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ, chi phí SXKD dở dang cuối kỳ. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ phụ thuộc vào phương thức thanh toán với bên giao thầu và phụ thuộc vào đối tượng tính giá thành của Công ty. Đối với những công trình, HMCT quy định khách hàng thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ

và đối tượng tính giá thành được xác định là công trình, HMCT hoàn thành thì chi phí dở dang cuối kỳ là tổng chi phí xây lắp phát sinh lũy kế từ khi khởi công đến kỳ báo cáo mà công trình, HMCT chưa hoàn thành.

Đối với những công trình, HMCT quy định khách hàng thanh toán theo công việc hay giai đoạn xây lắp đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý, có giá trị dự toán riêng hoàn thành thì chi phí dở dang cuối kỳ là chi phí cho phần khối lượng công việc hay xây lắp chưa hoàn thành và được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí sản xuất xây lắp thực tế đã phát sinh cho khối lượng hay giai đoạn xây lắp đã hoàn thành và chưa hoàn thành theo tiêu thức phân bổ là giá trị dự toán và mức độ công trình hoàn thành.

4.2.2.5. Giải pháp hoàn thiện về công tác và phương pháp tính giá thành

Công tác tính giá thành tại Công ty sẽ được hoàn thiện theo hướng: hàng tháng, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm của các giai đoạn thi công hoàn thành và thể hiện ở “Sổ chi tiết tính giá thành công trình, HMCT xây lắp”, ngoài ra kết hợp theo dõi với giá trị dự toán để có thể so sánh với kết quả thực hiện. Số lũy kế giá thành sản phẩm từ đầu năm đến kỳ này dùng để lập Báo cáo giá thành sản phẩm xây lắp theo yêu cầu quản trị Doanh nghiệp. Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào “Sổ chi tiết tính giá thành công trình, HMCT xây lắp” của tháng cuối năm dòng lũy kế để lập Báo cáo tính giá thành sản phẩm năm theo khoản mục chi phí và chi tiết cho công trình, HMCT. Các sổ này phải được mở chi tiết từ khi bắt đầu khởi công đến khi hoàn thành toàn bộ và bàn giao công trình, HMCT.

Công ty nên áp dụng phương pháp tính giá thành sản xuất toàn bộ, giá thành sản phẩm theo biến phí và phương pháp tính giá thành có phân bổ định phí hợp lý. Vì mỗi phương pháp tính giá thành sẽ cung cấp những thông tin phù hợp cho Công ty có những quyết định phục vụ công tác quản trị.

4.3. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện

4.3.1. Về phía cơ quan nhà nước

Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đơn giá định mức cho ngành xây lắp. Do vậy, Nhà nước cần xây dựng khung đơn giá cho phù hợp để không gây ra sự lãng phí và đảm bảo cho chất lượng của công trình. Bên cạnh đó, hiện nay phần lớn các công trình ở nước ta sử dụng kinh phí từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Do đó, Nhà nước cần cải tiến cơ chế thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng đơn giản hóa, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp xây lắp.

- Tiếp tục nghiên cứu và ban hành các chuẩn mực kế toán và kiểm toán của Việt Nam trên cơ sở phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế và tình hình hạch toán tại các doanh nghiệp xây lắp trong nước.

- Hoàn thiện về lý luận kế toán quản trị ở Việt Nam, bao gồm các nội dung:

- + Xác định rõ phạm vi kế toán quản trị và nội dung kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

- + Xác lập mô hình kế toán quản trị cho các loại hình doanh nghiệp: công nghiệp, xây dựng cơ bản, thương mại, giao thông, bưu điện v.v....

- + Xác lập mô hình kế toán quản trị theo từng quy mô: Doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp quy mô trung bình, doanh nghiệp quy mô nhỏ.

- Hướng dẫn, định hướng kế toán quản trị đối với các doanh nghiệp, tập trung vào một số nội dung: Phân loại chi phí; Số lượng, nội dung khoản mục giá thành sản phẩm dịch vụ; Xác định các trung tâm chi phí, theo từng ngành khác nhau; Yêu cầu hạch toán chi tiết về thu nhập; Các phương pháp tập hợp chi phí theo đối tượng hạch toán; Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang; Các phương pháp tính giá thành; Các loại dự toán; Các loại

báo cáo quản trị; Các chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp; Các loại sổ chi tiết, thẻ chi tiết v.v...

- Nhà nước cũng không nên ràng buộc và can thiệp quá sâu vào nghiệp vụ kỹ thuật kế toán quản trị ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bằng chính sách kế toán hay những quy định trong hệ thống kế toán doanh nghiệp mà chỉ nên dừng lại ở sự công bố khái niệm, lý luận tổng quát và công nhận kế toán quản trị trong hệ thống kế toán ở doanh nghiệp. Đồng thời, Nhà nước cần hỗ trợ tốt hơn cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong đào tạo nhân lực, nghiên cứu, triển khai, phát triển kế toán quản trị và về lâu dài Nhà nước cần tổ chức các ngân hàng tư liệu thông tin kinh tế - tài chính có tính chất vĩ mô để hỗ trợ tốt hơn trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán quản trị ở doanh nghiệp.

4.3.2. Về phía doanh nghiệp

Một là, xây dựng bộ máy kế toán phù hợp với cơ cấu quản lý của công ty. Xác định số lượng nhân viên kế toán cần thiết để đảm nhận khối lượng công việc kế toán của công ty. Tìm kiếm những nhân viên kế toán có trình độ phù hợp với quy mô phát triển của công ty để tiết kiệm chi phí. Nhanh chóng tuyển dụng và đào tạo lại nhân sự kế toán với định hướng đa dạng hoá nghiệp vụ và sử dụng thành thạo các công cụ xử lý thông tin hiện đại. Tăng cường hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp kế toán, phát triển các dịch vụ tư vấn kế toán và tư vấn lập báo cáo tài chính. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, hội thảo đội ngũ cán bộ kế toán.

Hai là, tổ chức thực hiện, vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, luân chuyển xử lý chứng từ là khâu quan trọng, quyết định đến thông tin kế toán. Do vậy, việc tổ chức luân chuyển trong các đơn vị phải nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng, tránh chông chéo là rất cần thiết.

Thứ ba, xác lập hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh để làm cơ sở xác lập, định hướng thiết kế, xây dựng mô hình kế toán quản trị. Nhanh chóng phát triển và kiện toàn hệ thống xử lý thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh tự động hoá. Đây là điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến để áp dụng kế toán quản trị và kế toán quản trị chỉ có thể áp dụng, tác động tích cực, hiệu quả với điều kiện xử lý thông tin hiện đại. Việc cung cấp thông tin kế toán phải đa dạng, phải coi trọng việc xây dựng, khai thác hệ thống báo cáo nội bộ và phải thấy được ý nghĩa của báo cáo kế toán quản trị trên các mặt sau: Cung cấp số liệu để phân tích thường xuyên tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo từng mặt cụ thể; Cung cấp các thông tin cần thiết để xây dựng kế hoạch, dự toán cũng như đánh giá lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh tối ưu.

Khi các đơn vị xây dựng hệ thống báo cáo kế toán nội bộ phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau: Các chỉ tiêu phản ánh trong báo cáo kế toán nội bộ phải thống nhất với các chỉ tiêu của các báo cáo tài chính, các chỉ tiêu kế hoạch, dự toán và về phương pháp tính để đảm bảo so sánh được; cung cấp đầy đủ thông tin cho quản trị kinh doanh của đơn vị; số liệu của các chỉ tiêu có liên quan phản ánh trên các báo cáo nội bộ phải thống nhất, đầy đủ, chính xác và trung thực; Hệ thống chỉ tiêu trong báo cáo trung thực; mẫu biểu phải được xây dựng phù hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị và phải đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng các báo cáo nội bộ này.

Bốn là, xác lập và cải tiến nội dung, mối quan hệ trong kế toán hiện nay (đa số nội dung kế toán của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiện nay chỉ tập trung vào kế toán tài chính), cải tiến mối quan hệ giữa bộ phận kế toán với các bộ phận quản lý, bộ phận sản xuất kinh doanh.

Năm là, cần phải từng bước xây dựng một hệ thống báo cáo quản trị. Một số báo cáo cần thiết trong quản trị doanh nghiệp là: Báo cáo tình hình sử dụng vật tư (trong đó phản ánh số lượng, đơn giá, chất lượng của từng chủng loại nhập và xuất dùng, ở từng bộ phận sử dụng) để thấy được tính hiệu quả trong việc sử dụng vật tư tại từng bộ phận, từ đó có biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng hơn nữa; Báo cáo tình hình nợ phải thu (theo từng đối tượng phải thu, thời hạn thanh toán); Báo cáo tình hình nợ phải trả theo từng chủ nợ và thời hạn thanh toán.

Sáu là, tổ chức và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất kinh doanh; từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng sản xuất kinh doanh; cần phải ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cụ thể là việc sử dụng tối đa phần mềm kế toán để cập nhật dữ liệu hàng ngày, giúp nhanh chóng có được những thông tin cần thiết cũng như việc tìm kiếm dữ liệu được nhanh và kịp thời.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, tác giả nhận thấy bên cạnh những vấn đề đạt được trong kế toán chi phí, còn tồn tại những vấn đề Công ty cần phải quan tâm. Trong chương 4, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện các nội dung sau: Hoàn thiện công tác tổ chức và hạch toán chi tiết kế toán tài chính và kế toán quản trị tại đơn vị, đồng thời hoàn thiện thu thập thông tin liên quan đến quản trị chi phí trong hoạt động sản xuất xây lắp.

Để tạo cho việc thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, luận văn cũng đã đưa ra một số kiến nghị thực thi giải pháp đối với Nhà nước, các cơ quan ban ngành, cơ quan chức năng và Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 nhằm tạo ra môi trường vĩ mô và vi mô hỗ trợ cho quá trình tổ chức thực hiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.

KẾT LUẬN

Ngày nay, các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt trong lĩnh vực xây lắp nói riêng luôn đặt vấn đề quản lý tốt chi phí và hạ giá thành sản phẩm lên hàng đầu vì đây được coi là vấn đề cốt lõi, quyết định tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hạch toán kế toán đúng, đủ chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn được quan tâm sát sao để giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn.

Qua việc đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu tình hình thực tế, tác giả nhận thấy rằng công tác hạch toán kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Những thông tin mà kế toán cung cấp đặc biệt là thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm giúp các nhà quản lý đánh giá được thực trạng sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp. Từ đó đề ra những biện pháp quản lý kinh doanh thích hợp nhằm tăng năng suất, hiệu quả hoạt động. Mặt khác các thông tin kế toán còn giúp các nhà quản trị nội bộ phân tích, đánh giá nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu không thể thiếu đối với sự phát triển và lớn mạnh của một doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng 8, tác giả nhận thấy công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty rất được chú trọng. Bên cạnh ưu điểm mà Công ty đạt được cũng có một số tồn tại trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Vì vậy, kế toán cũng cần có những bước đổi mới, đặc biệt là công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm để phục vụ mục đích quản trị nội bộ.

Trong bài viết của mình tác giả đã có những phân tích, đề xuất dưới góc nhìn kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty. Ngoài ra do thời gian tiếp xúc với thực tế tại Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng 8 chưa nhiều nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo, Ban lãnh đạo Công ty và các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty để em ngày càng hoàn thiện bài nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội Việt Nam (khoá XI), Luật Kế toán 2015, ngày 20/11/2015.
2. Bộ Tài chính (2006), Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.
3. Bộ Xây dựng (2007), Định mức 1776/BXD-VP ngày 18/6/2007 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.
4. Bộ Xây dựng (2016), Thông tư 06/2016-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng, hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
5. Bộ Tài chính (2014), Thông tư 200/2014, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
6. Nghiêm Văn Lợi (2007), Kế toán tài chính – NXB Tài chính
7. Nguyễn Tuấn Duy, Nguyễn Phú Giang (2008), Kế toán quản trị, Nhà xuất bản tài chính.
8. Võ Văn Nhị (2010), Kế toán doanh nghiệp xây lắp, đơn vị chủ đầu tư, NXB Tài chính.
9. Nguyễn Ngọc Quang (2014) Giáo trình kế toán quản trị.
10. Tài liệu Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng 8.